

tình thương

NGUYỆT SAN TRANH ĐẤU VĂN HÓA XÃ HỘI DO SINH VIÊN Y KHOA CHỦ TRƯỞNG



24

Số đặc biệt Đại Hàn
chiến tranh và hòa bình



TÒA SOẠN : 103 NGUYỄN BÌNH KHIÊM SAIGON

Chủ-nhiệm : PHẠM-ĐÌNH-VY

Chủ bút : NGUYỄN-VĨNH-ĐỨC

Tổng-thư-ký : NGÔ-THỂ-VINH

Thư ký : LÊ-VĂN-CHÂU

Quản-lý kiêm Thủ quỹ :

VŨ-THIỆN-ĐẠM

CÁC TRƯỞNG BAN : QUAN ĐIỂM : BÙI THỂ HOÀNH • KHẢO LUẬN : HÀ XUÂN QUỲNH •
TRUYỆN NGẮN : TRẦN MỘNG LÂM • THƠ : TRANG CHÂU • SINH HOẠT Y KHOA
TRẦN CÔNG PHÁT • BÀN TAY NẮM LẦY BÀN TAY : NGÔ THỂ QUÍ, LÊ SĨ QUANG •
THỀ GIỚI CHÚNG TÔI : ĐỖ TRẦN • SINH VIÊN VÀ ĐẠI HỌC : NGUYỄN HỮU AN

trong số này

★ QUAN ĐIỂM và KHẢO LUẬN

Từ Gia đình báo đến thị trường báo chí	hiện nay	TÌNH THƯƠNG	II
Sức mạnh Đại học, Sinh viên Đại Hàn		NGÔ THỂ VINH	III
Nền chính trị Đại hàn		KIM BYONG TAE	VI
Vài nhận xét về kinh tế Đại hàn		G.S. MAI VĂN LỄ	X
Thực trạng Đại hàn		CHOE SOK CHAE	2
Vai trò Á châu trong thế giới mới			5
Cuốn số tay Đại hàn			9
Sinh viên Việt Nam tại Nhật		NGÔ THỂ VINH	13
Vài nét về đời sống sinh viên Nhật		SHIMAMURA	16
Đại học Nhật từ mô phỏng đến sáng tạo		MICHIO NAGAI	19
Thử tìm đường lối cải cách giáo dục			
Đại học Nhật		HAJIME TOYAMA	23
Sinh viên và Đại học		PHẠM ĐÌNH VY	27

★ VĂN NGHỆ

Thề giới chúng tôi : « Ai buồn hơn ai »		ĐỖ TRẦN	30
Đêm mất lưới (truyện ngắn)		NGÔ THỂ VINH	33
Bức tường ngang mắt		NGUYỄN VĨNH ĐỨC	36
Điệu Ru chiến sự (LÂN) Mưa bão (PHAN HUY MỘNG)			39
Lời Mẹ (Thê Lộc Nguyệt Tiên)			40
Vùng công phá của bão (truyện ngắn)		TRẦN YÊN THẢO	40
Cho mượn (ĐỖ NGHỆ) Nỗi loạn trong hôn		(TRẦN TÍCH DUYÊN)	43
Một người (truyện ngắn)		SỸ	44
Lửa Sầu (TRẦN DẠ LỮ)			45
Dáng ngờ mùa thu (CAO XUÂN TỬ)			
bây giờ (HƯƠNG PHÚ SA), Nhớ tiếc		(CHU TÂN)	47
Săn tin		CHINH YÊN	48
Những lá thư từ bệnh viện		HOÀNG TRANG	49

★ CÁC MỤC THƯỜNG XUYÊN

Nuôi sọc		TRIỀU-SƠN	51
Dưới mắt Thượng Đê		HANS KILLIAN	53
Lịch sử y học		HÀ HỢP NGHIÊM	56
Hộp thư			58

24

THÁNG 12-1965

NĂM THỨ HAI

K.D số 2532 ngày 10-12-65

**TỪ GIA ĐỊNH BÁO ĐẾN
THỊ TRƯỜNG BÁO CHÍ HIỆN NAY**

Cũng như lịch sử, báo chí nước này đã trải qua biết bao thăng trầm sóng gió, dấn
dáp nhiều lúc tưởng chừng như không có được ngày hôm nay, nhưng dù đã nhần nhục chờ đợi,
làng báo chúng ta vẫn chưa bao giờ nói lên một cách trung thực ý dân về đường lối của một chính
quyền đang tại chức.

Chín năm dưới thời cò Tổng Thông Diệm, mười hai tháng ngang ngược dưới trào [củ]
Tướng Nguyễn Khánh và trong lúc này, nào có thầy bài báo phê bình chính quyền một cách
mạnh dạn đâu? Người ta đã vô tình nhiễm thói quen chỉ thích quật người lúc ngã ngựa hơn là
sửa sai họ trên những lỗi lầm trước mắt và vì vậy, đất nước này mới phải gánh chịu những hậu
quả thảm khốc do một tình trạng báo chí tẻ liệt, [chúng tôi] Những căn bệnh độc hại
của xã hội, báo chí không dám nhận diện ngay mặt; những sai lầm to tát của chính quyền, báo
chí ngoảnh mặt làm ngơ, thậm chí đôi lúc lại a dua với bạo quyền; những khe hở nội bộ không
được lên tiếng mà trái lại muốn đào sâu thêm gây sự chia rẽ trong hàng ngũ bảo trợ. Đó là chưa
kể đến cái khuynh hướng « làm báo thương mại » bắt cần nội dung hay hiện tượng « nhận tiền
làm báo » [chúng tôi] Một trăm năm đã qua rồi kể từ ngày tổ Gia-
Định báo ra đời, thực trạng của làng báo Việt khác nhau lắm, dù đôi lúc xuất hiện lác đác
một vài « tờ báo ra hồn báo » nhưng mệnh yếu vì không tìm thấy một môi trường đồng nhất.
Một thế kỷ trước, tờ báo thúy tử của nước này lại nằm trong tay của người Pháp đô hộ và có lẽ
vì vậy mà suốt khoảng thời gian về sau, báo muốn sống phải nhận sự đỡ đầu lệ thuộc, nhất là
sự đỡ đầu của chính quyền dưới mọi hình thức từ khờ khạo đến tinh vi, [chúng tôi] [chúng tôi]
[chúng tôi] Thật chua chát! Nội có cái trò « nhân
danh » này nọ trong suốt hai mươi năm nay của những kẻ lưu manh chính trị, báo chí vẫn không
dám đá động tới vì ngay báo chí nhiều lúc cũng thôi tha như những hạng người ấy. Không nói
jên được một sự thật nào cả, không giải bày được một oan ức của người dân, báo chí ở đây
thiếu sức ủng hộ của độc giả, chỉ trong vào đòn phép bản thù [chúng tôi] [chúng tôi]

Ngoảnh trở lại cái thế giới nhỏ bé của « báo chí Sinh Viên » vừa đầy 3 tuổi, cùng tuổi với Cách Mạng tháng 11, người thức giả với thời cuộc cũng đã thấy một vài tin tưởng nhưng hết sức giới hạn. Báo chí Sinh viên ở đây đã cố gắng phản ánh những nguyện vọng của những con người đại học và quần chúng trong việc thăng tiến xã hội, nhưng vẫn chưa thấu được một sự phổ biến sâu rộng và thiếu những phương tiện vật chất cần thiết.

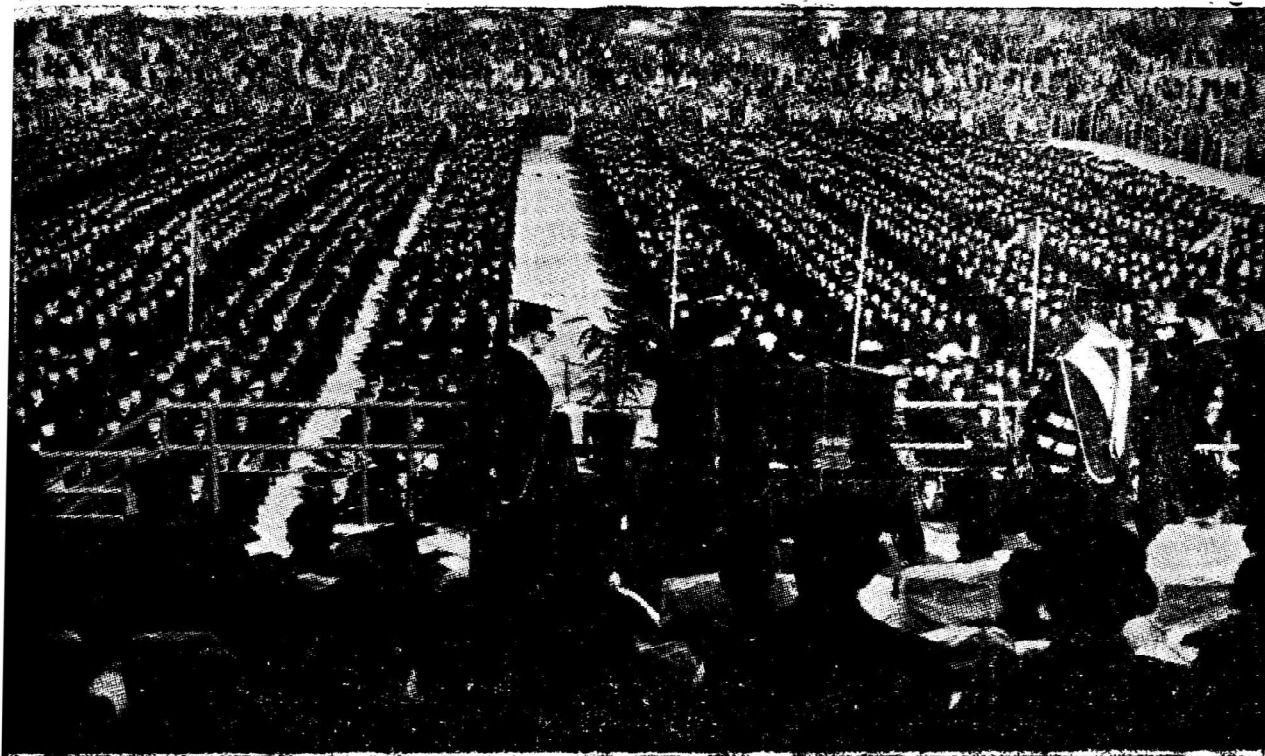
Sở báo phát hành được tính toán tỉ mỉ để khỏi phải bị phá sản, tiền báo bán được
sở trước nung sở sắp đến và cứ thế tiếp tục

Dù phải sống trong những điều kiện khó khăn như trên, tờ *Tinh Thương* chúng tôi vẫn cảm thấy sự hăng hái gia tăng thêm trước trở lực, những số báo vừa đến tay bạn đọc trong bốn tháng gần đây cũng đã chứng tỏ điều ấy. Với một thể tài nguyệt san, thú thật chúng tôi chưa bao giờ nghĩ đến một sự ủng hộ tha thiết của độc giả mà chúng tôi đã nhận được. Chiếu hướng của ngòi bút của toàn bộ biên tập chúng tôi là để cập những thực thể quốc gia một cách thực tế không mộng tưởng, chống giúp người dân nhận định rõ ràng hiện trạng đất nước. Cũng vì thế ở lần kỷ niệm một trăm năm ngày ra đời tờ *Gia Định báo*, chúng tôi xin đặc biệt dành cho số báo này tiêu đề «Đại Hàn sau hai mươi năm xây dựng» và tin tưởng rằng đây là những kinh nghiệm quý báu cho chính quyền vì là kinh nghiệm của một quốc gia gần và giống chúng ta nhất.

TÌNH THƯƠNG

SỨC MẠNH ĐẠI HỌC

SINH VIÊN ĐẠI-HÀN



Đại học Quốc Gia Seoul

NHỮNG CON SỐ KHẢ QUAN

Đại Hàn là một trong những nước đầu tiên ở Viễn đông áp dụng chính sách Giáo dục phổ thông.

Nền Giáo dục Đại Hàn đã phát triển mạnh mẽ trong hai mươi năm qua — Kể từ ngày chấm dứt thế chiến thứ hai 1945, và cũng là ngày dân tộc Đại Hàn được giải phóng. Theo thống kê về giáo dục thì :

— Năm 1945, trên toàn quốc (Nam và Bắc Hàn với 35 triệu dân số) chỉ có 2834 trường học và một triệu tư học sinh.

— Năm 1963 riêng tại Nam Hàn (với 27 triệu dân) đã có tới 5317 trường tiểu học với 4 triệu học sinh. Tỷ số gần gấp 3. Nạn mù chữ rất thấp, số dân biết đọc biết viết lên đến 85% và đáng kể hơn là

sức phát triển của các ngành trung học, chuyên khoa và đại học.

Hiện giờ có vào khoảng : 1122 trường trung học (Middle School), 621 trung học chuyên khoa (high school) quy tụ 970.000 học sinh.

Riêng về Đại Học, phải nhận rằng nền Đại học Đại Hàn đã có một truyền thống khá lâu dài. Theo sử liệu, một «Đại Học» đầu tiên của Đại Hàn xuất hiện vào năm 327 tại Koguryo. Nhưng thực sự thì đến năm 1885 mới có một trường tân tiến Paejae, mở màn cho một kỷ nguyên phát triển ngành Đại Học.

Hiện tại, số Sinh viên Nam Hàn có vào khoảng 130.000 người, quy tụ trong 75 trường đại học (Việt Nam : 4 đại học, 30 ngàn sinh viên) Riêng tại Hán Thành có tới 30 Đại Học — cho 3 triệu dân số — 3 trường nữ Đại Học — và Ehwa University là trường

rữ Đại Học lớn nhất thế giới với hơn 8000 Sinh viên

KHUNG CẢNH SINH HOẠT

Vẻ đẹp của Hán Thành như nằm trong những Đại Học. Cơ sở Đại Học gồm những tòa nhà lớn, nằm giữa những khu đất rộng với đầy đủ tiện nghi. Đó thực sự là những Campus — giống các Đại Học Âu Mỹ — làm nơi sinh hoạt trong và ngoài giờ học của sinh viên. Mỗi trường đều có thư viện và phòng học lớn với đầy đủ sách vở. Như tại Đại Học Seoul, thư viện của trường là một trong những thư viện lớn nhất quốc gia — có đủ loại sách, đủ thứ tiếng và cả những cuốn sách cổ của Đại Hàn chép bằng tay từ 600 năm trước, dành làm nơi khảo cứu cho giáo sư và sinh viên. Hầu như tài sản quý báu của Quốc gia Đại Hàn đều có khuynh hướng quy tụ trong những đại học. Trường nữ Đại Học Ehwa có riêng một viện bảo tàng — để thu thập các công trình sáng tạo nghệ thuật — một hội trường chứa tới 5000 người, dùng làm nơi sinh hoạt trình diễn cho sinh viên...

Mỗi đại học đều có dựng tượng vị khoa trưởng sáng lập, dài kỷ niệm các sinh viên tử nạn trong các cuộc tranh đấu — những sân vận động đề đồ mồ hôi và những bãi cỏ xanh nên thơ để sinh viên sưởi nắng. Người sinh viên Đại Hàn hiện nay được thụ hưởng một nền giáo dục hoàn bị hơn thế hệ cha anh và ngay trong đời sống đại học, họ đã có những hứng khởi đề hướng về tương lai.

ĐẠI HỌC VÀ HẬU ĐẠI HỌC

Con số sinh viên vào Đại Học ngày một đông. Họ thuộc đủ thành phần trong xã hội Đại Hàn. Và hàng năm các Đại Học sản xuất hàng loạt những sinh viên tốt nghiệp thuộc đủ ngành. Làm thế nào để xử dụng hết số người này và tránh một tình trạng «trí thức thất nghiệp». Đó là một vấn đề nạn giải Tùy theo ngành học, sau khi ra trường, người sinh viên kiếm được một chỗ làm cho hợp với khả năng mình, thật không dễ gì. Nhất loại theo đuổi nghệ thuật và văn chương.

Bản khoán lớn của người Sinh viên Đại Hàn là tương lai ngày họ ra trường làm sao có ngay việc làm. Trong buổi trao văn bằng tại Đại Học, một Khoa Trưởng đã khuyến dụ Sinh viên là «các anh đừng bi quan rằng tương lai chỉ là những tối đen, tội hy vọng cầu chúc các anh sẽ có một việc làm xứng đáng để phục vụ xã hội...» Hiện thời, ngay trong thế hệ đi trước, rất nhiều công dân Đại Hàn tốt nghiệp các đại học và sống trong một hoàn cảnh hết sức khiêm tốn. Thành ra — khác hẳn tại Việt Nam — Đại học chỉ đem lại cho người Sinh Viên một cơ hội và khi tốt nghiệp, cuộc dẫn thân vào xã hội của họ mới

được kể là bắt đầu. Một số nữ sinh viên Đại Học Ehwa khi trả lời câu hỏi về mục đích vào Đại Học của họ là đề tăng tiến kiến thức và mong trở thành một *Hiền mẫu* : hơn là những tham vọng khác ngoài xã hội.

Vì sự quá đông đảo và sản xuất hàng loạt sinh viên ra trường như vậy, có một vài người — trong đó có những giáo sư ngoại quốc — cho rằng thiếu những tiêu chuẩn để chọn lựa sinh viên vào Đại Học, và do đó không phải tất cả sinh viên đều có đủ khả năng để hấp thụ một nền giáo dục đại học đúng nghĩa. Điều đó có lẽ đúng. Tuy nhiên nhu cầu xã hội không phải trông đợi ở một thiểu số «élite» được đào tạo một cách khó khăn. Và phải nhận rằng Đại Học Đại Hàn đã cung ứng cho xã hội đủ những cán bộ cần yếu trong thời gian đất nước phải kiến thiết. Chẳng hạn số y sĩ ra trường hàng năm ở Đại Hàn không những đủ dùng trong nước mà còn có thể gửi sang Mĩ Lai hay một vài nước Phi Châu.

Tuy nhiên, ngay chính những người cầm quyền có trách nhiệm, cũng đang tìm mọi cách để canh tân nền giáo dục Đại Hàn, trong năm tới, cố gắng kết hợp làm một — giữa hai cấp trung học ; cải cách chương trình học sao cho hợp với thực tế thời đại. Trên Đại Học, sẽ cố gắng cải tiến giáo dục kỹ thuật và văn chương đề nghiêng về khoa học, sao cho thích ứng với xã hội canh tân trong tương lai.

SINH VIÊN ĐẠI HÀN

Phải nhận rằng, từ nhiều năm nay Sinh viên Đại Hàn đã đóng một vai trò chủ yếu trong những cuộc vận động lịch sử của họ: đấu tranh chống phát xít Nhật, hạ ngã chế độ độc tài Lý Thừa Vãn, thanh toán những tàn tích phong kiến và thực sự giúp đỡ quần chúng

Gần đây, thế giới lại biết đến sinh viên Đại Hàn qua những cuộc biểu tình không lồ để chống Hiệp ước Hàn Nhật. Và qua báo chí, thật khó mà biết được những sự thật đằng sau các cuộc xuống đường ấy. Hậu quả là những nhận định sai lạc về Sinh viên Đại Hàn.

Có thể kể một thí dụ : với một tờ báo lớn có uy tín và ảnh hưởng như tờ Washington Daily News, khi bình luận về các cuộc biểu tình của sinh viên Đại Hàn gần đây, tờ báo đó cho rằng sinh viên Đại Hàn đã chịu sự chi phối xúi dục của các đảng đối lập, họ muốn dùng lực lượng sinh viên để hạ ngã chính phủ hiện hữu. Lại còn những dư luận khác — cũng ở ngoại quốc — cho rằng có Cộng sản trà trộn và lợi dụng, ở đằng sau những đống động của sinh viên. Nhưng sự thật ra sao ?

Khi đặt chân lên đất Đại Hàn, sống và nói chuyện với các sinh viên, tìm hiểu sự thật của vấn đề, chúng

nhận định rằng: Sinh viên Đại Hàn là một tập thể độc lập và thuần nhất, họ hành động theo kinh nghiệm phán đoán mà không hề có đảng phái hay tổ chức nào lôi kéo lợi dụng nổi. Chống Hiệp ước Hàn-Nhật, chống việc ký kết một hiệp ước thân hữu với một liên bang thù nghịch — đúng hay sai, vấn đề còn phải chờ. Nhưng có điều chắc chắn là hành động đó bị thúc đẩy bởi tấm lòng yêu nước thiết tha của sinh viên Đại Hàn và họ chỉ nghĩ tới quyền lợi tối cao của quốc gia Đại Hàn hơn là nhắm tới một mục tiêu nào khác.

Chúng tôi không thể tưởng tượng rằng, 36 năm độ hộ của người Nhật đã để lại cho sinh viên Đại Hàn nhiều cảm phần sót sả đến như vậy. Và từ nhiều năm nay, trong khắp các đại học, giữa các cuộc gặp gỡ sinh viên, vấn đề Hàn-Nhật vẫn là mối bàn khoăn chính được đem ra bàn cãi. Và có lẽ sức mạnh của nền chính trị Đại Hàn bắt nguồn từ sự tham dự trực tiếp và luồng dư luận của sinh viên.

Nếu coi những dấy động sinh viên là sóng trộn đời sống quốc gia, thì ngay trong các vụ « xuống đường » của sinh viên Đại Hàn có rất nhiều ưu điểm:

- tính cách thuần nhất và độc lập.
- mục tiêu đấu tranh rõ rệt.
- không hề có Cộng Sản trà trộn hay lợi dụng (vì sinh viên Đại Hàn có một tinh thần chống Cộng rất cao và niềm tin thắng Cộng của họ coi như là đương nhiên, không có bàn cãi.)
- một lực lượng áp lực thuần túy với chính quyền nói lên nguyện vọng của quốc gia.

Cũng như gần đây tại Việt nam, từ lâu đã có sự hiện diện của quân đội ngoại quốc trên lãnh thổ Đại Hàn. Chủ quyền quốc gia Đại Hàn có bị lung lay không? Câu hỏi không phải dễ trả lời. Chúng tôi chỉ có ý nghĩ rằng với ý chí mạnh mẽ của hàng trăm ngàn sinh viên Đại Hàn hiện tại, một chính phủ nhu nhược không thể nào hiện hữu, mọi tham vọng ngoại bang phải e dè, và cái gọi là « mất chủ quyền » là điều người sinh viên không thể quan niệm nổi.

Chúng tôi nghĩ rằng, tìm hiểu sinh viên Đại Hàn không gì bằng quan sát phản ứng của họ trước những biến cố. Như Hiệp ước Hàn-Nhật. Một hiệp ước ký kết, tạo ra sự chống đối của cả hai bên — và mạnh mẽ hơn cả là của sinh viên Đại hàn. Giả thiết chính phủ Đại hàn phải chịu một áp lực nào đó để chấp nhận sự ký kết thì ngay nơi những phản ứng dữ dội của sinh viên, tạo thêm sức mạnh cho chính phủ, giảm hẳn những áp lực từ bên ngoài tới — nếu có.

Từ đó chúng tôi lại liên tưởng tới tình hình một Việt Nam. Một chính phủ không lấy gì làm mạnh mẽ

tình thương — Số 24

một tập thể sinh viên rồi rồi... Cứu vẫn không phải bằng lời nói bạo của người lãnh đạo trong một cuộc họp báo hay những kêu gào của sinh viên. Sức mạnh là ở chỗ khác, ở những ý thức và niềm tin của đám đông.

Trở lại với những sinh viên Đại Hàn và tinh thần tập thể của họ.

Trước đây, chúng ta chỉ được biết tinh thần tập thể đó qua những vụ biểu tình đấu tranh của sinh viên Đại Hàn. Sự thực không phải một sáng một chiều họ đồng lòng kéo nhau xuống đường như vậy. Mà thứ tinh thần đó đã được đào luyện trong những sinh hoạt từ đời sống đại học giữa những Campus.

Các Đại Học đều có những truyền thống riêng của họ, sinh viên kiêu hãnh được làm sinh viên trường mình. Họ có vô số những Hội những club thể thao, club nói sinh ngữ... Sinh hoạt ngoài giờ học chiếm phần quan trọng trong cuộc đời sinh viên. Được chứng kiến cuộc lễ so tài hàng năm giữa hai Đại Học Korea (60 năm) và Yonsei (80 năm) ở Seoul — cũng như cuộc tranh giải mỗi năm tại Anh giữa hai Đại Học Oxford và Cambridge — Nó như một ngày lễ chung của quốc gia với máy bay thả hoa ném cờ, với toàn thể sinh viên hai Đại Học vây kín vận động trường la hét cổ vũ. Họ tập biểu tình ngay trong sân vận động và buổi chiều ngày cuối cùng, sinh viên trường Yonsei thắng trận, ulla ra từ những sân vận động xếp hàng, mười hai chạy rầm rập reo mừng khắp đường phố.

Quốc gia chiều đãi họ, nhân dân yêu mến họ. Và người sinh viên Đại Hàn không ngừng hy sinh tranh đấu để xây dựng xứ sở. Cuộc Cách mạng tháng Tư năm 60 của sinh viên chống lại Lý thừa Văn khiến có tới 142 sinh viên bị bắn hoặc tra tấn chết. Mộ bia họ được đặt ngay tại đài kỷ niệm của mỗi trường. Nó như một nhắc nhở, một nuôi dưỡng cho bao nhiêu ý nghĩ đấu tranh.

Nói về sinh viên Đại Hàn, điều mà người ta nghĩ tới không phải ở một vài cá nhân xuất sắc lẻ loi, mà là sức mạnh tập thể của họ.

Sau khi thăm viếng những đền đài cổ của hàng bao nhiêu thế kỷ ở tỉnh Kyung Ju, trở về sống giữa những Campus, tôi nghĩ tới câu nói của một giáo sư ngoại quốc nhận định về Đại Hàn : « Tất cả quá khứ Đại Hàn thu về Kyung Ju, nhưng tương lai của xứ sở này nằm trong những Đại Học »

Và câu nói đó diễn tả đầy đủ cảm tưởng của người viết về xứ Đại Hàn — dùng thay lời kết luận.

Seoul 10-65
NGÔ THẾ VINH.

V

HAI MƯƠI NĂM PHÁT TRIỂN 1945-65

NỀN CHÍNH TRỊ ĐẠI HÀN



Tướng Park Chung Hee người hùng của cuộc cách mạng quân nhân

L.T.S.— Một nước Á Châu nhỏ bé, bị đô hộ trong nhiều năm. Sau thế chiến thứ Hai, dân tộc đó có cơ hội để vươn hồi độc lập và giải phóng. Một xung đột mang danh chủ nghĩa lại xảy ra xé xù số đó. Một bên Cộng sản, một bên Quốc gia phe Quốc gia luôn luôn suy yếu vì những tranh chấp nội bộ. Các đảng phái rạn rạc và chia rẽ. Một chính khách lưu vong—xa quê hương lâu năm, không mấy am hiểu tình hình — trở về nắm quyền lãnh đạo với một chính sách chống Cộng mạnh mẽ. Nhưng chống Cộng cũng là một chiêu bài để ông củng cố địa vị và dân áp đối lập hơn là cải tạo xã hội, xây dựng kinh tế. Hàng chục năm trị vì, hàng chục năm lơ phôi, với những lỗi lầm không thể tha thứ càng về sau đó. Giải pháp cuối cùng là một cuộc cách mạng. Độc tài ngu độn, xã hội lên một cơn sốt vì những tranh chấp và bất an. Đảng phái bất lực, chính phủ dân sự bất lực, thúc đẩy sự xuất hiện của vai trò quân nhân. Cuộc cách mạng quân đội bùng nổ, đưa quân nhân vào chính quyền, cũng lại những lỗi lầm thiếu kinh nghiệm — trong khi các lực lượng chống đối đang còn đó và điều kiện chính để ổn định tình hình là phải có một Chính Phủ Hợp Pháp.

— Đây có thể là tình trạng chung của Đại Hàn và Việt Nam — Các tướng lĩnh Đại Hàn đã khôn khéo hợp pháp hóa vai trò lãnh đạo của mình bằng một

cuộc tuyên cử hợp hiến. Họ là những người lãnh đạo yêu nước và có khả năng, tương lai chính trị Đại Hàn hứa hẹn những sáng sủa. Riêng tại Việt Nam, trường hợp quân nhân lên nắm vai trò lãnh đạo thực ra cũng chỉ là một giải pháp giai đoạn chứ chưa phải là căn bản để ổn định tình thế. Thêm vào đó, Việt Nam lại đang chìm đắm vào một cuộc chiến tranh. Chiến tranh cũng lại là một chiêu bài để bóp nghẹt dân chủ. Phải sửa soạn cho hòa bình giữa cuộc chiến tranh. Dân chủ bản cũ chưa thể thực hiện ngay nhưng phải được sửa soạn và nhắm tới. Đó là một trong những vai trò của chính phủ không kém phần quan trọng so với những nỗ lực chiến tranh.

Một số nhà lãnh đạo V.N ca ngợi sự thành công của Đại Hàn và muốn rút tỉa ra những kinh nghiệm. Giữa kinh nghiệm và thực tế còn cả một khoảng cách, cần phải có can đảm và lòng yêu nước thật sự mới mong đạt tới.

« Hai Mươi Năm phát triển chính trị Đại Hàn » được viết theo bài « Political Development in Postwar Korea » của Minn Byong-tae, giáo sư chính trị của Đại Học Quốc Gia Seoul, đồng thời là Chủ tịch « Hội Khoa học Chính trị Đại Hàn ».

TÌNH THƯƠNG

Trước 1945, Đại Hàn phải trải qua 35 năm đô hộ của Đế quốc Nhật, vì vị trí địa dư của Đại Hàn như một đầu cầu cho cuộc xâm lăng của Nhật Bản vào lục địa Á Châu. Khác với chế độ thuộc địa của Anh Pháp ở Á và Phi Châu, Nhật Bản đã áp dụng một chính sách cai trị vô cùng hà khắc dựa trên vũ lực quân sự và cảnh sát. Chính sách mệnh danh là « Nhật Hóa » chưa từng thấy ở một lục địa nào khác, ngay trong lãnh vực giáo dục và văn hóa, người Nhật cấm chỉ mọi sử dụng ngôn ngữ Đại Hàn trong việc giảng dạy và giao dịch. Nếu Anh Quốc chỉ sử dụng



Cố Văn Kim Jong-pil tác giả của những dự án táo bạo

hai Sư đoàn để cai trị 300 triệu dân Án thì Nhật Bản dùng một lực lượng tương đương để đối phó với ngót 30 triệu dân Đại Hàn.

Chính sách đó đã gây ra sự chống đối mãnh liệt của người dân Đại Hàn, một dân tộc đã từng có quá khứ lịch sử, văn hóa và khả năng đáng kiêu hãnh.

Các phong trào dân chúng chống đối áp bức Nhật không những ở ngay trong lãnh thổ Đại Hàn mà còn có căn cứ ở Mỹ và Trung Hoa.

Tuy nhiên, Đại Hàn chỉ được trực tiếp giải thoát

bởi chiến thắng của Đồng minh năm 1945. Nền độc lập của Đại Hàn được các cường quốc công nhận trong các hội nghị tột đỉnh Cairo 1943 và Potsdam 1945.

Tháng 7 năm 1945, Hội nghị Potsdam qui định việc giải thoát Đại Hàn khỏi Nhật Bản sẽ được thực hiện bởi các toán quân Nga—Mỹ. Quân Mỹ sẽ tiếp thu vùng phía Nam vĩ tuyến 38 và quân Nga phía Bắc. Chính sự phân ranh tạm thời này — vĩ tuyến 38 — như một định mệnh ràng buộc tương lai Đại Hàn 20 chục năm sau. Ngay sau khi được giải phóng (15-8-45), lực lượng phe tả — lãnh đạo bởi Yo Un-hyong — cấp thiết thành lập một «Hội đồng xây dựng quốc gia: Preparatory committee for establishment of government» và tổ chức những «Hội đồng nhân dân» hàng tỉnh. Một mặt khác khi quân đội Mỹ đổ bộ lên Incheon vào 7-9-45, lãnh tụ Song Chin-U, thành lập một ngay một «Ủy ban tổ chức Đại Hội toàn quốc: Preparatory committee for a national convention».

Các lực lượng tả phái muốn thiết lập tại Nam Hàn một chế độ giống như Bắc Hàn nhưng sự hiện diện của quân đội Mỹ gây nhiều trở ngại cho hoạt động chính trị công khai, họ đòi chiến thuật, xoay qua hoạt động bí mật và các lãnh tụ Cộng sản quan trọng (như Pak Hon-yong và Hoh Hon) thì chạy sang Bắc Hàn.

Trong khi đó, từ các lực lượng quốc gia, khai sinh hai đảng phái chính trị: «Đảng Dân chủ», lãnh đạo bởi Song Chin U, và «Đảng Quốc gia» của An Chaehong. Những sinh hoạt chính trị ban đầu tại Đại Hàn do các thành phần quốc gia ở trong nước khởi xướng với mục tiêu cấp thiết: thành lập một chính phủ dân chủ và loại trừ các phần tử Cộng sản.

Sự trở về của lãnh tụ Lý Thừa Vãn từ Hoa Kỳ (10-45), Kim Kyu-Sik từ Trung Hoa (11-65) làm tăng cường thế lực và sinh hoạt của các phe quốc gia hữu khuynh.

oOo

Ngày 27-12-45, ngoại trưởng 3 nước Mỹ, Ngan Anh nhóm họp tại Mạc Tư Khoa, quyết định đề «bố nước đảm trách việc trao trả độc lập Đại Hàn trong vòng 5 năm». Các lực lượng phe hữu chống lại mãnh liệt quyết định trên — trong khi phe Cộng sản mới đầu phủ nhận nhưng ngay sau đó lại hết sức ủng hộ. Tình trạng này chứng tỏ trong tương lai, sự hợp tác của phe tả hữu là điều không thể thực hiện được. Và Lý Thừa Vãn trong khi khai mạc «Đại Hội toàn quốc tranh thủ Độc lập: National Congress for Promotion of Independence» đã công khai tuyên bố lập trường chống Cộng và nhấn mạnh sự cần thiết sửa soạn một cuộc Tổng tuyển cử

Để chống lại, phe Cộng xoay qua chiến thuật khủng bố, đình công và phá hoại, và thâm nhất phải đề đến vụ «Rối loạn Taegu», do Cộng sản gây ra vào tháng 10-46. Trong khi đó, sự chia rẽ chống đối của

phe quốc gia ngày một trầm trọng. Cuộc tranh chấp giữa Lý Thừa Vãn và các phe Kim Ku, Kim Kyu-sik đã đưa đẩy nền chính trị Đại Hàn vào một giai đoạn xau xé rồi bời và cuối cùng là sự thắng thế của phe Lý Thừa Vãn tiếp theo những vụ ám sát một số chính trị gia như Song Chin U, Chang Dok Su và Kim Ku...

oOo

Từ năm 1947, bắt đầu một cuộc chiến tranh lạnh giữa Hoa Kỳ và Liên Xô, ủy ban hỗn hợp Nga Mỹ phụ trách vấn đề Đại Hàn ngưng hoạt động.

Hoa Kỳ đem vấn đề Đại Hàn ra trước Liên Hiệp Quốc và do quyết định ngày 14-11-1947 của Đại Hội Đồng, một Ủy Ban Liên Hiệp Quốc được thiết lập cho vấn đề Đại Hàn. Nhưng vào tháng giêng năm 1948, Ủy ban bị Nga Xô phủ nhận và không được đặt chân lên lãnh thổ Bắc-Hàn. Và do quyết định của Liên Hiệp Quốc vào tháng 2, cho phép Tiểu Ban này chỉ hoạt động trên phần đất có thể tới — nghĩa là chỉ ở Nam Hàn.

Và như vậy, một cuộc tổng tuyển cử đầu tiên tại Nam Hàn được tổ chức vào ngày 10-5-1948, dưới quyền giám sát của Liên Hiệp Quốc. Cuộc tuyển cử đã dọn đường cho việc xây dựng một nền tảng dân chủ, loại trừ các phần tử Cộng Sản nhưng cũng là cơ hội để cho các phe phái quốc gia xâu xé nhau, đưa tới những chia rẽ nghiêm trọng. Trong khi Đảng Dân chủ và Đại Hội toàn quốc cùng hậu thuẫn Lý Thừa Vãn, tham gia các cuộc bầu cử thì các lực lượng của Kim Ku và Kim Kyu-Sik chống lại và chạy theo chủ trương «thương thuyết Nam Bắc» của tả phái.

Nhưng kết quả vẫn là một Quốc Hội đầu tiên của Cộng Hòa Đại Hàn thành hình, công bố Hiến pháp vào tháng 7-48 và bầu Lý Thừa Vãn vào ghế Tổng Thống. Và Cộng Hòa Đại Hàn được Liên Hiệp Quốc công nhận là Chính phủ duy nhất hợp pháp kể từ tháng 12-1948.

oOo

Thời kỳ thứ nhất của chế độ Cộng Hòa bắt đầu từ đây cho tới trận chiến tranh Cao Ly 25-6-50 với đặc điểm là sự xuất hiện một Lý Thừa Vãn người hùng. Họ Lý có công lãnh đạo phong trào kháng Nhật trên đất Mỹ và ông rất ít am hiểu tình hình quốc nội. Mặc dầu vậy, ông vẫn nắm được mọi quyền hành nhờ sự hậu thuẫn của các nhóm. Ông được ủng hộ bởi đảng Dân Chủ, một đảng có nhiều quyền hành trong nước và cùng một lúc họ Lý thành một «Hội đồng quốc gia tranh thủ độc lập» để kiểm soát đảng này và củng cố quyền lực.

Việc chọn họ Lý vào ghế Tổng thống được coi như một biểu tượng của nền độc lập Đại Hàn — vì quá khứ đấu tranh dai dẳng của ông cho độc lập xứ sở, trong khi đa số các lãnh tụ khác trong nước ít hoặc nhiều có dính dáng liên lụy đến người Nhật ở quá khứ.

Tuy nhiên, sau đó Lý Thừa Vãn chỉ lo củng cố địa vị và quyền hành hơn là cố gắng liên kết các lực lượng phân tán và hàng ngũ hóa dân chúng.

Ông chống Nhật mạnh mẽ nhưng lại thất bại trong việc thu dọn tàn tích để lại của chế độ thuộc địa Nhật. Ông chống cộng, và dĩ nhiên ông là người có công trong việc xây dựng nền Cộng Hòa nhưng có thể nói với chính sách chống Cộng, ông đã lo là trong việc xây dựng kinh tế và bảo đảm đời sống quần chúng.

Chính sách đó, chỉ có tác dụng duy trì lâu dài ông tại quyền hơn là giúp ích cho sự phồn thịnh của quốc gia.

oOo

Sau khi Trương giới Thạch rời lục địa cộng sản Trung Hoa tuyên bố thiết lập một nước «Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa» vào tháng 10 năm 1949.

Cuộc bầu cử quốc-hội thứ hai 30/5 đem lại thất bại cay đắng cho đảng Quốc gia Dân chủ (hậu thân của Đảng Dân chủ) và phe đa số trong quốc hội trước. Trong số 210 ghế có tới 127 ghế của phe độc tập, sự ổn định chính trị rất mong manh. Tuy nhiên, do cuộc tấn công đột ngột của Cộng Sản Bắc Hàn ngày 25/6-1950, những thù nghịch giữa các phe chính trị được hàn gắn và toàn dân Đại Hàn chấp nhận 1 cuộc chiến chống xâm lăng, dưới sự lãnh đạo của tổng thống Lý Thừa Vãn.

Dưới danh nghĩa trợ giúp của Liên Hiệp quốc với sự đóng góp lớn lao của Hoa Kỳ, quân đội Đại Hàn đã bảo vệ được lãnh thổ phía Nam vĩ tuyến 38, với không biết bao nhiêu tổn thất và tang tóc.

Dù chiến cuộc khốc liệt như vậy, Họ Lý vẫn muốn tu chính hiến pháp để bảo đảm phần thắng cử về mình qua một cuộc phổ thông đầu phiếu. Vì bị quốc hội duyệt bỏ họ Lý đã cho nhóm du đảng gồm cả bọn «Sọ người», Skeleton gang» bắt giam hơn 50 nghị sĩ vào bốn cảnh sát. Và Thủ tướng thời bấy giờ là Chang Taek Sang, cho bao vây cả quốc hội, dùng áp lực bắt quốc hội phê chuẩn bản tu chính 4-7-52, trong đó vị Tổng Thống sẽ được bầu trực tiếp bằng một cuộc phổ thông đầu phiếu.

Những gian lận về chính trị như vậy trong thời chiến tranh với Cộng sản đã làm suy giảm rất nhiều uy tín của Tổng Thống Lý Thừa Vãn.

oOo

Năm 53, chính phủ từ Pusan di về Hán Thành. Trong thời gian này, họ Lý giải tán «Đoàn Thanh Niên quốc gia : National Youth Corps», đảng Tự Do — là những lực lượng giúp ông đứng vững trong lúc tình thế nguy ngập ở Pusan. Ông tái lập và cải tổ đảng Tự do. Đảng Tự do này — lãnh đạo bởi Lee Ki-bung, người của Lý Thừa Vãn — đã thu được chiến thắng không ngờ trong cuộc bầu cử quốc hội kỳ 3 ngày 20-5-1954. Chiến thắng đó một lần nữa đem lại cho họ Lý cơ hội củng cố quyền hành bất chấp những lỗi lầm quá khứ.

Với thỏa hiệp ngưng chiến tháng 7-1953 và Hội Nghị Hòa Bình Genève 1954, đã đem lại cho Đại Hàn một hoàn cảnh thuận tiện — quốc nội cũng như quốc tế — để nỗ lực xây dựng kinh tế và ổn định chính trị.

Nhưng Lý Thừa Vãn chỉ lo đàn áp đảng đối lập và củng cố địa vị hơn là xử dụng hữu hiệu viện trợ Mỹ cho nền kinh tế quốc gia.

Tháng 11 năm 54, lại một tu chính Hiến Pháp của Họ Lý — quy định cho Lý Thừa Vãn được làm Tổng Thống suốt đời — bị thua phiếu tại quốc hội và bị các đảng phái đòi lập chỉ trích gay gắt.

oOo

Đặc điểm của thời kỳ thứ ba này là sự ổn định được giá sinh hoạt — nhờ viện trợ Mỹ — và những rối ren về chính trị do ý muốn tham quyền cố vị của Lý Thừa Vãn.

Không những ông đàn áp đòi lập mà còn hủy bỏ tự do báo chí. Từ Nhật báo nổi tiếng Dong-A Ilbo bị đóng cửa và các nhật báo khác bị ngưng phép sau đó. Những lỗi lầm của Lý Thừa Vãn, những tệ đoan hồi lộ công khai thời đó, khiến dân chúng bất mãn và không tín nhiệm ông trong cuộc bầu cử Tổng Thống kỳ 3 năm 1956.

Sin Ik-hi, ứng cử viên Dân chủ đòi lập đã thu hút được rất nhiều phiếu và bị chết vì bệnh tim 10 ngày trước cuộc bầu cử. Và Lý Thừa Vãn lại đắc cử một lần nữa — Nhưng ghế phó Tổng Thống lại rơi vào tay Chang Myun, người cùng phe của Sin Ik-hi. Nhưng sau đó, họ Lý đã trả thù phe đòi lập bằng cách cho mưu sát Chung Myun, sử tử hình Cho Bong-am (ứng cử viên đòi lập thứ ba về tại gián điệp) và cấm sự qui tụ hội họp của các đảng phái đòi lập.

Dư luận chỉ trích nặng nề những sai lầm, bất công và nạn hồi lộ hoành hành dưới chính thể Lý Thừa Vãn giữa mùa tuyên cử Tổng Thống kỳ IV 15-5 1960). Và trở trêu là trước thời gian cận ngày tuyên cử, ứng cử viên Tổng Thống của đảng Dân chủ đòi lập Cho Byong-ok cũng lại lần đầu ra chết không duyên cớ trong một bệnh viện của Mỹ. Cuộc bầu cử chỉ còn là cuộc chạy đua tranh chức phó Tổng Thống giữa Chang Myun đòi lập và Lee Ki-Bung, người của Lý Thừa Vãn.

Để dành phần thắng cho phe mình, nhóm tay chân của Lý Thừa Vãn không từ một thủ đoạn gian trá nào kể cả cách bầu phiếu lẫn đếm phiếu, và kết quả đưa tới — đúng như dự đoán — là họ Lý đắc cử Tổng Thống và Lee Ki-Bung phó Tổng Thống.

Hậu quả là cuộc nổi dậy đầu tiên của Sinh viên ở Masan xô xát với lực lượng Cảnh sát. Phong trào chống đòi lan rộng và bùng nổ ở Hán Thành vào ngày 19-4-60 khiến 142 Sinh viên biểu tình bị thiệt mạng và hàng trăm người khác bị thương. Chính quyền tức khắc ban bố tình trạng khẩn cấp trên toàn quốc nhưng cũng không làm dịu đi những cuộc biểu tình của sinh viên.

Ngày 24-4, một lần nữa giáo sư và sinh viên Đại Hàn lại «xuồng đường» hàng 100 ngàn người với sự hậu thuẫn của quần chúng.

Tình hình bế tắc nghiêm trọng, Lý Thừa Vãn đề đơn sang quốc hội từ chức — tự chấm dứt 12 năm cai trị độc tài của ông.

Ngay sau khi Lý Thừa Vãn ra đi một chính phủ lâm thời do Huh Chong lãnh đạo, tuyên bố hủy bỏ cuộc bầu cử vừa qua và trừng trị những kẻ chủ mưu phá hoại, gian lận. Quốc hội cũng tự giải tán sau khi sửa đổi hiến pháp khai sinh «Đệ Nhị Cộng Hòa».

Cuộc bầu cử hai viện — viện dân biểu và thượng nghị viện ngày 23-7 đem lại thắng lợi lớn cho đảng Dân chủ, và không có sự kháng cự đáng kể của các đảng khác.

Tuy nhiên, đảng Dân chủ lại gặp khó khăn vì những chia rẽ ngay trong nội bộ. Yun Po-Sun được bầu làm tổng thống và Chang Myun thủ tướng. Tình hình chính trị luôn luôn bất ổn vì những cuộc biểu tình như cơm bữa; các đảng phái lại tung ra chiêu bài «thống nhất lãnh thổ bằng hòa bình», điều cấm chỉ dưới thời Lý Thừa Vãn. Tình trạng đó đe dọa nghiêm trọng trật tự xã hội. Cuộc cách mạng 19-4 năm bởi sinh viên, hạ ngã độc tài nhưng sau đó chính lực lượng này lại không thể tham gia vào chính trị trong khi thủ tướng Chang Myun, nhà lãnh đạo quá lý tưởng, thất bại trong việc văn hóa trật tự vì những khản và sự thiếu hòa hợp giữa hành pháp và lập pháp.

oOo

Một tình trạng xã hội và chính trị bất ổn như vậy là nguyên nhân chính cho cuộc Cách mạng quân đội 1961. Dưới sự lãnh đạo của tướng Park Chung-hee, một cuộc đảo chính bộc phát ngày 16-5-61 với sự ra đời của «Hội đồng tối cao xây dựng quốc gia: Supreme Council for National Reconstruction». Trong mục đích làm sáng sủa tình hình giải quyết nạn đói, lạm phát, hoành hành trầm trọng, chính phủ quân nhân đã áp dụng những biện pháp mạnh như kiểm duyệt khắt khe mọi báo chí, cấm chỉ những sinh hoạt đảng phái. Tướng Park còn loại luôn cả những tướng lĩnh bất hợp tác kể cả những người có công với cuộc đảo chánh trước đó.

Lịch sử chứng tỏ rằng lực lượng phản động luôn luôn đứng sau một cuộc cách mạng đến cỡ, rõ và muốn duy trì nó phải có một chính quyền hợp pháp. Bởi lẽ đó chính phủ quân nhân của tướng Park soạn thảo và công bố ngay một hiến pháp mới qui định chế độ

tổng thống chế và đem ra trưng cầu dân ý 26-12-62.

Ngay sau đó, không khí chính trị lại bắt đầu sôi động bằng sự chống đối của nhóm chính trị gia tiền đảo chánh với nhóm chính trị quân nhân mới — một số chính trị gia tiền đảo chánh quay ra hợp tác với đảng Dân chủ Cộng Hòa (D.R.P), hiện thời là đảng cầm quyền. Vào tháng 3, sinh viên lại biểu tình chống chế độ quân phiệt. Các chính trị gia tiền đảo chánh có khuynh hướng chống đảng D.R.P (lãnh đạo bởi tướng Park) lại xâu xé phân tán thành nhiều nhóm: Minfong-dang, Dân chủ đảng, Tự Do Dân chủ đảng mà đảng Nhân Dân...

Và trong cuộc bầu cử tổng thống 15-10-63, Yun Po Sun bị hạ xít xao bởi tướng Park và đảng đối lập cũng lại thất bại cay đắng trong cuộc tổng tuyển cử cách một tháng sau đó.

Chiến thắng của đảng D.R.P — bằng cuộc tuyển cử hợp pháp được coi như yên tỏ đảm bảo sự ổn định chính trị của «Đệ Tam Cộng Hòa khai sinh 17-12-63.

Vẫn có những lăm hối lộ dưới thời chính phủ quân nhân, tình trạng đó được coi như hậu quả của sự thiếu kinh nghiệm chính quyền, thiếu kỷ luật và sự bất ổn của kinh tế thời đó.

oOo

Giữa một tình trạng chưa hẳn được giải quyết, thì sự bất an trong nước lại xuất hiện bởi chính sách hiệp thương với Nhật của chính phủ quân nhân. Từ tháng 3/64, sinh viên lại bắt đầu biểu tình chống chính phủ vì đường lối ngoại giao mềm yếu với Nhật mà họ cho là mất thể diện.

Cuộc chống đối tạm bị dẹp yên sau khi chính phủ ban hành luật khẩn cấp vào 3/6 tại Hán Thành và xã hội Đại Hàn có thể lại lâm vào một tình trạng bất an không lường được bởi tại một chính sách vội vã của chính phủ trong cố gắng bình thường hóa mối tương quan Hàn Nhật.

Một số đồng đảo sinh viên, nhà báo, lãnh tụ tôn giáo và các đảng đối lập đang kết thành một phong trào chống đối việc phê chuẩn hiệp ước Hàn Nhật tại quốc hội và ngay nhóm luật gia thiểu số cũng định từ chức rút lui khỏi quốc hội.

Dân tộc Đại Hàn lại phải đương đầu với một cuộc thử thách mới. Dù sau khi Hiệp ước Hàn Nhật thông qua, sự bất đồng giữa hai phe thuận và chống lại xô đẩy dân chúng tới chỗ phân tán chia rẽ.

Và đó chính là khó khăn phải vượt qua đúng vào năm thứ 20, kể từ ngày giải phóng lãnh thổ Đại Hàn.

theo MINN BYONG - TAE

Một vài nhận xét về KINH TẾ ĐẠI HÀN

G.S. MAI VĂN LỄ

L.T.S. Cái mà chúng ta nhắm tới là những kinh nghiệm hòa bình của 13 năm xây dựng Đại Hàn, sau trận chiến tranh tàn phá toàn diện bán đảo Cao Ly.

Cuộc chiến khốc liệt đang diễn ra tại Việt Nam, cũng sẽ phải kết thúc. Vấn đề tái kiến thiết Việt Nam sẽ ra sao? Đó là mối bận tâm chung của chúng ta.

Nhìn vào hiện trạng một nước Đại Hàn được khôi phục khá nhanh chóng, chúng ta rút ra được những kinh nghiệm gì?

Đề giải đáp một phần nào câu hỏi đó, trên địa hạt kinh tế. Tòa soạn Tinh Thương hân hạnh giới thiệu « Một vài nhận xét về Kinh Tế Đại Hàn », bài của Giáo sư Mai Văn Lễ — Nguyên khoa trưởng Đại Học Luật khoa Huế — Bài báo được viết từ một tháng trước đây trong dịp Giáo sư viếng Đại Hàn cùng với phái đoàn Việt Nam Nghiên cứu Tiếp vận.

Chúng tôi mong rằng những nhận định của Giáo Sư Mai Văn Lễ sẽ giúp ích bạn đọc hiểu lường tận vấn đề và riêng đối với những bạn trẻ sẽ tìm được nơi đây sự hướng khởi trước viễn tượng của một Việt Nam tương lai.

TÌNH THƯƠNG

Khi đặt chân lên đất Đại Hàn, tôi đã có rất nhiều cảm tình với một dân tộc anh dũng đã xua đuổi quân xâm lăng cộng sản ra khỏi bờ cõi, và đang cố gắng vươn mình trong cuộc kiến thiết lại xứ sở.

Tôi cũng thán phục Đại Hàn vì nhân dân Đại Hàn đã thấu hồi gan như trọn vẹn chủ quyền kinh tế của họ : hầu hết tất cả những xí nghiệp kỹ nghệ và thương mại trong nước đều do người Đại Hàn điều khiển, những tàn tích của chế độ thuộc địa đã biến mất tất cả, vấn đề Hoa Kiều không thành vấn đề nan giải như ở Việt Nam. Theo nhận xét riêng của tôi, người Đại Hàn đã thực sự và chủ nhân trên mảnh đất của họ.

Nhiều dấu vết tàn phá cuộc chiến tranh chống cộng sản vẫn còn tồn tại trên lãnh thổ Đại Hàn mặc dầu nhân dân Đại Hàn đã hết sức cố gắng và đã phải trả một giá rất mắc trong công cuộc tái tạo xứ sở. Thực vậy chiến tranh Đại Hàn 1950-1952 đã tàn phá toàn thể lãnh thổ, từ thành thị tới thôn quê : nhiều ngọn đồi núi hầy còn trọc lóc cây cối, nhiều bức tường đổ nát ở đô thị đã chứng tỏ một cuộc chiến khốc liệt mà nhân dân Đại Hàn ngày nay còn phải gánh chịu hậu quả. Tại vài yếu điểm chiến lược, quân đội Đại Hàn vẫn còn phải bố trí đề phòng ngừa những cuộc xâm nhập phá hoại của Bắc Hàn. Quân đội ngoại quốc vẫn

còn hiện diện một cách rất kín đáo, trong nước đề bảo vệ nền hòa bình tương đối mỏng manh ; những cơ sở thông tin, văn hóa và cổ vấn kỹ thuật của các nước bạn Đại Hàn hoạt động mạnh mẽ hơn là những cơ sở quân sự.

Có lẽ cũng vì vậy mà ngân sách quốc phòng của Đại Hàn đã chiếm một tỷ lệ rất cao trong tổng khối ngân sách quốc gia : tỷ lệ này 23% trong tài khóa 1965, tức là gấp đôi khối kinh phí dành cho việc khuếch trương kinh tế. Tình trạng này không khỏi không gây ảnh hưởng trên nhịp độ phát triển kinh tế của Đại Hàn và đã khiến cho quốc gia này không thể sánh kịp nhịp độ tiến triển kinh tế của những quốc gia cùng cảnh ngộ như Đức Quốc hay Nhật Bản.

Tóm lại những nét chính của nền kinh tế Đại Hàn ngày nay là vừa phải kiến thiết lại xứ sở đã bị chiến tranh tàn phá, vừa phải cố gắng phát triển tối đa sản xuất quốc gia phần đề nâng cao mức sống người dân phần đề bớt sự lệ thuộc vào ngoại viện, mà trong khi đó vẫn phải duy trì một quân đội hùng mạnh vừa đề chống giữ đất nước vừa đề giúp các nước bạn — như Việt Nam — trong công cuộc chống Cộng.

oOo

Nhìn vào những thành quả kinh tế đại Hàn đã đạt được từ khi chiến cuộc chấm dứt, thời



Có thể nói là nền kinh tế Đại Hàn đáng đề cho ta thần phục. Từ năm 1954 đến 1964, nền sản xuất quốc gia Đại Hàn đã tăng 710%, tức là trung bình gia tăng đều mỗi năm khoảng 60%. Tính theo giá cả thị trường trung bình năm 1960, khối sản xuất Đại Hàn đã gia tăng như sau :

1953 :	158,13 tỷ won	1959 :	214,9 tỷ won
1954 :	167,66 —	1960 :	218,78 —
1955 :	178,30 —	1961 :	229,30 —
1956 :	180,67 —	1962 :	237,37 —
1957 :	193,60 —	1963 :	253,48 —
1958 :	205,41 —	1964 :	271,02 —

(Tài liệu : Monthly Statistical Review, July 1965, của THE BANK OF KOREA trang 18)

Đó là một tỷ suất phát triển rất khả quan nhất là trong hoàn cảnh chính trị đặc biệt của Đại Hàn.

Tổng số dân Đại Hàn dưới vĩ tuyến 38 là 25 triệu người năm 1964 mà tới 600% là nông dân cày cấy khoảng 3 triệu mẫu đất, Đại Hàn vẫn còn là một nước nông nghiệp, tuy nhiên khối nông dân Đại Hàn đã chiếm một tỷ lệ lợi tức quốc gia khá lớn : khoảng 400%. (1) Nếu so với Việt Nam, 75% tổng số dân Việt là nông dân và chỉ chiếm khoảng 20% lợi tức quốc gia, thời ta sẽ thấy là nông dân Việt Nam bị bạc đãi nhiều

hơn là dân Đại Hàn so với từng lớp khác trong xã hội.

Tỷ lệ này đã biến đổi trong những năm gần đây, và theo lời của một vài chuyên viên Đại Hàn mà tôi có dịp gặp gỡ, thời đời sống nông dân Đại Hàn càng ngày càng cải tiến. Theo họ, sau cuộc Cách mạng hồi tháng 4-1960 do Sinh Viên Đại Hàn chủ xướng và lãnh đạo, một chính sách nông thôn táo bạo đã được đề ra, một mặt nhằm chống đối độc tài bất công và tham nhũng, một mặt cải tiến và phát triển mạnh mẽ phong trào hợp tác xã. Chính sách này đã mang lại một đời sống 'hoài mái' cho nông dân Đại Hàn. Ngay sau khi Cách mạng thành công, khoảng 40% cán bộ hợp tác xã cấp tỉnh và 50% cấp thôn đã bị thải hồi và thanh trừng vì tham nhũng, mặt khác một Đại Hội hợp tác xã viên toàn quốc được triệu tập ngày 9 tháng 7-1960 đã đồng thanh quyết định một chính sách «tự kiểm soát, tự tương trợ, và trung lập về chính trị» Đồng thời một chính sách nông tín đã được áp dụng rất hữu hiệu: khối tín dụng cấp cho nông dân hồi 1959 là 9 tỷ won, đã tăng ngay lên 13 tỷ năm 1960 và tăng tới mức 23 tỷ năm 1964 (2). Một chính sách lãi suất hợp lý và thực tiễn cũng được đem ra thi hành vừa đề khuyến khích đầu tư và phát triển trong nông nghiệp, vừa đề thu hút tiết kiệm của thường dân vào trong hệ thống ngân hàng: lãi suất mà nông dân phải trả được ấn định vào mức 40% hoặc 5,5% mỗi năm tùy từng loại nông phẩm cày cấy, trong khi lãi xuất tính cho kỹ nghệ gia và thương gia (nội thương) đều ở trên mức 10% mỗi năm; còn lãi suất tính cho những số tiền ký thác định kỳ trong các ngân hàng là 9%, 12%, 15% mỗi năm tùy theo thời gian ký thác là 3 tháng, 6 tháng hay trên 1 năm. (3) Chính nông tín này chẳng những giúp sự phát triển thiết lập và phát triển của hàng trăm ngân hàng trên toàn lãnh thổ Đại Hàn (trong khi ở Việt Nam, tổng số cơ sở ngân hàng trên toàn quốc chưa tới số 50 mà quá nửa đặt tại Sài Gòn), mà hơn nữa còn giúp cho nông gia không bị hậu quả tai hại của những xáo trộn kinh tế và tài chánh: thực vậy lợi tức thu hoạch của nông gia và phí tổn phải trả đã biến chuyển cùng với giá cả trên thị trường, theo một chỉều

(1) Theo phúc trình của Phái Đoàn Đại Hàn tham dự khóa Hội Thảo về Nông Tín hợp tác tại Saigon hồi 1960.

(2) Sách dẫn thượng trang 26

(3) Sách dẫn thượng trang 45

hưởng lợi cho nông gia. Theo tài liệu của Hiệp Hội Tác Xã Nông Nghiệp, sau đây là biến chuyển giá cả mà nông gia thu hoạch hay trả ra :

Chỉ số giá cả nông sản bán ra trên thị trường (A)

Chỉ số giá cả nông sản mua trên thị trường (B)

Năm	(A)	(B)	Tỷ lệ A/B
1959	84,6	90,8	93,2
1960	100	100	100
1961	115,9	112	103,6
1962	131,7	124,4	105,7
1963	186,9	149,9	124,2
1964	231,6	201,9	115.

(Tài liệu : sách dẫn thượng trang 59)

Chính sách nông nghiệp của Đại Hàn cũng đã gây ra một sự gia tăng khối nông phẩm xuất cảng rất mạnh mẽ : từ 3,3 triệu Mỹ kim năm 1957, trị giá số nông phẩm xuất cảng đã tăng lên 9 triệu Mỹ kim năm 1961 và 26,3 triệu năm 1964.

Tóm lại trong lãnh vực nông nghiệp, Đại Hàn đã đạt được rất nhiều thành tích khả quan đáng làm mẫu mực cho các nước hậu tiến.

Trong lãnh vực kỹ nghệ, những bước tiến vọt của Đại Hàn trong một hoàn cảnh khó khăn đã làm cho tôi suy nghĩ rất nhiều khi suy nghĩ đến tiền đồ của kinh tế Việt Nam. Những số sau đây, về chỉ số sản xuất kỹ nghệ và về trị giá sản phẩm kỹ nghệ xuất cảng đã nói lên một cách khá đầy đủ về sự phát triển của kỹ nghệ Đại Hàn: Chỉ số sản xuất Trị giá sản phẩm kỹ nghệ

	Đại Hàn	Đại Hàn xuất cảng (1000 U.S)
1957	72.6	4.100
1958	80.	2.150
1959	91.8	2.400
1960	100.	4.500
1961	105.7	5.200
1962	123.5	10.500
1963	139.8	39.400
1964	151.	58.200

(Tài liệu : sách dẫn thượng, trang 19 và 67)

Những số trên đây cho thấy là sản xuất kỹ nghệ gia tăng hơn gấp đôi trong khoản thời gian 1957-1964, và tăng gấp rưỡi trong khoản thời gian 1960-1964, còn trị giá sản phẩm kỹ nghệ xuất cảng đã tăng trên 1.200 0/0 trong khoản 1960-1964. Trong cuộc tiếp xúc với các danh nhân Đại Hàn, tại các phòng Thương Mại Hán-Thành

và Pusan, tôi đã có dịp chứng kiến tinh thần tranh thủ thị trường của họ, cố trên thị trường quốc nội lẫn quốc ngoại. Mục tiêu của họ trong năm 1965 là xuất cảng 270 triệu Mỹ Kim (tức là Quá gấp đôi số xuất cảng 1964), nhiều phái đoàn thương gia và công kỹ nghệ gia đã được gửi đi ngoại quốc để bán sản phẩm Đại Hàn, và họ tin rằng đã đạt được con số kỷ lục này. Nếu xét về những nguyên nhân đã cấu tạo sự thành công về lãnh vực này, thời theo thiên ý, hay yếu tố chính đã tạo ra thắng lợi này : đó là chính sách tiền tệ, tín dụng, và chính sách ngoại thương của Đại Hàn.

Thực vậy Chính Phủ Đại Hàn đã dành một khối tín dụng rất lớn cho các nhiệm vụ sản xuất kỹ nghệ và các nhiệm vụ xuất cảng với những lãi xuất rất hạ so với những nghiệp vụ ngân hàng khác. Bảng thống kê đây để cho thấy rõ sự ưu đãi của hệ thống ngân hàng dành cho ngành xuất cảng so với các hoạt động kinh tế khác :

Lãi xuất áp dụng của NGÂN HÀNG ĐẠI HÀN đối với :

Nghiệp vụ xuất cảng Nghiệp vụ mua hàng viện trợ Nghiệp vụ công thương khác

	1959 (0/0 mỗi năm)	7.30	7.30	7.30
1960	10.22	10.22	10.22	10.22
1961	10.22	10.22	10.22	10.22
1962 (th.7)	8.40	10.22	10.22	10.22
(th.12)	5.48	10.22	10.22	10.22
1963 (th.5)	4.38	10.22	10.22	10.22
1964 (th.3)	4.50	10.50	10.50	10.50 t.11.50
(th.6)	3.50	9.50	10.50	10.50 t.11.50

(Tài liệu : sách dẫn thượng trang 45)

Mặt khác tổng số tín dụng mà hệ thống ngân hàng cấp phát cho các hoạt động kinh tế được phân chia như sau :

	1959	1960	1961	1962	1963	1964	5/1965
Ngành kỹ nghệ	5963	7163	9627	15.704	17.184	18.368	19.210
Ngành nông lâm ngư	8640	12.032	16.999	18.389	19.420	21.974	22.806
Ngành thương mại và địa ốc	1758	2760	2818	5701	7017	7269	10.233
Tổng số tín dụng	18.259	24.315	32.731	44.836	49.371	53.741	58.028

(Tài liệu : sách dẫn thượng trang 35)

Ngoài một chính sách tín dụng dễ dãi đối với các nghiệp vụ sản xuất và xuất cảng (chính sách này đã đưa tới một tình trạng lạm phát và phá giá đồng tiền Đại Hàn mà tôi sẽ bàn tới phần sau), Chính Phủ Đại Hàn còn cố gắng khuyến khích đầu tư bằng cách cố gắng kiềm chế đà tăng giá cả các sản phẩm tư bản và máy móc; Thực vậy trong khi tổng chỉ số giá cả các sản phẩm tăng gấp đôi trong khoảng thời gian 1960-1964, thời chỉ số giá cả các máy móc, phụ tùng tăng có 42 0/0 và vật liệu xây cất như xi măng chỉ tăng có 40 0/0 trong khoảng thời gian này. (4) Mặt khác tổng số máy móc và trang bị chuyên chở nhập cảng để tăng cường guồng máy sản xuất quốc gia luôn luôn khá cao, chiếm trên 100 0/0 tổng số hàng nhập cảng, và riêng năm 1963 đã chiếm 116 triệu Mỹ Kim tức là hơn 200 0/0 tổng số hàng nhập cảng (5)

Tóm lại chính sách phát triển khu vực hoạt động kỹ nghệ và xuất cảng đã thành công, và có thể là nền tảng tốt đẹp cho đà tiến triển kinh tế của Đại Hàn trong những năm tới. Có thể nói là chính phủ Đại Hàn đã mạnh bạo áp dụng chính sách lạm phát để tài trợ công cuộc phát triển kinh tế này. Và đó là nét chính của nền kinh tế Đại Hàn thời hậu chiến

Thực vậy trong suốt hơn mười năm qua, giá cả đã không ngừng gia tăng cùng với khối lượng tiền tệ, còn đồng tiền Đại Hàn đã bị phá giá một cách kinh khủng. Hồi tháng 1-1950, 1 đô-la Mỹ ăn 0,9 won, và ngày này 1 đô-la Mỹ được đổi tới 272 won. Những thống kê kinh tế do Ngân Hàng Đại Hàn xuất bản đã tính cứ 1000 won trước 1952 bằng 1 won hiện tại và 10 won 1953 tới tháng 5-1962 bằng 1 won hiện tại.

Hối suất của đồng won so với đô-la Mỹ biến chuyển như sau :

Tháng giêng — 1950	0.9 won ăn 1 đô la	
— Năm — 1950	1.8	—
— Chạp — 1950	2.5	—
— Mười một 1951 :	6.0	—
— Chạp — 1953	18.0	—
— Tám — 1955	50.0	—
— Hai — 1960	65.0	—
— Giêng 1961 :	100.0	—

— Hai — 1961	130.0	—
— Năm — 1964	256.53	—
— Ba — 1965	264.0	—
— Sáu — 1965	272.20	—

(Tài liệu : sách dẫn thượng, trang 92)

Trong khi đó thời khối tiền tệ cũng tăng từ 3 tỷ won năm 1953 lên tới 47.5 won tháng 5-1965 theo nhịp độ như sau :

	Tiền lưu hành	Tiền ký thác	Tổng số tiền tệ
1953	2.233	798	3.032 triệu won
1954	3.998	1.810	5.808
1955	5.878	3.475	9.352
1956	7.334	4.759	12.093
1957	8.605	5.914	14.518
1958	11.106	8.150	19.255
1959	12.360	8.631	20.990
1960	13.932	7.976	21.908
1961	16.600	14.564	31.224
1962	18.002	18.705	36.707
1963	18.250	19.057	37.307
1964	24.896	18.161	43.057
1965	24.463	23.033	47.496

Qua những thống kê trên đây, có thể nói là Chính phủ Đại Hàn đã dùng lạm phát để tài trợ phát triển kinh tế, dưới hình thức gia tăng khối tiền tệ để gia tăng khối tín dụng cấp phát cho khu vực hoạt động kinh tế nhất là khu vực sản xuất và xuất cảng. Đó là một chính sách kinh tế khá táo bạo và đã đạt được những thành quả khả quan. Mặc dầu những vụ sụt giá tiền liên tiếp, ngày nay người dân Đại Hàn có vẻ rất tin tưởng ở tương lai kinh tế của họ. Các du khách ngoại quốc khi đến Đại Hàn đều phải đổi lấy tiền won để chi tiêu và không gặp phải cảnh « sẵn đô la » như ở những quốc gia mà đồng tiền đang đà mất giá. Doanh nhân Đại Hàn ngày nay đã hoạt động khắp các nước tự do để tìm kiếm thị trường vào giao thương.

Kinh nghiệm kinh tế Đại Hàn đáng cho Việt Nam nghiên cứu.

G.S. MAI VĂN LỄ

(4) Sách dẫn thượng trang 57

(5) Sách dẫn thượng trang 67

Hai mươi năm độc lập 1945-65

THỰC TRẠNG ĐẠI HÀN

L.T.S.-Hoàn cảnh Việt Nam và Đại Hàn có nhiều điểm tương đồng Năm 65 đánh dấu 20 năm độc lập của Đại Hàn và 12 năm hòa bình kể từ trận chiến Triều Tiên. Dân tộc Đại Hàn đã thực hiện được một số tiến bộ đáng kể. Tuy nhiên tương lai Đại Hàn không phải đã hết khó khăn. « Óc chống đối của quần chúng » và « khủng hoảng lãnh đạo » ở Đại Hàn vẫn là những trở ngại phải giải quyết. Đó cũng là trường hợp lại Việt Nam.

Hai mươi năm nỗ lực gây dựng nhưng vẫn để lại cho giới lãnh đạo và dân tộc Đại Hàn nhiều tiếc nuối. Vậy mà từ mỗi phái đoàn viếng thăm khi trở về V.N chúng ta chỉ được nghe những tán tụng. Để hiểu rõ thực trạng Đại hàn, chúng tôi muốn đi sâu vào cả những khó khăn và chính những khó khăn mà dân tộc bạn đang vấp phải giúp ích cho chúng ta nhiều hơn cả những thành công của họ.

Bài « Thực Trạng Đại Hàn » phỏng theo bài báo « Why Korea is in Agony » của Choe Sok Chae, một bình bút của tờ Chosun Ilbo, xuất bản tại Seoul. Tác giả tóm tắt lịch sử 60 năm của Đại Hàn (1905-65) cùng đưa ra nhận xét về các trở ngại tiến bộ: « khủng hoảng lãnh đạo » và « Sức chống đối tiêu cực của quần chúng ». Và tác giả kết luận đã tới lúc dân tộc Đại Hàn phải từ bỏ những chống đối cố hữu mà tích cực bắt tay gây dựng cho sự phồn thịnh của Quốc gia.

TÌNH THƯƠNG

Những mối tiếc sau 20 năm

Năm nay đánh dấu năm thứ 20 Đại Hàn được giải phóng khỏi ách thống trị Nhật. Hai mươi năm ngắn ngủi nhưng cũng là khoảng thời gian có nhiều biến động va chạm trên các thế hệ Đại Hàn.

Trước tiên người ta nói rằng chỉ cần 10 năm là quá đủ để thay đổi một hoàn cảnh, như vậy có lẽ Đại Hàn đã trải qua hai lần biến đổi trong vòng 20 năm qua.

Thứ hai, những con số thống kê cho biết thế hệ sinh từ sau 1945 hiện giờ chiếm 54 phần trăm dân số Đại Hàn. Thứ ba, là ở những thế hệ đứng tuổi Đại Hàn vẫn thường có những mặc cảm tiếc nuối quá khứ khi họ tự hỏi « Đã làm được gì trong suốt những năm qua ? » Sự hối tiếc càng mạnh mẽ khi họ so sánh Đại Hàn với những nước như Tây Đức, Nhật Bản cùng lụn bại sau thế chiến thứ II nay trở nên những cường quốc, hoặc với một số quốc gia Á Phi mới độc lập nay đã trở nên vững chãi và phồn thịnh. Trong lúc đó dân tộc Đại Hàn vẫn bị ám ảnh bởi tình trạng bất an khi nhìn lại hai mươi năm qua.

Thứ tư, là tình cảm quốc gia vẫn bị tổn thương khi nhìn về vùng giải giới vĩ tuyến 38, hậu quả của một trận chiến tranh Bắc Nam khốc hại cho cả hai bên—dân tộc cùng một quốc gia—Và sự chia cắt đó

nay được coi như một sự đã rồi—vô phương hàn gắn

Nếu người ta lấy 30 năm là khoảng thời gian của một thế hệ, thì với thế hệ trưởng thành vào năm 1945 nay đã quá 50, họ thấy phải cố gắng làm một cái gì để khỏi tai tiếng về một thế hệ « cha ông lùi hờ ».

Những lý lẽ này, cộng thêm những nguyên nhân khác, thúc đẩy họ thực hiện ngay trong năm đầu của mười năm còn lại, một công trình nào có hữu ích cho quốc gia.

Thật là bi thảm khi một dân tộc phải đeo đẳng thứ tình cảm hối tiếc như vậy. Nhưng nếu họ biết chuyển những tiếc nuối trở thành những hành động xây dựng tích cực, thì tương lai quốc gia Đại Hàn không phải là đáng bi quan—dù đã có phần nào trễ muộn.

Nhưng vấn đề là làm « thế nào » để chuyển thứ tình cảm này từ mỗi người dân Đại Hàn thành một năng lực làm sinh động toàn bộ quốc gia. Điều cần thiết đầu tiên là khả năng lãnh đạo, không những về chính trị—bao gồm chính quyền và đảng phái—mà cả trên địa hạt kinh tế, xã hội và văn hóa. Và mục tiêu đầu tiên có thực hiện được hay không—ở một giai cấp lãnh đạo có khả năng—là một cuộc cải tổ và thanh lọc toàn diện bộ máy quốc gia.

Những biến đổi mạnh mẽ trên địa hạt quốc tế trong năm qua về « vấn đề Nam Hàn có là hội viên hay không của gia đình Liên hiệp quốc » chứng tỏ có một đe dọa mới, có thể xô đẩy dân tộc Đại Hàn vào một thế đứng cô lập tại Viễn đông.

Tuy nhiên, nếu có một giai cấp lãnh đạo mạnh và đầy nhiệt tình, năm 65 lại là khởi điểm của một chặng đường mới. Bằng không, các thể hệ trẻ hơn phải tự dồn lên, tìm một ngõ thoát. Và hậu quả là một tình trạng nghiêm trọng không lường.

BẢN CHẤT SỰ CHỐNG ĐỐI

Tinh thần chống đối của dân Đại Hàn là sự kiện có thật. Và có thể nói lịch sử Đại Hàn là lịch sử của những cuộc kháng cự.

Quan niệm chống đối của Tây Phương hướng về sáng tạo xây dựng cho tương lai trong khi dân Đại Hàn thường có óc chống đối tiêu cực, hay quay về lịch sử tối tăm của dĩ vãng.

Trước hết, trong một nước hậu tiến, óc chống đối thường bắt nguồn từ tinh thần quốc gia — và các cuộc đấu tranh chính trị nhằm tới giải quyết tình trạng nghèo đói và áp bức.

Và dân tộc Đại Hàn lại chưa có cơ hội và kinh nghiệm nào về một cuộc đấu tranh xây dựng, tạo khởi điểm cho một giai đoạn lịch sử mới. Và chúng ta có thể tóm tắt lịch sử của Đại Hàn từ cuối thế kỷ 19 khi xảy ra phong trào mệnh danh là « Canh tân ».

Cuộc nổi dậy năm 1884 của nhóm quý tộc trẻ có tinh thần tiến bộ tuy ngắn ngủi nhưng bắt đầu khởi dậy sự thức tỉnh của một nước Đại Hàn phong kiến tiến tới Duy tân. Vì thiếu lãnh đạo nhất trí, không bắt rễ được trong quần chúng nên cuộc nổi dậy 1884 chỉ có ý nghĩa đánh dấu một giai đoạn lịch sử chống tinh thần bảo thủ tiêu cực hơn là xây dựng sáng tạo.

Cuộc nổi dậy 1894 — vì thực sự là cuộc nổi dậy của dân chúng, đòi thực thi lý tưởng dân chủ và bình đẳng xã hội. Nhưng cuộc nổi dậy này cũng lại thất bại trong việc làm khơi dậy ý thức cách mạng trong quần chúng vì chỉ nhằm tới chống đối tiêu cực giai cấp thống trị chi phối bởi ngoại bang.

CUỘC KHÁNG NHẬT

Đây những khó khăn trong suốt 40 năm chống đế quốc kể từ khi Đại Hàn phải ký nhận sự bảo hộ của Nhật (1905) cho đến ngày được giải phóng (1945). Một phong trào giành độc lập được bộc phát trong dân chúng vào tháng 3 năm 1910. Dù ở trong nước hay hải ngoại, toàn dân tộc Đại Hàn đoàn kết trước mục đích chung : Kháng Nhật. Cuộc tranh đấu đó làm thăng hoa tinh thần quốc gia Đại Hàn.

Nhật Bản thời đó mới chỉ là một nước bán canh tân có khuynh hướng Phát xít. Chính sách thuộc địa của họ đã man rợ tàn bạo tới mức dập tắt được mọi phong trào chống đối tích cực của dân

tộc Đại Hàn và chỉ còn lại tính cách chống đối tiêu cực.

Giữa tình trạng tuyệt vọng đó, một cơ hội không ngờ đã tới với xứ sở này. Cuộc giải phóng ngày 15-8 năm 1945 — món quà của Đồng Minh tặng dân tộc Đại Hàn (hơn là kết quả cuộc tranh đấu của họ) Vì lẽ đó, và cũng vì sự thiếu sửa soạn, dân tộc Đại Hàn đã không phân biệt giữa hai sự đề kháng tiêu cực và xây dựng trước một thời thế mới.

Giữa khoảng trống chính trị đó, một chế độ độc tài Lý Thừa Vãn được thiết lập dưới nhãn hiệu dân chủ. Chính thể Lý Thừa Vãn đã thất bại trong việc hướng dẫn tinh thần chống đối tiêu cực của dân chúng — có sẵn với Nhật Bản — trở thành một sức mạnh xây dựng. Trái lại, chính thể này còn duy trì những tàn tích của Đế quốc Nhật trên đất Đại Hàn — vật chất lẫn tinh thần, và cả nhân sự nữa. Sức chống đối của quần chúng lại hướng về chế độ và được vô trang thêm một khí giới mới gọi là « dân chủ ».

HAI CUỘC CÁCH MẠNG

Cuộc « Cách Mạng Sinh viên » năm 1960 được lãnh đạo bởi giới trí thức chống đối chính thể Lý Thừa Vãn. Cuộc cách mạng 1960 (đạt tới thành tựu vào ngày 19-4) là, mối quan trọng đối với lịch sử dân chủ của Đại Hàn, có mục tiêu lật đổ một chế độ phong kiến độc tài, dọn đường cho một « chính quyền nhân dân ». Nhưng vì thiếu lãnh đạo chính trị, cách mạng sa lầy. Dù sao đó thực sự là một cuộc cách mạng ý thức hệ nhằm « thủ tiêu chế độ độc tài » và « phủ nhận các thể hệ già nua đi trước ».

Cuộc « Cách mạng Quân sự » 1961 tới vào lúc mà nề nếp mới của một xã hội đang hình thành trong sự hỗn loạn, vô trật tự — xã quốc gia vào một tình trạng dân chủ buông thả và tự do không tưởng. Thật quá sớm vào lúc này để đưa ra một phán đoán lịch sử về cuộc cách mạng quân đội 61 cho đến chính quyền hiện hữu. Nhưng chúng ta có thể nói rằng cách mạng 61 được thúc đẩy bởi cuộc Cách mạng Sinh viên năm 60, với mục đích gọi là « tái lập trật tự ».

Điều cần ghi nhận là dân chúng Đại Hàn đã từng sống dưới thứ chế độ chính trị chỉ có sự chống đối tiêu cực, mà không có cơ hội lịch sử để phát triển khả năng chống đối theo chiều hướng xây dựng phần thịnh cho quốc gia. Nhưng có lẽ đó chẳng phải là tính cách đặt thù của nền chính trị Đại Hàn mà là đặc tính chung của một những chủ nghĩa quốc gia tại Á châu bắt nguồn từ sự chống đối.

MỘT CHUYỂN HƯỚNG

Dân tộc Đại Hàn vốn giàu lòng yêu nước. Đa số những người Đại Hàn ra nước ngoài, lúc trở về đều có chung một ý nghĩ : « Bước chân lên máy bay từ phi trường Kimpo, tới Nhật Bản sau một giờ rưỡi, lại do mấy ngày trên đường qua Mỹ châu, người ta không khỏi xúc động và chưa sót tự hỏi : tại sao dân tộc chúng ta phải sống cảnh nghèo đói trong khi

một dân tộc khác được hưởng thịnh vượng. Và người ta không khỏi lo ngại vì những lực lượng tranh chấp sát hại nhau ngày đêm tại quê hương và chúng ta tự hỏi liệu tất cả điều đó sẽ dẫn dân tộc ta tới đâu ? » Cảm tưởng đó không phải chỉ của một giới cầm quyền mà ngay cả những thành phần đứng ngoài đối lập. Nó khiến người ta càng có thái độ bất mãn với một tình trạng hiện hữu.

Một sinh viên Đại Hàn — vốn kịch liệt chỉ trích và chống đối chính quyền và những thể hệ đi trước — đã viết trong một lá thư gửi cho bạn sau sáu tháng du học tại Mỹ : « *Lệu có phải những trí thức Đại Hàn vẫn bảo tồn nguyên tắc bất hợp tác với chính quyền không ?* » Và anh ta viết thêm « *dù chính quyền đó chẳng đáp ứng được nguyện vọng nào của họ* »...

Dân Đại Hàn vẫn có sẵn một tinh thần yêu nước rất cao, và họ sẵn sàng hy sinh, tất cả để bảo vệ tổ quốc họ.

Nhưng điều khó khăn vẫn là làm sao xử dụng lòng ái quốc đó như một điểm liên kết tất cả để có thể vượt qua những cuộc tranh chấp dài dằng vè chính trị và khuất phục sự nghèo đói. Nguyên nhân hính của sự khó khăn vẫn là tinh thần chống đối cố hữu của dân tộc Đại Hàn, bắt rễ vào mọi ngành sinh toại quốc gia từ hơn hai mươi năm nay. Và nhất là thiếu hẳn một tầng lớp lãnh đạo chính trị có khả năng xoay chuyển những chống đối tiêu cực trở thành những năng lực xây dựng sáng tạo.

Trong một tình thế như vậy, khí giới duy nhất của đám quần chúng bị áp bức, vô tổ chức để chống lại khủng bố và độc tài là kêu gào quyền dân chủ, một lý tưởng dân chủ buông thả chỉ gieo thêm mầm hỗn loạn hơn là đảm bảo sự thăng tiến trong tương lai. Chu kỳ chống đối chẳng phải chỉ có trước 1945 mà vẫn có từ 20 năm qua trong quần chúng và đảng phái. Điều đó khiến một số người ngoại quốc gọi đó là « chống đối chỉ để chống đối » và « chống đối phá hoại để khỏi phải xây dựng ».

Ước vọng của dân tộc Đại Hàn là sao có được một thành phần lãnh đạo — có thể là một chính phủ một đảng phái, hay một nhóm thể lực — đủ mạnh để có thể kết hợp lòng yêu nước và óc chống đối của dân chúng thành một sức mạnh và phác họa một viễn tượng cho tương lai. Để tiến tới mục tiêu đó, bây giờ quả là thời gian thuận tiện để khơi dậy trong đầu óc quần chúng, không phải sự tiếc nuối mà là ý tưởng « *phải làm một cái gì* ». Sau hai mươi năm trị trị lơ lửng. Một chuyển hướng như vậy dễ dàng có được hậu thuẫn của quần chúng và là một bước dài tiến đến những thay đổi xây dựng.

TÙY THUỘC VẤN ĐỀ « LÃNH ĐẠO »

Thật ra, khó mà biến đổi óc chống đối của quần

chúng sang tinh thần xây dựng bằng cùng một phương thức chính trị kinh tế của các nước tiền tiến Âu Mỹ. Tuy nhiên điều đó không có nghĩa rằng tinh thần dân chủ đại nghị hay chính sách kinh tế tư bản hoàn toàn không thích hợp với xã hội Đại Hàn.

Bởi tại nền dân chủ đã nhập vội vã vào một nước Đại Hàn thiếu được chuẩn bị, và mằm mống tư bản lại phát triển trên một nền kinh tế nông nghiệp cổ truyền : đó là hai yếu tố chính khiến dân tộc Đại Hàn phải cố gắng từ 20 năm nay để xây dựng một căn bản phù hợp xã hội của họ.

Thật là một ảo tưởng cho dân tộc Đại Hàn khi muốn thí nghiệm một hệ thống khác để làm biến đổi tận gốc rễ hoàn cảnh xã hội và có thể đưa tới những xáo trộn nguy hiểm. Nếu danh từ « dân chủ tự do » là một quan niệm kết hợp bởi nền tảng dân chủ và tư bản thì chính nó lại ngăn cản sự hình thành một khuôn mẫu của những « nguyên tắc chỉ đạo » phù hợp với « dân chủ tự do ». Và thay thế vào đó, họ cần một giai cấp lãnh đạo có khả năng biến đổi quan niệm đó sao cho phù hợp với hoàn cảnh chính trị và xã hội đặc biệt của Đại Hàn.

Nhưng dân chúng Đại Hàn chỉ thấy quanh họ một nhóm chính trị gia coi dân chủ như một nguyên tắc bảo thủ và tự mãn với sự ngưng đọng từ suốt hai mươi năm nay. Tình trạng đó đã gây ra tại Đại Hàn một không khí hoài nghi về chính trị và tâm lý quần chúng là chống đối và mất tin tưởng.

Nhưng nếu có một cấp lãnh đạo uy tín có thể dẹp tan những ngờ vực của quần chúng — không phải bằng lời nói mà là những việc thực hiện — thì thật là đúng lúc để khơi dậy lòng ái quốc của họ.

Không cần thiết « anh hùng » trong một nền dân chủ. Nhưng quần chúng luôn luôn chờ đợi một thứ người-hùng — chẳng phải là anh hùng — có thể đem lại mối an tâm và thỏa mãn các nhu cầu thiết yếu của họ. Đó là mẫu « người hùng mới », rất cần thiết trong một xã hội dân chủ. Nếu người lãnh đạo có đường lối, thực tâm muốn tiến bộ, thì mọi nỗ lực của quần chúng đều quy tụ lại để nhắm tới một xây dựng tương lai.

Năm 1965, đánh dấu năm sáu mươi kể từ ngày bị Nhật đô hộ, và là năm thứ hai mươi Đại Hàn được giải phóng : Dân tộc Đại Hàn không thể vẫn bằng lòng với một chính sách trị trị. Và mặc dù những điều kiện quốc tế cũng như quốc nội không mấy khả quan trọng hiện tại, nhưng tiềm lực quốc gia không phải chỉ phụ thuộc các yếu tố ngoại lai hay kinh tế mà ngay nơi tinh thần bền bỉ chịu đựng của quần chúng Đại Hàn.

CHOE SOK CHAE

(Why Korea is in agony)

tình thương — Số 24

VAI TRÒ Á CHÂU TRONG THẾ GIỚI MỚI

LTS «Vai trò Á châu trong thế giới mới», đó là đề tài hội thảo của Hội nghị sinh viên Á châu kỳ II tổ chức tại Hán Thành từ 19.10 tới 30.10-1965 với sự tham dự của phái đoàn sinh viên Việt nam, Đại Hàn, Trung Hoa, Nhật Bản và Sinh viên Đại Hàn ở Nhật.

Ba vấn đề được đưa ra thảo luận là

— The Role of Students in Supporting Democratic Process

— The Role of Economic development in the Modernisation Process.

— The Role of Students in Changing Social Patterns.

Và sau đây là tóm tắt những bài diễn văn chính của các giáo sư Park Kwan Soo, Suh NamWon và Cho Kah Kyung được mời thuyết trình trước hội nghị xoay quanh đề tài «The Role of Asia in the Modern World». Trong số báo tới chúng tôi hy vọng sẽ giới thiệu đầy đủ về diễn tiến của hội nghị để các bạn sinh viên có thể theo dõi.

TÌNH THƯƠNG



Vai trò chính trị

KWAN SOO PARK

1922 tốt nghiệp Đại học Tokyo

1952 Khoa Trưởng Luật Khoa và Chính Trị Đại Học đường Kyung Hee

1961 Chủ tịch Liên Minh Á Châu chống cộng (APACL, KOREA)

1935 Giám đốc Trung Tâm Tự Do (Freedom Center) của APACL.

Một giáo sư Hoa kỳ một lần đã tuyên bố: «Dân chủ là một lối sống». Thực ra, dân chủ không phải chỉ là một tin-tưởng, mà còn là một lối sống thực tế. Nói một cách khác, dân chủ không những chỉ bao hàm một triết lý xã hội với một «phương tiện» mà còn đi đôi với một «lối sống» nữa. Thực vậy, lòng tin ở dân chủ trong nhiều năm đã trở thành lối sống quen thuộc trong xã hội phương Tây. Tuy nhiên người ta đã cần một quãng thời gian vài trăm năm hay hơn thế nữa để áp dụng nền móng của ý niệm dân chủ trong thực tế. Sự thực hiện nền móng vững bền cho dân chủ ở Âu Châu đã đòi hỏi nhiều cố gắng và hy sinh. Nhiều trở lực cần được vượt qua.

Những yếu tố quan trọng trong các trào lưu dân chủ gồm có lòng ngay thẳng, một kiến thức khoa học khá cao, sự phán đoán đúng mức sự hiểu biết lẫn nhau và tinh thần hợp tác. Thử hỏi nguồn gốc để phát triển dân chủ ở đâu

mà có. Chính thực từ những trường đại học, và có thể nói «mẹ đẻ» của dân chủ chính là do những cơ quan tự trị của sinh viên trong các đại học đường. Trong những dòng sau, chúng ta sẽ xét qua vai trò của sinh viên Đại Hàn nói riêng, và của sinh viên Á Châu nói chung trong công cuộc thực hiện và phát triển dân chủ.

Lịch sử phát triển của nền dân chủ Âu Châu khởi đầu qua những cuộc chống đối với ách độc tài. Ví dụ điển hình là cuộc cách mạng Tân giáo và cuộc cách mạng chống lại hoàng gia ở Anh, cuộc cách mạng 1789 ở Pháp, cuộc cách mạng tranh thủ độc lập ở Pháp và sự thành lập cộng hòa Weimar ở Đức. Dân chủ đã chiến thắng bạo tàn và độc tài, thể hiện qua những thành quả của phần lớn thế giới đứng lên. Chống lại phe trục đề bảo vệ tự do và nhân quyền, ở Đại Hàn phong trào tranh thủ độc lập đi đôi với ý chí cải cách lại đất nước này. Nền Độc Lập của Đại Hàn đã mang đến hạnh phúc cũng như

nhieu bất hạnh cho dân tộc Đại Hàn, sau thế chiến thứ II. Trước khi thu hồi được độc lập thực sự, đất nước thân yêu của chúng tôi đã bị chia thành hai miền, vì vậy chỉ có nhân dân miền Nam có đủ điều kiện xây dựng nền móng đầu tiên cho ý thức hệ dân chủ. Sau đó, chính Sinh viên Đại Hàn đã tích cực góp phần bảo vệ và xây dựng dân chủ; họ cũng có công lớn trong công cuộc xây dựng và cải cách lại nền móng xã hội cho xứ này. Lịch sử đã minh chứng một cách hùng hồn những điểm này. Tôi tin rằng vai trò lãnh đạo và sự đóng góp của sinh viên trong các công tác xã hội có một tầm quan trọng lớn lao, nhất là trong các nước kém mở mang và chưa tạo được một nền móng dân chủ vững chắc. Tuy nhiên chúng ta phải nhận rằng sự tham gia quá nồng nhiệt và đôi khi quá trốn của sinh viên hoặc giới trí thức trong các công cuộc canh tân xã hội và chính trị. Lý do chính bởi vì sinh viên không phải là những chính trị gia lão thành và sinh viên một đôi khi vô tình bỏ qua những thực tế.

Trong những nước mới mở mang ở Á Châu, khác biệt hẳn những quốc gia có truyền thống dân chủ ở Âu Tây, sinh viên và quân đội nhiều lúc lực lượng chính trị quan trọng. Sinh viên phải được chấp nhận như thành phần cốt yếu trong sứ mạng canh tân quốc gia, tuy nhiên sinh viên phải ý thức rõ rệt được vai trò của mình trong trách vụ thiêng liêng xây dựng dân chủ và phải tự kiềm chế tác phong của chính mình để khỏi đưa quốc gia lao vào trong vòng hỗn loạn có thể tổn thương đến quyền lợi xứ sở hoặc đình trệ sự phát triển kinh tế và xã hội của đất nước.



Vai trò kinh tế

SUH NAM WON

Tốt nghiệp Đại Học Quốc Gia Seoul

Tiến sĩ Đại học San Francisco

Ph.D Đại học California

Tác giả các sách chính trị kinh tế

— *Foreign Economic age in Theory and Practice* (63)

— *Economic policy and management in North Korea* (65)

Tôi thiết nghĩ những cuộc biểu tình mới đây của sinh viên Đại Hàn chống lại hiệp ước bình thường hóa giữa hai quốc gia Hàn Nhật không đem lại mấy ích lợi thực tiễn cho sự xây dựng dân chủ và canh tân cho quốc gia Đại Hàn. Sinh viên phải luôn nhớ rằng kẻ thù nguy hiểm nhất cho sự gây dựng dân chủ chính là chủ nghĩa cộng sản. Các hình thức độc tài vẫn được chuyển tiếp nhau trước và sau thế chiến thứ hai. Độc tài phát xít của Đức Ý Nhật bị khối dân chủ đánh tan thì độc tài đảng trị Cộng sản lại thành hình. Cộng sản muốn nô lệ hóa thế giới tự do bên ngoài bức màn sắt và bức màn tre. Chính sách xâm lược của cộng sản thể hiện rõ rệt trong cuộc chiến tàn khốc ở Triều Tiên, Lào, Chiến tranh Việt nam ngày nay. Tuy nhiên, tinh thần tự do âm ỉ ở trong những con người bị trị vẫn có dịp bộc khởi trong các cuộc nổi dậy oai hùng ở Budapest (Hung gia lợi) Ba lan, Bá linh...

Sinh viên trong giai đoạn hiện tại là thành phần chủ yếu trong công cuộc xây dựng dân chủ vì đó là khí cụ hữu hiệu nhất để chống lại sự xâm lăng của đế quốc đỏ. Sinh viên phải hợp lực với nhau, không những trên bình diện quốc gia mà thôi mà còn phải kết cấu thành một lực lượng quốc tế lớn mạnh trong nhiệm vụ lớn lao này. Sinh viên ngày nay sẽ là những lãnh tụ, kinh tế gia, kỹ thuật gia cần cho công cuộc canh tân Châu Á và xây dựng dân chủ cho ngày mai. Để kiến tạo một nền hòa bình lâu dài, chúng ta cần phải có một sức mạnh đáng kể để kịp thời chặn đứng manh tâm xâm lược của Cộng sản quốc tế. Và sinh viên chính là sức mạnh này.

Nhân loại đang sống trong một thế giới bị ám ảnh và dang co giữa hai cuộc chiến rộng lớn. Cuộc chiến thứ nhất liên quan mật thiết đến sự tranh thủ ý thức hệ giữa hai khối tự do và Cộng sản. Cuộc tranh chấp này mang nhiều sắc thái khác nhau, bao gồm từ sự đe dọa của chiến tranh hạch tâm cho đến một vài xung đột biên giới lẻ tẻ. Viễn tượng của một cuộc xung đột toàn diện đã thúc dục nhân loại tìm những biện pháp ngăn ngừa hoặc có tính cách hòa giải có khi lại phải tung ra những món kinh phí kếch sù chỉ trong các công tác gìn giữ hòa bình và duy trì hoặc củng cố các tổ chức cộng đồng thế giới (ví dụ tổ chức Liên Hiệp Quốc... v.v...) Tuy nhiên hầu hết các cố gắng nào cũng không mang lại kết quả như toàn thể nhân loại mong muốn.

Cuộc chiến thứ nhì mà toàn thể nhân loại đã hàng bao nhiêu năm cố tranh thủ lấy chiến thắng đó là chiến tranh kinh tế. Đây là cuộc tranh thủ chống lại sự nghèo đói, cuộc chiến hòng nâng cao mức sống của đại đa số dân chúng trên địa cầu này. Đây là cuộc thánh chiến tối cao bao hàm ý nghĩa cao đẹp nhất mà nhân loại đang cố tình xúc tiến mỗi ngày một thêm lên, qua những sự hợp tác quốc tế và những dự án nhằm mục đích phát triển kinh tế toàn diện.

Ở Á châu, người ta có thể nhận được sự hiện diện của hai cuộc chiến kinh tế và chính trị trong nhiều năm qua. Về mặt chính trị, Đại Hàn đã là bối cảnh cho sự tàn phá của xâm lăng Cộng sản trong những năm 1950-1953. Việt nam trở thành địa chiến cho cuộc tranh chấp ý thức hệ và tham vọng của Cộng sản quốc tế được thể hiện rõ rệt hơn bao giờ hết trong mấy năm gần đây. Tuy nhiên, còn có những cuộc tranh chấp không thuộc lãnh vực ý thức hệ : đó là các cuộc xung đột có tính cách tôn giáo giữa Ấn và Hồi, hoặc giữa Do Thái và các quốc khối Á rập...

Cuộc chiến tranh kinh tế ở Á châu có một tầm quan trọng đáng kể bởi vì một thành công lớn lao về lĩnh vực này sẽ mang lại một mức sống đẹp hơn cho người Châu Á, mà còn có thể giải quyết được những diềm sau đây trong khuôn khổ đề tài thuyết trình hôm nay :

BỐI CẢNH LỊCH SỬ VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẠI Á CHÂU

Á châu với một diện tích và dân số rộng lớn với trên 30 quốc gia khác nhau làm chúng ta khó thể ghi lại một cách trung thực tất cả những diễn biến kinh tế ở đây. Tuy nhiên, chúng ta có thể định lại quá trình phát triển kinh tế Á châu trong ba giai đoạn chính :

a) Sự phục hưng kinh tế sau thế chiến : thế chiến thứ hai Á châu phải trải qua từ đám gạch vụn để lại bởi chiến tranh cơ giới thảm khốc này. Đồng thời, dân châu Á lại phải ra sức vớt vát bỏ gông cùm của chế độ thực dân đã thống trị ở đây từ mấy thế kỷ trước. Công cuộc phục hưng này gặp nhiều khó khăn, mục đích tiên khởi trước và sau chiến tranh. Vấn đề khó khăn thứ hai bao gồm những cố gắng đề cung cấp đủ thực phẩm cho dân Á châu, đặt tiêu chuẩn mới cho bộ máy sản xuất và phân phối cho những kinh tế phẩm, và tối tân hóa guồng máy kinh tế cho những công cuộc phát triển sau này (trường hợp Nhật Bản).

b) Chiến tranh Triều Tiên và sự phát triển kinh tế (1950-1953). Chiến cuộc Triều Tiên gây nên những kinh phí khổng lồ về mặt quân sự. Tuy nhiên chiến cuộc này lại có tác dụng làm sống lại một cách hữu hiệu nền kinh tế đã bị ứ đọng lại sau thế chiến thứ hai. Quốc gia được hưởng lợi nhiều nhất hẳn là Nhật Bản. Ngoài ra các dự án phát triển kinh tế của các quốc gia Á châu, các chương trình kinh tế đoạn kỳ, sự đầu tư quốc tế tại các nước Châu Á, dự án hợp tác quốc tế Colombo v.v... cũng là những yếu tố chính giúp nền kinh tế Á châu hưng khởi trở lại. Tuy nhiên, trừ ở một vài quốc gia đang phát triển mạnh mẽ như Nhật Bản, cái vòng luẩn của sự nghèo đói, sự bất an về chính trị ở các quốc gia Đông nam Á đã làm ngưng trệ sự quật khởi kinh tế ở một số lớn các quốc gia nhỏ bé khác,

c) Thời kỳ trưởng thành và giai đoạn bành trướng (1954-1963). Trong giai đoạn này nhiều quốc gia áp dụng triệt để chính sách kinh tế có kế hoạch nhằm mục đích tiến hành mau chóng sự phát triển kinh tế. Người ta dùng những biện pháp phân công các tài nguyên quốc gia như biện pháp định trong những mục tiêu và chính sách đã dự trù trước. Những cố gắng có định hướng này đã đem đến những kết quả khả quan lường được bằng những con số cụ thể.

Trước hết, công cuộc kỹ nghệ hóa trong quãng thời gian ro năm qua được xem như một phương tiện đưa đến những cuộc bành trướng kinh tế sau này, và trong chiều hướng này, sẽ mang lại một mức sống khả quan hơn cho dân Châu Á. Các quốc gia Á châu đều áp dụng chính sách « kỹ nghệ nhẹ đến trước kỹ nghệ nặng đến sau ». Nền thương mại quốc tế của các quốc gia (ECAFE) cũng được bành trướng trên một mức đáng kể. giữa các quốc gia Á châu với nhau và giữa Á châu về các châu khác trên thế giới :

(II) *Vai trò của đầu tư ngoại quốc* : Đề phát triển kịp thời công cuộc kỹ nghệ hóa xứ sở, nhiều quốc gia Á châu đã tìm về những món đầu tư của các quốc gia đã có một nền kinh tế vững chãi ở Âu và Mỹ châu. Tuy nhiên, vấn đề đầu tư của ngoại quốc lắm khi bị chỉ trích, nhất là tại các quốc gia vừa dành được độc lập sau nhiều năm bị ngoại bang thống trị. Ngoài ra, phải kể đến nhiều trường hợp quyền lợi của nơi xuất phát đầu tư có khi không đi đôi với quyền lợi chính đáng của quốc gia sở quan.

Đầu tư đứng đắn trong một lĩnh vực kinh tế sẽ có tác dụng liên đới tới các lĩnh vực khác của hoạt động kinh tế. Mức độ của đầu tư sẽ tăng gia tùy theo sự trưởng thành và lớn mạnh của nền kinh tế một nước.

(III) *Hợp tác địa phương và phát triển kinh tế* : một trong những mục đích chính của các tổ chức quốc tế trên một bình diện rộng lớn như Liên Hiệp quốc và các cơ quan phụ thuộc nhằm

vào việc giúp cho sự cộng tác trên lĩnh vực kinh tế giữa các quốc gia của thế giới.

Tuy nhiên với sự thành hình của thị trường chung Châu Âu, và kết quả khả quan của nó đã làm cho người ta liên tưởng đến sự thành lập một thị trường chung ở Châu Á. Dấu hiệu đầu tiên cho một tổ chức hỗn hợp kinh tế cho các nước ở Đông Nam Á phát khởi vào năm 1959, do đề nghị của Phi Luật Tân và Mã lai Á. Tuy nhiên vì nhiều lý do khác nhau, tổ chức này vẫn chưa được ra đời trái với sự mong ước của nhiều người. Cố gắng mới nhất là dự án thiết lập ngân hàng Á Châu do cố gắng chung của các quốc gia Á Châu mong muốn thu nhận thêm vốn tài chánh cho công cuộc phát triển kinh tế.

Thực ra, còn nhiều khó khăn cần phải vượt qua để tiến tới một sự hợp tác chắc chắn về phương diện kinh tế ở Châu Á. Sự cách biệt về địa dư, sự bất đồng ngôn ngữ và một phần nào về văn hóa và mức sống cùng với mục tiêu chính trị mỗi nơi một khác ở các quốc gia Á Châu là những yếu tố chính làm đình trệ dự án hợp tác kinh tế này. Sinh viên, thành phần lãnh đạo tru tu ngày mai của Á Châu có nhiệm vụ xúc tiến và thực hiện dự án đẹp đẽ mà trong hiện tại chúng ta đang gặp phải nhiều khó khăn. Với lòng nhiệt thành và tinh thần cởi mở hơn đối với những người đi trước, tôi đặt nhiều tin tưởng ở đám sinh viên trong công tác cao đẹp xây dựng một bộ mặt mới và đẹp hơn cho toàn thể Châu Á.

Vai trò xã hội

CHO, KAH KYUNG

1952 tốt nghiệp Đại Học quốc gia Seoul (Seoul National University)

1957 Ph. D, tiến sĩ Đại học Heidelberg, Đức quốc.

57-61 Giáo sư Đại học quốc gia Seoul.

61-63 thăm viếng nghiên cứu tại nhiều Đại học Mỹ và Âu Châu Yale (Hoa Kỳ), Hussert (Đức)...

(I) *Định nghĩa vai trò xã hội* : Vai trò xã hội gồm có vai trò liên quan đến ý thức hệ, văn hóa giáo dục và các lĩnh vực liên đới khác, những vấn đề chưa đề cập đến trong hai bài thuyết trình về vai trò kinh tế và chính trị kể trên.

(II) *Xã hội truyền thống Châu-Á* : xã hội này chịu ảnh hưởng nặng nề bởi học thuyết Khổng Mạnh và có ảnh hưởng lớn lao đến mẫu mực và quan niệm sống của từng cá nhân Xã hội cổ truyền này đặt nặng vấn đề gia đình và gia tộc làm cơ sở chính cho xã hội. Quan niệm này mang nhiều sở trường cũng như sở đoản cho công cuộc canh tân xã hội.

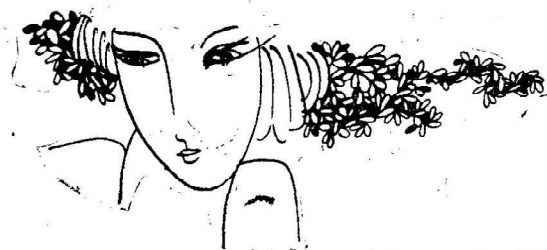
Học thuyết Phật giáo đặt vấn đề trên hai bình diện : tâm lý và tổ chức, chúng ta cần phải dung hòa quan niệm về hạnh phúc của nhà Phật và tinh thần mới ngày nay. Theo Weber ở tinh thần mới đầy dẫy sự cưỡng cưỡng và lo ngại của

số đông dân chúng bất mãn...

Trên phương diện tổ chức, cần phải nhấn mạnh khía cạnh xã hội của đời sống nông thôn và làm thế nào để có thể gây ra những thực tiễn trong khuôn khổ các tổ chức làng mạc.

Ngoài ra, tinh thần quốc gia là một động cơ thúc đẩy sự canh tân xã hội

(III) *Vai trò của sinh viên* : Sinh viên cần tham gia công tác xã hội. Ngoài ra chúng ta phải nhấn mạnh đến phía cạnh dân chủ của nền giáo dục đại học. Chúng ta phải chấp nhận rằng sự canh tân của một quốc gia tùy thuộc ở bề rộng và bề sâu của lớp công dân được hấp thụ nền giáo dục vững chắc, cũng không nên quên rằng trong thế giới hiện đại chúng ta không thể đạt đến một tiến bộ khả dĩ gọi là đáng kể mà không chú trọng đến hai yếu tố không thể bỏ qua được Sự trao đổi và hợp tác quốc tế.



CUỐN SỔ TAY

ĐẠI HÀN

Có nhiều bài viết về Đại Hàn dành cho Tình Thương 24 nhưng vì nếu trang báo có hạn một số bài phải gác lại hoặc rút ngắn. Do đó Cuốn Sổ Tay Đại Hàn được viết và tri chra dưới hình thức ap bút để thâu tóm một số vấn đề có tính cách chung—hoặc riêng tư cho sinh viên—không theo thứ tự nào nhưng có mục đích bổ túc những thiếu sót mà các bài báo trên chưa đề cập tới.

ĐẢO MAI ÊM ĐỀM

Đại Hàn là một bán đảo phía Bắc giáp với Mãn châu, phía đông nam cách Nhật Bản ngót 100 dặm đường biển.

Từ máy bay nhìn xuống, đất đai là một vùng đồi núi trơ trụi. Chưa đầy một phần năm lãnh thổ là đồng bằng, tập trung cả ở phía nam. Cũng như Việt Nam, các tài nguyên khoáng chất và kỹ nghệ thu về phía Bắc, trong khi miền Nam chiếm ưu thế về canh nông. Sự chia cắt lãnh thổ từ 1945, chấm dứt luôn sự tiếp xúc giữa hai miền.

Dân số Đại Hàn tăng nhanh—gấp hai lần từ 1913 đến 1950 Hai mươi triệu trong số 30 triệu dân thuộc Nam Hàn với một diện tích phẳng độ 36152 dặm vuông. Đó là một trong những vùng mật độ dân cư đông nhất thế giới. Tình trạng kinh tế gặp nhiều khó khăn sau những tàn phá khốc liệt của chiến tranh và sự di cư ồ ạt của dân chúng. Tuy nhiên với nguồn tài nguyên phong phú về khoáng chất và canh nông, với tiềm năng thủy điện lực rồi rào cùng sở hữu những khu vực đánh cá thuận lợi: Đại Hàn vẫn có nhiều cơ hội tự tạo cho mình một thể đứng vững chắc về kinh tế.

Đại Hàn như một đầu cầu đi vào lục địa Á châu bởi giá trị chiến lược đó, suốt trong lịch sử Đại Hàn luôn luôn bị đe dọa trực tiếp hoặc gián tiếp bởi những thế lực ngoại bang: Trung Hoa, Nhật Bản Nga, Mỹ. Nền độc lập và hoà bình Đại Hàn rất mong manh. Nó phụ thuộc vào thế quân bình giữa những lực lượng quốc tế. Tuy nhiên với lòng yêu nước và tinh thần tranh đấu của dân tộc Đại Hàn, bán đảo Cao Ly được mệnh danh The Land of the Morning Calm—vẫn là dải đất của rất nhiều cơ hội phát triển.

QUÁ KHỨ VÀ TƯƠNG LAI HÀN NHẬT

Suốt 36 năm đô hộ chiếm đóng, người Nhật nắm hết tài nguyên kỹ nghệ và nông nghiệp Đại hàn. 40% lượng sản xuất của Đại hàn đổ về Nhật—chiếm 25% tổng số ngoại thương Nhật. Trong thời gian đó, dân tộc Đại hàn vẫn chịu đựng cảnh nghèo cực vì chính sách khai thác triệt để tàn bạo về cả nhân

lực và vật lực của người Nhật. Sự thù hận của dân bản xứ là những khó khăn chính cho việc tái lập mối liên hệ Hàn Nhật sau này.

Mặt khác, sau ngày Đại hàn được giải phóng vẫn có mối tranh chấp thường xuyên giữa Nhật Hàn về chủ quyền đảo Tokto của hai nước. Cuộc tranh chấp đó làm gián đoạn những cuộc thương thuyết từ 14 năm nay.

Trong khi đó Mỹ muốn rằng Đại hàn và Nhật phải được vững mạnh và liên kết thành một vòng đai chống Cộng hữu hiệu nên Hoa kỳ dùng ảnh hưởng của mình ép buộc hai bên bình thường hóa mối bang giao và liên lạc thương mại. Đó là đầu mối sự hình thành Hiệp ước Hàn Nhật.

Nhưng tại sao, một kỷ kết lại gây nên sự chống đối của cả hai bên ?

Về phía Đại Hàn thật dễ hiểu, vì ám ảnh thù hận về sức mạnh tràn ngập của người Nhật.

Còn về phía Nhật bản, dân Nhật chưa quên hai quả bom nguyên tử của Mỹ, họ phần uất vì Mỹ muốn vai trò quốc gia họ như một **TIỀN ĐÒN CHỐNG CỘNG ĐO CHÍNH MỸ ĐIỀU KHIỂN** và hiệp ước Hàn Nhật là một bằng chứng tiến tới mục đích đó của Mỹ.

CÂU CHUYỆN KIỀU BÀO

Vì một hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, hiện nay có tới 600 ngàn công dân Đại hàn sinh sống ở Nhật. Họ bị cưỡng bách đưa sang Nhật, cưỡng bách lao công để phục vụ kỹ nghệ chiến tranh Nhật bản.

Tuy sống ở Nhật, họ không được đối xử bình đẳng như những người ngoại quốc khác.

Do đó trong Hiệp ước Hàn Nhật có khoản bảo đảm quyền cư trú cùng những quyền căn bản khác của những người Đại hàn sống trên lãnh thổ Nhật bản.

Chính những người sinh viên Phù Tang đã phải thủ nhận trách nhiệm của nước Nhật trong khoảng 40 năm đô hộ Đại hàn. Cũng lại chính những sinh viên Đại hàn—bằng mọi cách tranh đấu cho quyền lợi của đồng bào họ tại Nhật. Họ đóng vai trò dư luận quan trọng.

Có một tình trạng lồi kéo giữa hai chính phủ Nam Bắc Hàn về số phận 600 ngàn kiều dân này — Cũng giống tình trạng kiều bào Việt sống tại Thái Lan, Cam bốt... Mặc dù có sự phản kháng của chính phủ Hàn thành — người Nhật vẫn lấy cớ « tôn trọng quyền chọn lựa » cưỡng bách hồi hương hàng vạn kiều dân này về Bắc hàn và trong khi đó Nhật tiếp tục gia tăng thông thương với Cộng sản Bắc hàn với chủ trương mệnh danh tách rời chính trị ra khỏi địa hạt kinh tế. Đó cũng là lý do khiến dân Đại Hàn còn nuôi nhiều cảm phần với người Nhật. Sinh viên Đại hàn rất quan tâm tới vấn đề này. Họ đang tích cực vận động và liên lạc để tranh thủ đám kiều dân này ra khỏi ảnh hưởng của Cộng sản.

Đến bao giờ người sinh viên Việt Nam có những hành động tích cực như vậy đối với giới kiều bào mình ở hải ngoại như tại Thái lan.

BAO GIỜ THỐNG NHẤT ĐẠI HÀN :

Nhật đầu hàng, quân Nga tràn sang Bắc Hàn và quân Mỹ theo đường biển chiếm đóng Nam Hàn với phân ranh tạm thời là vĩ tuyến 38.

Nhưng vì bắt đầu có một cuộc chiến tranh lạnh giữa Nga và Mỹ. Nga muốn thiết lập tại Đại Hàn một chế Cộng sản thân Nga, Mỹ cũng muốn có một chính phủ dân chủ thân Tây phương.

Do đó việc thống nhất Nam Bắc không thể nào thành tựu vì ngộ bí chính trị đó.

Một chế độ « Cộng hòa dân chủ » được thành lập ở Nam Hàn. và một chế độ « Cộng hòa dân chủ nhân dân » do Cộng sản thiết lập ở Bắc Hàn.

Khí quân đội Mỹ và Nga rút khỏi hai miền, quân đội Bắc Hàn đột nhiên tràn xuống Nam Hàn và lực lượng Liên Hiệp quốc phải can thiệp. Thêm Trung Cộng nhảy vào tham chiến. Trận chiến khốc liệt mãi tới năm 1953 và cuối cùng vẫn lại vĩ tuyến 38 được coi như ranh giới chính trị và quân sự chia cắt Bán đảo Cao Ly.

Bên nào cũng đưa ra những giải pháp thống nhất thuận lợi cho mình. Riêng chính phủ Bắc Hàn luôn luôn tung ra những luận điệu tuyên truyền xoay quanh vấn đề thống nhất. Còn chính phủ Nam Hàn cương quyết theo chủ trương thống nhất hai miền bằng tổng tuyển cử, giải pháp có vẻ hợp lý nhưng không thể nào được Bắc Hàn chấp nhận vì với dân số đông đảo hơn của miền Nam sẽ dễ bẹp Miền Bắc.

Viễn ảnh thống nhất vẫn là cái bánh vẽ. Không có vấn đề nội bộ, chỉ có những giải pháp quốc tế.

Câu chuyện «thống nhất» Đại Hàn cũng như Việt Nam và Đức quốc còn ở một tương lai xa lắm.

TỰ DO VỚI GIÁ NÀO

Cộng Sản bắt đầu tấn công Nam Hàn ngày 25/6 năm 1950.

Chiến tranh chấm dứt ngày 27/7 năm 1953. Để lại một đất nước Đại Hàn vẫn phân chia với vĩ tuyến 38.

Để bảo vệ hai chữ «tự do» dân tộc Đại Hàn đã phải trả một giá quá đắt. Sau đây là vài con số :

— Quân Đội Đại Hàn.

tử trận 141.966 người

bị thương 194.068 người

— Lực lượng Liên Hiệp Quốc.

Tử trận 123.987 người

— Thương dân

tử nạn 244.763 người

bị tàn sát 128.936 người

Cô nhi 59.000

— Thiệt hại tài sản ước lượng trên 40 tỷ won (\$US=260w). Bởi vậy sau chiến tranh, tình trạng Đại Hàn gần như kiệt quệ. Và sau 13 năm xây dựng, dân tộc Đại Hàn đã xóa được gần hết dấu vết của chiến tranh và tạo được cho mình một thể đứng khá vững chãi về kinh tế. Hơn ai hết người dân Đại Hàn hiểu rằng tự do và hòa bình của họ phải trả bằng xương máu và trước cuộc xâm lăng C.S chỉ có một giải pháp là đương đầu chứ không phải là né tránh.

BỜ CÀU BÀN MÔN ĐIỂM

Vĩ tuyến 38 như một định mệnh chia đôi Cao Ly từ 20 mười năm nay. Năm 53, hiệp ước đình chiến giữa Nam Bắc cũng được ký kết tại đó : Hội nghị Bàn Môn Điểm,

Xa thủ đô Hàn Thành bằng 2 giờ đường bộ bàn Môn Điểm là một nơi khá hấp dẫn du khách. Tới bên cầu «Freedom gate Bridge» người ta mới lại thấy dấu vết chiến tranh của 13 năm trước với những chân cầu trơ thân gãy nát. Những chiến xa hạng nặng đậu rải rác với mũi súng chữa về phía Bắc. Hình ảnh một nền hòa bình thật mong manh.

Tới trạm kiểm soát trước khi vào khu Phi Quân sự (Joint security area) người ta thấy cờ hiệu của Liên Hiệp Quốc với các khẩu hiệu và chỉ dẫn :

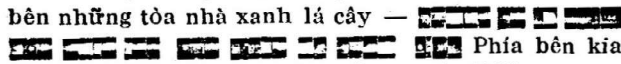
«Stop forces, saves lives».

«No weapons permitted beyond this check point».

Cạnh đây là căn cứ quân đội Mỹ trú đóng với đủ tiện nghi « cầu lạc bộ » phòng đọc sách trong đó có những bích chương của « Front line service club» khuyến quân nhân Mỹ nên tìm hiểu tình hình Việt Nam « Escalate your knowledge of Việt Nam ».

Trong khu phi quân sự không có dân cư ngoại trừ một làng nhỏ Tea song Dong—gọi là làng tự do với 216 người dân.

Còn thì gồm những tòa nhà chạy dài xen kẽ của cả hai phe. Các dãy nhà kiến trúc giống nhau chỉ phân biệt qua màu sơn phía ngoài : xanh lá cây của Cộng Sản, xanh nước biển của Nam Hàn ở đó vẫn hiện diện một số lính của hai hai bên với không khí giới. ! Nơi ký kết hiệp ước Bàn Môn điểm vẫn được giữ nguyên với từng chiếc bàn ghế. Riêng Nam Hàn có xây Tòa « nhà Tự Do » để tặng Liên Hiệp Quốc. trong đó triển lãm những hình ảnh chiến tranh và

thịnh vượng của Đại Hàn. Đó là khu chung đụng mà mỗi bên đều muốn phô trương. Cộng sản Bắc Hàn có cả một kế hoạch tuyên truyền tinh vi. Cờ của họ trên bàn hội nghị khi nào cũng phải lớn hơn cao hơn ly tắc qui định, họ nuôi rất nhiều bồ câu bên những tòa nhà xanh lá cây —  Phía bên kia Cầu Vĩnh Biệt (Bridge of no Return) giới hạn sang Bắc Hàn, những ống khói cao ngất nhô lên từ một làng bỏ hoang đàng xa — họ muốn chứng tỏ với du khách sự phồn thịnh của kỹ nghệ và kinh tế Bắc Hàn...

Trước đó hai tuần, nhân dịp Á Vận tại Bắc Hàn phái đoàn lực sĩ đồng đạo của Bắc Việt cũng đặt chân lên đây. Phải chỉ chúng tôi có thể gặp họ đứng trên Vĩ tuyến 38 tôi nghĩ tới Vĩ tuyến 17 tôi trận chiến khốc liệt đang diễn ra ở V.N và nền hòa bình mong manh của nơi đây. Cạnh đân bồ câu riu rít hiền lành là khuôn mặt của những người lính Bắc Hàn đầy vẻ nghi kỵ khiêu khích. Một nhà báo Ấn độ chăm chăm quay phim, những sinh viên Nhật tiu tit bấm ảnh. Màu xanh của những tòa nhà chìm bồ câu Bàn Môn điểm chỉ khiến người ta nghĩ tới những hứa hẹn bất ổn của nền hòa bình thế giới ngày mai.

CÙNG CẢNH NGỘ

Chiến tranh tại Việt Nam vẫn được đem so sánh với chiến tranh cao ly 13 năm trước.

Cả hai đều là những quốc gia Á châu với cùng thảm cảnh phân chia Nam Bắc. Và những cuộc tấn công của Cộng sản vào hai vùng này đều có những điểm giống nhau và cùng bị chi phối bởi Trung cộng.

Sự tràn ngập của Cộng sản tại Miền nam cũng là đe dọa chung cho những quốc gia tự do Á châu trong đó có Đại hàn. Chiến thuật phòng thủ rời rã và tiêu cực là một khuyến khích cho những cuộc xâm lăng khác của Cộng sản. Đó là lý do khiến quân đội Đại Hàn sang tham chiến tại Việt Nam.

Những bước leo thang.

Vào tháng 9/64 — theo lời yêu cầu của Tướng Khánh — Đại Hàn đã gửi những đoàn quân y và độ 2000 binh sĩ không chiến đấu sang Việt nam.

Vào tháng 7/65 — theo lời yêu cầu của tướng Kỳ — chính phủ và quốc hội Đại hàn chấp thuận gửi thêm quân — lần này thực sự tham chiến. Và « Sư đoàn Mạnh Hổ » hiện đã có mặt tại Việt Nam.

Tuy không dưới danh nghĩa Liên Hiệp Quốc. Hoa kỳ cũng đã lôi cuốn được của nhiều Quốc gia đồng minh tham chiến tại Việt nam : Úc, Tân tây Lan, Đại hàn, Trung hoa và Phi luật Tân.

Cũng như tại Triều Tiên, sự liên kết giữa nhiều

màu cờ đem lại cho chính sách Hoa kỳ vẻ chính nghĩa trước con mắt của khối Á phi.

THƯ VIỆN SEOUL VÀ SINH VIỆN NHẬT.

Sinh viên đại học Quốc gia Seoul rất tự hào về thư viện của trường họ—một trong những thư viện lớn nhất Đại Hàn. Hàng trăm ngàn pho sách đủ loại đủ thứ tiếng. Những cánh cửa sắt tự động được kéo lên để giới thiệu với sinh viên 4 nước những pho sách cổ được chép tay từ 600 năm trước bằng ngôn ngữ Đại Hàn, đó là những di tích hiếm hoi về văn hóa vì trong 36 năm đô hộ với chính sách «Nhật hóa» những di sản này hoặc bị tiêu hủy, hoặc bị tịch thu đem về Nhật. Đó cũng là lý do khiến người sinh viên Đại Hàn nuôi nhiều cảm phần với Nhật Bản.

Một sinh viên Nhật đặt câu hỏi :

— Tại sao thư viện không có sách về Cộng Sản.

Và đó là một sự thật. Thư viện không thiếu một thứ sách nào, trừ những sách nói về Cộng Sản.

Các sinh Nhật bảo rằng, muốn chống Cộng hay không cần phải hiểu xem Cộng Sản là thế nào, ở Nhật sinh viên chúng tôi tự do đọc và nghiên cứu các sách nói về Cộng Sản cũng như Tư bản. Do đó chúng tôi có thể hiểu được hai mặt của vấn đề.

Người sinh viên Đại Hàn trả lời :

— Sinh viên Nhật các anh được đọc sách nói về Cộng Sản. Các anh chỉ hiểu Cộng Sản bằng lý thuyết trong sách. Mà lý thuyết thì xa với thực tế. Riêng người dân Đại Hàn chúng tôi đã có những kinh nghiệm xương máu để hiểu Cộng Sản là thế nào và chúng tôi chẳng cần phải tìm hiểu họ bằng những trang sách tuyên truyền...

Tuy nhiên Đại học chúng tôi cũng có đủ những loại sách đó, nhưng phổ biến rất giới hạn. Chỉ những giáo sư hay sinh viên được phép của Viện đại học mới có thể tới đó nghiên cứu.

Câu chuyện khiến người ta nghĩ tới một nhận định của sinh viên ngoại quốc khi đến Việt nam :

— Khi hỏi những sinh viên Việt Nam là tại sao anh chống Cộng, tôi chỉ được nghe cùng một cách trả lời là anh không ưa Cộng Sản vì bọn nó làm thế này, làm thế nọ không hợp ý anh — chứ tôi không được nghe những phân tích lý luận về chủ nghĩa Marx là thế nào, chủ nghĩa Cộng Sản hiện đại là thế nào.

Đó là một sự thật. Đó cũng và một thiếu sót.

Tổng Thống Diệm cũng như Lý Thừa Vãn, đây xa cuộc chống Cộng thành một chiêu bài mê sảng cấm đoán khắt khe mọi thứ. Không một cuốn sách Cộng Sản nào được lưu hành. Sự giới hạn đó chỉ đúng và cần thiết với tầng lớp quần chúng thiếu

hiều biết nhưng với môi trường đại học, phải áp dụng một chánh sách khác.

Người sinh viên Nam Hàn cần được biết những gì xảy ra ở Bắc Hàn. Sinh viên Việt Nam muốn được hiểu rõ thực trạng Bắc Việt. Người Cộng Sản lúc nào cũng bị bao vây và bưng bít, nhưng còn phần đất mệnh danh là tự do chắc chắn là phải khác.

THỐNG KÊ VÀ PHÁI NỮ EHWA

Tại Leone có 3 nữ Đại học, nhưng vẫn có nữ sinh viên học chung với nam giới trong các khu đại học khác.

Nói chung, người nữ sinh viên Đại Hàn rất tự nhiên và giữ được nhiều mỹ tích. Trong campus, họ ăn mặc theo lối phụ nữ Tây phương. Quốc phục chỉ được dùng trong những dịp lễ nghi. Các cô có thể khêu vủ — Tây phương — thành thạo với những bộ áo cổ truyền, tha thướt nhiều màu đặc biệt của Đại Hàn. Nhạc Tây phương cũng thịnh hành như các vũ điệu dân ca. Họ kiêu hãnh với cả hai. Và dường như trong những campus Đại Học, Đông-Tây đã tìm được một chỗ đứng hòa hợp. Bước chân vào Đại học, người sinh viên Đại Hàn vẫn giữ được tuổi trẻ của họ. Các cô có thể bàn về Cộng sản hoặc tranh luận về tương lai, thị trường chung Á châu; nhưng cũng có thể hội thảo công khai với các sinh viên khác phái về «tình yêu và hôn nhân» và vấn đề «boy friend» lúc còn đi học.

Đây là thống kê của một nữ sinh viên Ehwa thuộc phân khoa Anh ngữ, trình bày trong một Open Forum trước các phái đoàn sinh viên trong dịp viếng thăm Đại học này.

Khi hỏi các cô đặt bao nhiêu phần tin tưởng vào những thứ như: Báo chí, đối lập, quân đội, gia đình và giáo dục Đại Học?

Các câu trả lời được xếp loại như sau:

	Thỏa mãn	không tin tưởng	lưng chừng	không ý kiến
Báo chí: 160/0	80/0	560/0	360/0	
Đối lập: 2	48	14	36	
Quân đội: 43	6	49	2	
Gia đình: 18	8	56	18	
Đại học: 18	14	68	6	

Về vấn đề gia đình các cô cho rằng thế hệ hiện tại có khuynh hướng chống đối lại cha mẹ.

Còn đối với đời sống và giáo dục Đại học, các cô trả lời là mặc dù vấn đề tùy thuộc mỗi cá nhân nhưng đối với đại học Ehwa có khuynh hướng sản xuất mỗi năm hàng loạt B.A. khiến các cô ít tin tưởng vào trình độ Đại học hiện tại và trong khi đó

một số cô cho rằng nữ sinh viên Ehwa chỉ chú tâm đến y phục thời trang hơn là sách vở.

Về thái độ chính trị, khi hỏi về «Hiệp ước Hàn Nhật» chỉ có 160/0 đồng ý trong khi vấn đề gửi quân Đại hàn sang Việt nam có tới 440/0 tán thành. Nhưng thái độ chung của các cô là muốn đứng ngoài các vấn đề chính trị.

Khi hỏi về quan niệm «người đàn ông hoàn toàn» (và cũng là người chồng lý tưởng) thì có cô nhắc tới Steven Dedalus. Churchill Roosevelt và cả tên nhà độc tài Hitler nữa. Nhưng đa số các cô đều nhắc nhở tên KENNEDY, và cho đó là mẫu đàn ông lý tưởng.

Về sở thích văn chương — thì các tên Hesse, Kierkegaard và Joyce là các tác giả được ưa chuộng; ngoài ra còn phải kể tới mấy tác giả Pháp như Sartre Camus và Malraux. Và có điều đáng buồn là không một cô nào nhắc nhở đến tên một tác giả nhà văn Đại hàn.

Đề xử dụng thì giờ rảnh rỗi đa số các cô hoặc kiếm việc làm để có thêm tiền và kinh nghiệm sống hoặc muốn trau dồi sở thích về thể thao hay nghệ thuật.

Mà con số cuối cùng làm kinh ngạc tác giả của bản thống kê là có tới 420/0 trong số các bạn cô đã có «boyfriend» và cô không hiểu tại sao!

LÁ THƯ NHẬT BẢN

Và khi về nước, người Sinh viên Nhật Bản tác giả câu «Việt Cộng không phải Cộng sản» đã gửi sang Việt Nam một lá thư dài. Chúng tôi trích ra một đoạn;

«Với Hội nghị vừa qua, chắc anh hiểu sinh viên Nhật Bản chúng tôi nghĩ gì cũng như chúng tôi hiểu được phần nào ý nghĩ các anh... Sau khi trở về Nhật tôi đã dành nhiều thì giờ để nói cho các bạn tôi nghe về Hội nghị cũng như về các anh.

Cuộc nói chuyện tranh luận với các anh khiến quan niệm tôi có phần nào thay đổi. Cũng vì vậy tôi bắt đầu cố tâm nghiên cứu lại các vấn đề, đặc biệt là cuộc chiến tranh ở Việt nam.

Sinh viên Nhật chúng tôi vẫn tranh luận thường xuyên về mối tương quan Hàn Nhật, về hiệp ước sẽ ký kết và hiện trạng chiến tranh Việt nam.

Chúng tôi mong có được những bài nhận định tình hình Việt nam của các anh nhất là ý kiến các anh về cuộc chiến tranh đang tiếp diễn. Và chúng tôi cũng sẽ gửi tới anh các báo của sinh viên Nhật viết bằng Anh ngữ... »

Dẫu sao người Nhật chúng tôi cũng cầu mong các anh sớm có được hòa bình và chiến tranh sẽ chấm dứt tại Việt nam...

- ĐỜI SỐNG CỦA NGÓT 100 SINH VIÊN VIỆT NAM TẠI NHẬT
- KẾ HOẠCH BAO VÂY DỰ LUẬN HẢI NGOẠI CỦA CỘNG SẢN
- CUỘC ĐỜI THOẠI VỀ THỰC TRẠNG CHIẾN TRANH TẠI VIỆT NAM

S. V. VIỆT-NAM

TẠI NHẬT BẢN

Có một thời gian gián đoạn trong việc gửi Sinh viên Việt Nam sang du học tại Nhật bản sau khi phong trào Đông Du bị dập tắt.

Những năm gần đây, vẫn có lúc đặc một số ít sinh viên sang học tại Nhật. Con số đó ngày một gia tăng nhưng tỷ số vẫn rất thấp so với lượng Sinh viên xuất ngoại. Có hai lý do : chủ quan, đa số sinh viên Việt vẫn thích du học tại các nước Âu Châu hay Mỹ quốc ; khách quan : trở ngại về ngôn ngữ, muốn du học tại Nhật, người Sinh viên phải bỏ ra 1 hoặc 2 năm để học Nhật ngữ—trong khi họ đã có sẵn một số vốn liếng về Anh hay Pháp ngữ từ dưới trung học khá đủ để có thể tiếp tục học ngay tại các Đại học Âu Mỹ. Hiện giờ, tổng số Sinh viên Việt Nam tại Nhật không quá một trăm, rải rác khắp các Đại Học Nhật bản nhưng có thể nói phần lớn sống tại Tokyo. Con số đó thật nhỏ nhoi so với ngót một triệu Sinh viên trong gần 600 trường Đại học tại Nhật Bản (Nhật 591 Đại Học, 916.000 Sinh viên, xếp hàng ba sau Mỹ 2100 Đại học, 4 triệu 2 Sinh viên và Nga 740 Đại học, 2 triệu tư Sinh viên).

Họ theo đủ các ngành học, Nhưng phần đông chọn Khoa Học Kỹ thuật. Có những người mới sang sau cách mạng 11-63, có người đã từng sống tại Nhật khá lâu năm. Hầu hết quy tụ vào một tổ chức lấy tên là « Hội Sinh viên Việt Nam tại Nhật Bản » có những liên lạc và sinh hoạt chung. Cụ thể hàng tháng Hội xuất bản một Nội san « Hội Báo » gần đây đổi thành Quê Hương — gồm những bài sáng tác, dịch thuật và các tin tức hướng về quê hương do chính các Sinh viên phụ trách đóng góp và ấn loát. Lý do « Hội Báo » đổi sang « Quê Hương » là hy vọng lột xác từ một Nội san — Phổ biến thu hẹp trong phạm vi Hội — thành một tờ báo trưởng thành, phổ biến rộng rãi với Sinh viên ở quê nhà. Dự định đã thực hiện bắt đầu từ số 9.

Còn về đời sống, các sinh viên hoặc được học bổng của chính phủ Nhật Bản, lưu trú tại Cư xá

Đại học hay tại Foreign Students' House, hoặc tự túc, sống rải rác ngoài các campus. Nói chung giá sinh hoạt tại Nhật quá đắt đỏ so với những nơi khác, nên đối với các sinh viên tự túc không lấy gì làm giàu có, cuộc sống của họ thật khó khăn.

Về đời sống tinh thần, tuy xa quê hương, tâm hồn các sinh viên vẫn hướng về quốc nội, khao khát tin tức, lo âu trước những biến cố dồn dập tại Việt nam.

Thế nhưng những tin tức họ nhận được ra sao ?

Hoặc qua mỗi liên lạc thư từ với gia đình, qua báo chí phát thanh, vô tuyến truyền hình hoặc qua toà Đại sứ.

Những tin tức nhận được từ gia đình hoặc thất thường hoặc quá rời rạc riêng tư.

Về báo chí phát thanh và vô tuyến truyền hình tại Nhật, vì lý do nào đó, luôn luôn phản ánh sai lạc hiện tình Việt Nam và gián tiếp làm lợi cho Cộng sản Bắc Việt.

Còn về Tòa Đại Sứ, ở Nhật không có Tòa Đại Sứ của Việt Cộng mà chỉ có tòa đại sứ Việt Nam từ bao năm nay. Số Việt kiều thực sự sống tại Nhật quá ít ỏi và có thể nói chỉ gồm hơn 90 sinh viên, vậy mà liên lạc giữa họ và Tòa Đại Sứ từ bấy lâu nay phải nói là đáng bi quan. Có hay không có Tòa Đại Sứ đối với sinh viên cũng thế thôi và họ ít nhiều hoài nghi về một khuôn mặt quốc gia ra sao mà những người kia mang danh đại diện.

Trong khi đó, hầu như Cộng sản có cả một kế hoạch qui mô để bao vây dư luận, không những với Sinh viên Việt Nam mà cả với đông đảo quần chúng Nhật.

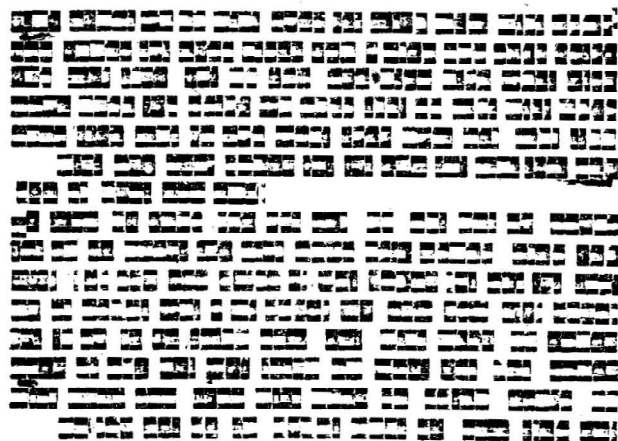
Gạt bỏ ra ngoài phần mặc cảm của dân chúng Nhật có với người Mỹ từ sau Thế Chiến thứ Hai —

khiến họ có thành kiến về mối tương quan của Mỹ trong chiến cuộc tại Việt Nam, nhưng phần chính phải nói tới là vai trò chủ động của Cộng sản.

Sách tuyên truyền cho Cộng sản bán đầy trong các hiệu sách với một giá rẻ mạt. Phim ảnh từ Bắc Việt được xuất cảng sang Nhật, một sinh viên chỉ cho chúng tôi xem băng quảng cáo phim « Lòng Mẹ Việt Nam » sắp chiếu tại một rạp chiếu bóng—Mà nội dung chúng tôi có thể đoán trước.

Trên đường phố Tokyo, rải rác những tấm bích chương dán trên tường có hình ảnh một đàn bà Việt tóc búi quần áo đen, khuôn mặt hiền thực, đầm đăm ôm súng với những dòng chữ « Chúng tôi nói về trận chiến tranh tại miền Nam » bằng tiếng Nhật.

Người Cộng sản tiết kiệm khắc khổ nhưng họ lại rất hoang phí cho những kế hoạch tuyên truyền. Họ có thể bỏ những số tiền không nhỏ để vận động các đại võ tuyến Nhật cho quay những phim về ném bom Bắc Việt, chiến tranh tại miền Nam, dĩ nhiên là theo quan điểm tuyên truyền của họ.



Vào những ngày này, không hôm nào tại Nhật không có biểu tình của nhóm khuyển tả đối lập và Cộng Sản để chống lại hiệp ước Hàn Nhật và mớ luôn chuyện chống chiến tranh tại Việt Nam. Và có những người mỗi người được lĩnh 2000 Yens để tham dự các cuộc biểu tình đó.

Khi trình bày những sự kiện trên chúng chỉ muốn nhắc tới sự vắng mặt một tiếng nói trung thực của chúng ta tại hải ngoại. Chúng tôi muốn đặt vấn đề trách nhiệm của những Toà Đại Sứ.

Sinh viên đã từng hội thảo về nhiều vấn đề trong đó có cả vấn đề « Ngoại giao », và khi được chứng kiến trực tiếp sinh hoạt của các Toà Đại Sứ, như ở Đại Hàn chúng tôi nghĩ rằng những điều chỉ trích không có gì quá đáng và công việc lãnh đạo của các Toà Đại Sứ vẫn là những điều khẩn thiết.

Bây giờ trở lại vấn đề các Sinh Viên Việt nam tại Nhật. Chúng tôi muốn nhắc tới cuộc đối thoại hào hứng và cởi mở giữa phái đoàn Sinh Viên Việt nam và một số các bạn Sinh Viên Việt sống tại Tokyo, trong tòa nhà Foreign Students' House.

Phải thành thật mà nói, khi còn ở Saigon, qua qua những thư từ trao đổi, chúng tôi đã có một số định kiến nào đó với các bạn Sinh Viên Việt du học tại Pháp và Nhật Bản — những thành kiến xoay quanh sự khác biệt về quan điểm chính trị giữa chúng tôi đối với hiện tình của đất nước. Và chúng tôi ao ước vào một lúc nào đó sẽ có dịp gặp gỡ họ hoặc ngay tại quê hương hoặc tại bất cứ nơi nào khác để có thể nói chuyện trực tiếp, trao đổi quan điểm — Và chúng tôi tin rằng rất có thể các bạn đó dù thiếu thông tin chính xác nhưng lại có những điểm nhận định sáng suốt hơn chúng tôi nhờ ở vị trí cách xa, khách quan của họ.

Và dịp may đó đã đến. Mặc dầu chỉ có bốn phần tham dự « Hội Nghị Sinh Viên Á Châu » Kỳ 2 tại Hán Thành, trên đường về chúng tôi quyết định ở lại Nhật Bản với mục đích gặp gỡ các Sinh Viên Việt Nam tại Nhật, thăm viếng các tổ chức I S A (International Student Association of Japan) Nhật Bản và các đại học lớn của họ.

Ngay ngày đầu tiên đặt chân lên đất Nhật, sau lễ Quốc Khánh một ngày, chúng tôi đã liên lạc ngay với các bạn trong Hội Sinh Viên Việt Nam tại Nhật và hẹn một cuộc gặp gỡ đồng đủ tại nhà Foreign Students House, số 862 đường Komaba, Meguro vào buổi tối.

Cuộc gặp gỡ khiến tất cả chúng tôi vui mừng. Chúng tôi được gặp lại cả những bạn học cũ từ bên nhà. Không khí thân mật ấm cúng ngay từ phút đầu tiên.

Ngồi quây quần quanh những chiếc bàn vuông kê lại, chúng tôi lần lượt trình bày cho nhau nghe tình trạng ở Nhật cũng như ở quê nhà. Bao nhiêu vấn đề dôn dập xô chúng tới một cuộc nói chuyện hào hứng đôi lúc gây cãi nhau nhưng tất cả đều tin cậy và cởi mở. Không vấn đề gì không được nhắc tới. Từ những Vấn đề Đại Học, chuyển ngữ (qua kinh nghiệm Nhật Ngữ) Sinh hoạt và các tổ chức Sinh Viên sang cả những vấn đề chính trị quốc gia, cộng sản, xâm lăng hay nội chiến, Chính phủ Hanoi hay Saigon, Mặt trận giải phóng, chủ quyền quốc gia và sự hiện diện của quân đội ngoại quốc trên đất Việt Nam...

Trước những vấn đề như vậy, không còn một giới hạn nào để phân biệt giữa chúng tôi là Sinh Viên Saigon hay Nhật Bản. Tất cả can đảm đương đầu mọi vấn đề, nói tất cả ý nghĩ và sự thật, khi thiết tha khi hân học bất mãn.

Dù ở trong hay ngoài nước, chúng tôi đều ý

Cho đến bây giờ, chúng tôi không sao nhớ hết những điều đã nói với nhau. Nhiều vấn đề. Nhiều ý kiến, tất cả chỉ có ý nghĩa một cuộc đối thoại mà chẳng phải là thuyết phục hoặc tuyên truyền. Cho đến một giờ đêm chúng tôi còn ngồi với nhau. Cuộc nói chuyện chưa «đã» và để lại nhiều lưu luyến. Chỉ

Riêng về Tòa Đại Sứ Việt Nam tại Nhật Bản, hiện giờ có một vị đại sứ mới thu hút được ít nhiều cảm tình của Sinh viên, chúng tôi hy vọng ông Đại Sứ có thể đáp ứng được phần nào những mong ước của gần 100 Sinh viên đang sống tại Nhật và chúng tôi cũng mong rằng những thực trạng quá khứ vừa nêu ra được hiểu như những ý kiến xây dựng hơn là dụng ý chỉ trích.

15

vài nét về đời sống

SINH VIÊN NHẬT BẢN

L T S — Việc tìm hiểu đời sống sinh viên các nước bạn và sinh hoạt học đường của họ là một công việc thích thú và cần thiết. Nhận thấy vấn đề « Sinh Viên và Đại Học Nhật Bản » rất gần gũi và có thể giúp các bạn Sinh Viên Việt Nam hiểu thêm về đời sống Đại học của một quốc gia tiên tiến nhất ở Á Châu, chúng tôi cho trích đăng một phần bài của Shimamura trong Nguyệt San Sekai và được bạn Hải Vân phiên dịch trong Hội Báo, tiếng nói Hội Sinh Viên Việt Nam tại Nhật và chúng tôi hy vọng — với sự cộng tác thường xuyên của các cây bút trong HỘI BÁO, nay đổi sang Quê Hương — Tình Thương sẽ có dịp giới thiệu những biên khảo về đề tài này trong những số tới.

TÌNH THƯƠNG

HOÀN CẢNH SINH HOẠT CỦA SINH VIÊN NHẬT

Trong khi tìm hiểu thực trạng sinh hoạt của sinh viên, chúng tôi đã tham chiếu những tài liệu sau :

— Điều tra thực trạng sinh hoạt sinh viên trường Todai

— Điều tra thực trạng sinh hoạt của sinh viên do trường Hosei

— Điều tra về sinh hoạt kinh tế của sinh viên (bản tường trình của Cuộc Hội thảo tổ chức vào cuối năm 1963 với sự tham dự của Liên Hợp tác xã sinh viên toàn quốc Zenkoku Daigaku Seikyo-Ren)

— Điều tra về sinh hoạt sinh viên của Bộ Giáo dục.

Trước hết ta hãy xét về giai tầng xuất thân của sinh viên. Sinh viên phần lớn xuất thân từ gia đình công tư chức (53%) thứ đến từ giai cấp trung tiểu xí nghiệp (22%). Tuy nhiên, sự phân bố xét theo giai tầng như trên không nhất định ở các trường Đại học. Chẳng hạn, tại trường Keio, số sinh viên xuất thân từ giai cấp Đại xí nghiệp đồng vào hàng thứ ba (13% trong khi tỷ lệ trung bình toàn quốc 4%) ; tại trường Kagoshima, số sinh viên con của những gia đình nông lâm hoặc ngư nghiệp đồng vào hàng thứ hai (24%, tỷ số trung bình toàn quốc 7%). Trong khi đó số sinh viên con của những gia đình trung tiểu xí nghiệp lại đồng vào hàng thứ 3 (15%). Số sinh viên xuất thân từ giai cấp nông lâm (giai cấp này chiếm 40% dân số Nhật) lại quá ít, trong khi số sinh viên con công tư chức và trung tiểu xí nghiệp gia lại nhiều. Điều đó cho chúng ta thấy ngay sinh viên ở một giai cấp xuất thân đặc định. Xét qua lợi tức của giai cấp ta thấy giai cấp có thể cho con cái vào đại học càng ngày càng đồng so với giai cấp còn lại. Ta còn thấy số sinh

viên đi từ gia đình với số lợi tức hàng năm trên 90 vạn yen mỗi năm tăng 110%, ngược lại số sinh viên từ gia đình với lợi tức hàng năm dưới 66 vạn yen lại giảm đúng 11 phần trăm. Từ những con số này ta thấy rõ sự bất bình đẳng trong xã hội trong việc cho con cái vào đại học. Chế độ giáo dục khó khăn ở điểm là nó phải ỷ lại vào tài sản của gia đình sinh viên chứ không phải do chính quốc gia mang lại từ hồi còn nhỏ. Trong việc tranh giành nhau để học lên cao, những gia đình không đủ sức cung cấp cho những tổn phí nặng nề (sách vở, tiền thầy dạy kèm, tiền để sống khi chưa thi đỗ vào trường...) quả thật khó lòng cho con vào được đại học.

Bây giờ, ta hãy xét đến hoàn cảnh sinh hoạt kinh tế của sinh viên. Theo tài liệu điều tra những sinh viên năm thứ ba và tư của trường Todai, so với năm năm về trước, giá sinh hoạt đắt lên hai lần ; và theo sự điều tra của bộ giáo dục trong hai năm vừa qua giá sinh hoạt đã tăng lên từ 20 đến 30 phần trăm ; ngoài ra giá sinh hoạt của sinh viên tại đô thị được xem như tiêu chuẩn lại rẻ hơn miền quê mỗi tháng khoảng hai ba ngàn yen. Khi xét về số tiền sinh viên được cấp dưỡng ta thấy 60 phần trăm sinh viên không đủ sống với số tiền do gia đình gửi cho ; 10 phần trăm, còn tệ hơn, không được cấp dưỡng chút nào. Đối với những sinh viên mà gia đình của họ có lợi tức hàng năm dưới 85 vạn yen, họ phải đi làm thêm rất nhiều. Tại trường Todai, số sinh viên không thể không đi làm thêm vào khoảng 30 phần trăm. Trong năm sáu năm vừa qua tỷ số này không giảm tí nào.

Theo sự điều tra về sinh hoạt kinh tế của sinh viên bằng thống kê ta thấy số « sinh viên cơ khổ » gần tăng lên. Trong những khoản tiền muốn tiêu của sinh viên (cho một khoảng tiêu cần thiết nhất) có từ 5 đến

10 phần trăm sinh viên cần thêm tiền ăn; khoảng 1/3 sinh viên muốn có tiền sách (không kể những sách ngoài phạm vi chuyên môn).

Nhìn vào vấn đề cư trú của sinh viên, cho đến bây giờ những sinh viên vào được ký túc xá ở trường Todai 31 phần trăm hoặc ở Kyodai 6 phần trăm... Tại các trường Đại Học tư tình trạng này lại bi đát hơn. Chẳng hạn với 5 vạn sinh viên trường Waseda chỉ có 200 sinh viên được vào cư xá của trường! Con số này làm chúng ta phải ngạc nhiên. Đã thế những học xá này còn có những điều bi thảm hơn: hầu hết cư xá của nam sinh viên trường công đều làm bằng gỗ, trong đó 15 phần trăm cư xá đã cất trên 40 năm, 25 cư xá già từ 31 đến 40 tuổi, 23 phần trăm già từ 21 đến 30 năm.

Nhưng nếu không sống trong cư xá mỗi tháng họ phải tốn kém hơn vào khoảng 5 ngàn nên rất nhiều sinh viên muốn vào cư xá; tỷ số cạnh tranh từ 115 đến 113.

Ở trong học xá, tiền ăn ở tốn vào khoảng 6.800đ mỗi tháng, trong khi sống ở nhà trọ họ phải tốn đến 11.000 (theo bảng điều tra 1962). Năm vừa qua với giá sinh hoạt lên cao trên tăng chừng 3000đ. Theo sự điều tra của các hợp tác xã sinh viên, tiền ăn tương đối nhiều hơn những tiền tiêu khác. Tiền giải trí thường vào khoảng từ 600 đến 750 yên. Thật ra hơn 25 phần trăm sinh viên, đặc biệt tại trường Kago-shima con số này lên đến 40 phần trăm, chỉ có 500 yên dành cho khoản này. Ngoài ra tại các trường Rika, Seinan, Ochanomizu... mỗi tháng nếu sinh viên phải mua hai cuốn sách ngoài ngành học sẽ không còn tiền đi xem ciné nữa.

Ngoài những số tiền chi tiêu ở bảng 1-2 còn có những lệ phí phải nộp cho trường, (lệ phí giảng dạy, phòng thí nghiệm, nhập học,...) nhất là ở các đại học tư, món tiền này mỗi năm tăng thêm một vạn yên theo thông lệ. Năm 1964, tại trường Nichidai, tiền nhập học vào văn khoa, 12 vạn, vào lý khoa 15 vạn, lệ phí này là lệ phí tiêu chuẩn của các trường tư. Cũng nên biết sinh viên đại học công chỉ cần đóng hàng năm một vạn yên.

Như đã trình bày ở trên, đời sống kinh tế của sinh viên nói chung hết sức cơ cực. Số sinh viên cơ khổ đã nhiều như thế, lại còn có một tầng lớp thanh viên đông đảo không thể vào đại học được đâu chỉ muốn được trở thành một «sinh viên cơ khổ»! Đó là điểm không thể tha thứ được.

SINH VIÊN CÓ THỎA MÃN ĐỜI SỐNG Ở ĐẠI HỌC?

Với đời sống như đã trình bày trên, bây giờ ta hãy xem người sinh viên nghĩ thế nào về hai chữ Đại học. Trước hết, về lý do tại sao họ vào đại học. Theo bảng điều tra, ta thấy họ quan niệm đại học có mục đích:

- tìm việc làm
- kiếm địa vị
- hiểu về sinh hoạt đại học
- tìm học

Về nam sinh viên, 70o/o xem đại học như bàn đạp để kiếm việc làm, địa vị; 20o/o muốn «nếm mùi đại học». Phía nữ sinh viên, gần 40o/o muốn tìm học; tuy nhiên kết quả này còn vài điểm đáng nghi ngờ. Cùng một điều tra tương tự, theo tạp chí «Sáng Tạo» của trường đại học Yokohama, phái «Chân lý» chủ trương học đến nơi đến chốn, chiếm thiếu sót Phái «Thực học», đặt nghề nghiệp làm tiêu chuẩn. chủ trương học những điều cần bản để sau này làm việc trong những công xưởng kỹ nghệ; phái này cũng không đông lắm. Đa số thuộc vào phái «giáo dưỡng». Phái giáo dưỡng cho rằng việc vào đại học như là «không biết vì sao...», «cũng chẳng có động cơ nào thúc đẩy», «vì bạn bè đều vào đại học cả», «vì đó là phong trào chung». Dẫu rằng phải nghĩ đến việc kiếm nghề nhưng phái này cho rằng không cần phải học nhiều như phái «thực học», vừa «chuông thục» đời sống đại học, vừa hấp thụ nền giáo dục phong phú; chỉ cần học ráo riết khi có thi cử ngoài ra không còn phải lo lắng gì cả.

Theo sự điều tra của các trường đại học và những bản tường trình về các buổi theo thảo luận với những tân sinh viên hàng năm vào tháng tư, ta thấy phần đông những tân sinh viên vào đại học không do một động cơ rõ ràng nào. Trong khi đó, số tân sinh viên «tự thấy mình từ một làng không có bác sĩ «vào đại học cứu vãn tình trạng bi thảm đó» lại quá ít.

Trường hợp điển hình nhất, đối với sinh viên việc vào đại học do một hoàn cảnh nào đó, thúc đẩy muốn thu nhận một kiến thức nào đó để rồi kiếm chỗ làm càng tốt càng hay. Với một nam sinh viên, nếu anh ta dự định kiếm việc làm anh ta sẽ vào một trường đại học chuyên nghiệp; với một nữ sinh viên cho rằng không cần phải nghĩ đến chuyện kiếm việc làm về sau, cô ta chỉ muốn «tìm học» sẽ chọn một ngành cho việc vụ quy sau này.

Như thế, đối với việc vào trường đại học, sinh viên không có một phán đoán rõ ràng, hoặc nếu có thì đó là một phán đoán đặt trên hai căn bản: để có một tương lai bảo đảm, hoặc để có một nghề tốt. Đối với đời sống sinh viên:

- Số thỏa mãn 18o/o
- Số bất mãn 60o/o
- Số không có ý kiến 22o/o

— Ở bất cứ một trường đại học, số sinh viên bất mãn với tình trạng hiện tại bao giờ cũng đông.

Trước hết họ bất mãn vì sự giảng dạy, «tầm thường, không hấp dẫn». «một ngày giống như mười năm không hương vị»,... Đối với những bài giảng thuộc chương trình giáo dục tổng quát những bài này «không đem lại một cái gì họ chờ đợi» vì họ «không muốn trở lại thời trung học». Theo điều tra của trường Hosei, chỉ có một số nữ sinh viên quan niệm phải có mặt trong bất cứ một giờ học nào.

Nhưng khi hỏi lý do vì sao họ cho rằng «bài giảng không bổ ích», phần lớn đều quan niệm «bài giảng cần mang nhiều tính chất thực dụng hơn» họ «nghĩ ngơ về sự lợi ích của ngành chuyên môn của mình khi ra làm việc». Điều họ đòi hỏi «giờ học phải mang tính chất thực dụng» nhìn qua có vẻ lạ lùng, tuy nhiên khi bàn về lập trường (tán thành hay không) đối với «sân học nghiệp đồng» (+) họ không ý thức được vấn đề (Theo điều tra của trường Hosei, 20 phần trăm phản đối 30% trả lời không hiểu)

Dĩ nhiên, sự thiếu bổ ích của giờ học không phải chỉ chừng đó thôi mà còn do giáo sư thiếu kiến thức, lớp học quá đông người, thiết bị lớp học quá nghèo nàn. Chẳng hạn, ở hai năm đầu tại trường Todai, với những sinh viên học về lý khoa, ngay đến những giờ thí nghiệm vật lý và hóa học, một hai giáo sư phải phụ trách đến 100 sinh viên làm chúng ta ngạc nhiên. Từ đó, cảnh sinh viên mang ống nhôm để ghi bài giảng cũng không phải là lạ.

Phần lớn sinh viên không có dịp tiếp xúc với giáo sư ngoài giờ học ngay đến việc tiếp xúc giữa bạn bè cũng trở nên khó khăn, đối với một số đông đảo như vậy. Để tránh những giờ lớp học chật quá, sinh viên đều có vào các «Club» đi nữa thì phòng của các Club quá nhỏ. Với một Club hằng trăm hội viên chỉ có một căn phòng riêng vào khoảng 10 mét vuông (ví dụ club nói tiếng Anh của trường Todai).

Những sinh viên hơn nửa thời gian ở đại học, xa lánh lớp học, xa lánh thầy bạn đi nữa, đến khi lên năm thứ ba vẫn đề kiếm việc làm làm họ không còn ngồi yên được nữa. Đến lúc đó các xí nghiệp đã đưa nhau đi «đặt cọc» sinh viên trước (để ám chỉ việc này, người Nhật dùng chữ «sanaekai» có nghĩa là mua lúa ngay khi lúa còn non. Thời gian định việc làm của sinh viên càng năm càng sớm dần, thường vào khoảng đầu niên học năm thứ tư có thể xem như đã xong xuôi. Theo cuốn bách thư của Bộ giáo dục Nhật, năm 1957, số sinh viên đã định việc làm ngay từ học kỳ đầu của năm thứ tư chiếm 30% ; năm năm sau con số này lên đến 60 phần trăm.

SHIMAMURA
(Hải Vân dịch Hội Báo)

Tin mừng

Được tin lễ thành hôn của 2 bạn Hoàng Thiện Căn — Sinh viên Y khoa V — và Đỗ Minh Hà đã cử hành ngày 26-11-1965.

Xin chia vui cùng 2 bạn và chúc Căn Hà trăm năm hạnh phúc.

BAN BIÊN TẬP TÌNH THƯƠNG

ĐÓN ĐỌC

GIẢI THÍCH

thi phẩm thứ hai của TRANG CHÂU

Tình 25 Thương

Kỷ niệm Đệ Nhị
Chu Niên

Đại Học Nhật - Bản

từ mô phỏng đến sáng tạo

MICHIO NAGAI

Dưới đời Minh Trị, nguyên tắc căn bản của chính sách Đại học là việc tranh đua với hai chữ «hiệt cường», làm thế nào để vượt qua các quốc gia khác. Dĩ nhiên, tham gia cuộc tranh đua này không phải chỉ những trường do chính phủ đương thời lập ra thôi (kanritau), mà còn gồm cả những đại học tư lập. Chính phủ đã bỏ ra một ngân sách lớn cho cuộc cạnh tranh; chẳng hạn vào năm 1873 (Minh Trị 6) số tiền lương của các giáo sư ngoại quốc chiếm đến 140% ngân sách giáo dục. Đồng thời, 180% ngân sách này (25 vạn yên) được dùng trong việc gửi sinh viên (quốc phí) du học ở ngoại quốc. Như vậy, việc mời giáo sư ngoại quốc đến dạy và gửi sinh viên du học chiếm đến 320% ngân sách giáo dục của chính phủ đương thời. Trong khi đó nếu xét ngân sách giáo dục cao đẳng vào năm 1960 (Chiếu Hòa 35) chỉ vào tới 130% thì quả thật ngân sách dưới thời Minh Trị đã được hoạch định một cách táo bạo.

Từ năm 1875 (Minh Trị 8) đến năm 1908, trong suốt 34 năm trường, xét số sinh viên du học trở về nước phục vụ, chúng ta thấy kế hoạch trên đã đưa đến kết quả hần hoi. Số sinh viên du học về các ngành học tự nhiên có 259 người, các ngành khoa học xã hội 114 người (chưa được phân nửa số trước). Ngành khoa học nhân văn còn ít hơn, 42 người, và về kỹ thuật 15 người. Quả nửa các sinh viên của ngành khoa học thiên về ngành ứng dụng hơn là lý thuyết: 87 học công học, 85 học y học, 17 học nông học trong khi ở lý học bả chỉ có 53 người (Theo *Con đường đi nhập của văn hóa Tây Phương*). Như vậy trong thời kỳ phôi thai, những vấn đề liên quan đến Đại học Nhật Bản đã được nghiên cứu kỹ lưỡng; mục đích chính yếu là bắt chước nền văn hóa ngoại quốc trong khi tinh thần chủ trọng về thực dụng. Thiết tưởng chúng ta cũng nên mở thêm đầu ngoặc ở đây để nói thêm rằng đó không phải là một hiện tượng chỉ có ở đầu thời Minh Trị thôi, mà trong gần một trăm năm sau — cho đến ngày nay — các trào lưu tư tưởng Nhật bản còn mang khuynh hướng trên.

Vào thời hậu chiến, kinh tế Nhật bản phát triển mạnh, công việc cải cách kỹ thuật đã qua cơn sóng gió; người Nhật đi lần từ mô phỏng sang sáng tạo thật nhưng cái vốn căn bản không phải họ tự tạo ra từ lâu. Trên Tokaido shinkansen những con tàu chạy với tốc độ kinh khủng, Tokyo thay đổi sang bộ mặt tối tân một cách nhanh chóng, kỹ nghệ sản xuất sắt thép của Nhật đứng vào hàng ba trong thế giới v.v., ngần đó khiến ta có thể tưởng rằng Nhật đã trường thành; xã hội, văn hóa Nhật đã qua bước hậu tiến, cũng không phải đã sang thời trung tiến và dĩ nhiên không phải là tiền tiến. Chỉ tin vào những sự kiện đưa ra ở trên thì chẳng khác ôm lấy một ảo tưởng rất đáng bị quan.

Từ năm 1950 (Chiếu Hòa 25) đến năm 1960

trong khoảng 11 năm này, số sản xuất các ngành kỹ nghệ chế tạo mỗi năm tăng lên đến 210%, con số này làm cho chúng ta kinh ngạc khi nghe đến, nhưng thật sự nếu nhìn vào nội dung «độ ỷ lại» vào kỹ thuật nhập cảng cũng tăng lên rất cao (kể riêng các ngành chế tạo về đồ điện, đồ vận tải, đồ kỹ nghệ hóa học.. việc ỷ lại vào kỹ thuật nhập cảng mỗi năm tăng lên đến 710%, con số này lại còn ở ngoài sức tưởng tượng. Chưa hết, nếu nhìn vào cán cân của hai kỹ thuật nhập và xuất (1) chúng ta thấy Nhật bản chưa được đứng vào hàng trung tiến. Năm 1961 (Chiếu Hòa 36), tổn phí dành cho kỹ thuật nhập cảng là 416 ức yên trong khi kỹ thuật xuất cảng chỉ đem vào được 10 ức yên (khoảng 2,20% tiền chi cho kỹ thuật nhập cảng. Mỹ: kỹ thuật xuất cảng gấp 6,5 lần kỹ thuật nhập cảng; còn Pháp và Tây Đức cũng giống như trường hợp Nhật: Pháp 470%, Tây Đức 270%).

Sau đệ nhị thế chiến, Bác sĩ Yukawa, người nhận giải Nobel đầu tiên của Nhật (về khoa học), cũng chỉ hấp thụ nền giáo dục trước chiến tranh; còn nếu nhìn số 1296000 sinh viên tốt nghiệp sau khi tân chế độ đại học 4 năm đã được thành lập không có lấy một người đoạt giải Nobel. Có thể nói đó là một hiện tượng đặc biệt trên thế giới. Một trong những vấn đề căn bản của Đại học ngày nay là làm phát huy tinh thần sáng tạo trong công việc nghiên cứu. Như vậy chúng ta có cần phải thiết lập một nền đại học hoàn toàn mới mẻ, khác biệt với quá khứ? Không, điều chắc chắn là nếu đoạn tuyệt hẳn với quá khứ thì lấy gì để xây dựng tương lai? Đến đây, chúng ta hãy gạt ra hai chữ đại học có tính cách trừu tượng như thường để đi nghiên cứu kỹ càng về nền Đại học Nhật Bản cụ thể với những bối cảnh lịch sử đã những điểm đặc thù của nó.

TÍNH CÁCH CỦA VĂN HÓA MÔ PHỎNG

Then chốt để tìm hiểu tính cách nền văn hóa mô phỏng của Nhật Bản nằm trong quá trình sinh trưởng của đại học Nhật Bản hiện đại. Khi văn hóa Tây phương chưa được du nhập vào, các trường ở Nhật Bản đã có lịch sử, nhưng không phải chính những trường này sau nhiều lần cải cách, thay da đổi lớp mà tạo nên Đại học hiện đại. Từ trước, thời Tokugawa (Đức Xuyên) đã có một cơ quan nghiên cứu ngôn ngữ Hòa Lan (Rangaku), không có liên hệ gì với những trường vừa kể trên, và chính cơ quan này là cha đẻ của Đại học hiện đại.

Ở Âu châu, đại học Oxford của Anh, đại học Bolonia của Ý được sáng lập vào thế kỷ 12; đại học Paris của Pháp, Cambridge của Anh sáng lập vào thế kỷ 13. Những đại học này, trừ đại học Paris, đều được thiết lập xa đô thị, nằm trên những cánh đồng đẹp để hay ở ngoại ô. Những đại học có nguồn gốc

từ các giáo hội cũng nhiều. Có thể nói đại học Âu châu mang tính chất sau : giữ một khoảng cách cố định qua các biến chuyển không ngừng của thời đại; nghiên cứu, kiểm điểm những di sản văn hóa và tuân tự biến dạng để tạo nên nền văn hóa mới.

Cùng trong loại trường này, vào thời Heian (Bình An), Nhật Bản cũng có một cơ quan nghiên cứu về Phật giáo. Năm 816 (Hoảng Nhân 7), chùa Kim cương Phong được xây cất tại đất do tăng Không Hải tặng, 12 năm sau Sogei Shuchijin (Tổng nghệ chủng trí viện) được thiết lập ở Kyoto Đại học Koyasan tại Koyasan và đại học Shuchijin ngày nay cũng có xuất xứ từ đó. Điều khác với Âu châu là ở Nhật Bản, loại đại học này không được khuyến khích để khai sinh ra những đại học tân tiến.

Quá trình lịch sử đại học Nhật ngày nay khác hẳn với Âu châu. Năm 1684 (Trình Hưởng 1) Tokugawa Bakufu (Đức Xuyên Mạc Phủ) có lập tại Kanda (thuộc Giang Hộ) một ngành gọi là Tenmonho (Thiên văn phương) (2). Từ đó trở về sau, loại trường giống như đại học Koyasan chỉ là ngoại lệ, đại học thường được cất ngay tại đô thị, đặc điểm này hàm nhiều tính chất trọng yếu của nền đại học Nhật Bản.

Tenmonho là công việc nghiên cứu thiên văn lịch sử. Y học dịch từ tiếng Hòa Lan. Đầu năm 1811 (Văn Hóa 8), một trung tâm phiên dịch được củnht thức thành lập và công việc của Tenmonho được đổi sang thành «Man thư Hòa giải» (3) (Sách ngoại quốc giải thích bằng tiếng Nhật). Sách phiên dịch gồm những sách về Y học, thiên văn học, số học, pháo thuật. Chỗ dùng cho Man thư Hòa giải nói trên sau này cải tên là Dương Học Sở (nơi nghiên cứu ngôn ngữ Tây phương) ; đến năm 1856 (An Chính 3) lại đổi thành «Phiên thư điều sở» (nơi điều tra về sách ngoại quốc). Từ chức lúc bấy giờ được mở rộng, không những chỉ nghiên cứu tiếng Hòa Lan thôi mà còn dịch những sách Anh, Pháp, Đức ngữ.

Năm 1862 (Văn cửu 2), trong các báo từ Tây phương sang có tờ Batavia đến nhiều nhất nên trung tâm này quyết định chọn báo này làm đề tài phiên dịch. Sau đó Phiên thư điều sở được đổi ra là «Dương thư điều sở» đến thời Minh Trị lại cải ra làm Đại học Nam hiệu, cuối cùng trở thành Đông kinh Đại học. Như vậy, việc nghiên cứu ngoại ngữ hay chính là việc phiên dịch có một dây liên hệ mật thiết, trực tiếp với Đại học Nhật Bản ngày nay, hay đúng hơn chúng ta phải nói ĐẠI HỌC NGÀY NAY LÀ CON ĐÈ CÚA PHIÊN DỊCH. Trường hợp những quốc gia khác có trường học đặt trọng tâm vào việc phiên dịch hay mở mang trường ngoại ngữ để làm căn bản cho đại học sau này thật là hiếm. Đi tìm đối tượng để so sánh với trường hợp Nhật Bản — biết đoạn tuyệt với cái chậm tiến trong văn hóa, nhưng trong khi phiên dịch không phải họ toàn ỉ lại vào văn hóa ngoại quốc — chúng ta có thể đưa ra một vài trường hợp khác : Đại học ở Phi Châu, Ấn Độ, Trung hoa trước thời cách mạng chỉ hoàn toàn dùng Anh hoặc Pháp ngữ để giảng dạy nghiên cứu ; bất quá chỉ

khuyến khích văn hóa ngoại quốc mà thôi. Trường hợp vừa nêu ra trên cũng là trường hợp chung của rất nhiều nước chậm tiến. Nếu gọi trường hợp này là «thụ tiến thật sự», thì sự hậu tiến của Đại học Nhật Bản, kể cả tiền thân của nó—những cơ quan nghiên cứu đời Tokugawa — mang tính chất đặc thù của Nhật Bản (đặt trọng tâm vào việc mô phỏng) phải được nghiên cứu kỹ càng.

1. — Lối mô phỏng của Nhật Bản mang những tính cách nào ? Như trên đã nói, phiên dịch đã đóng vai trò chủ yếu trong việc hấp thụ văn hóa nước ngoài, mặt khác nền văn hóa phiên dịch cũng còn có tác dụng làm tái sinh văn hóa Nhật. Lý do làm nên phiên dịch trở nên thịnh hành là nền văn hóa phiên dịch đã tạo được thể cân bằng đến một trình độ nào đó với nền văn hóa sẵn có của Nhật, đồng thời cũng chứng minh được sự tồn tại tiềm tàng của văn hóa Nhật vốn nằm dưới những dạng thức tư tưởng phức tạp. Bởi vậy, khi nói đến đặc điểm mô phỏng của văn hóa Nhật hiện đại, chúng ta phải xác định rõ rằng mô phỏng không có nghĩa là tất cả những gì của mình vốn có để hoàn toàn trở thành cái khác, nhưng có nghĩa là hấp thụ trong sự tuyển chọn.

Mô phỏng không phải chỉ bắt chước một cách đơn giản ; để đi đến việc tái tạo một nền văn hóa mới, mô phỏng cần có màu sắc sáng tạo. Chúng ta không thể phủ nhận Đại học Nhật Bản đã có truyền thống mô phỏng từ đời Tokugawa nhưng không phải vì thế mà có thể vũ đoán là mầm sáng tạo trong nó đã chết mất rồi. Một yếu tố cần phải bàn đến vì có ảnh hưởng trực tiếp đến nền văn hóa phiên dịch là tính hiếu kỳ của người Nhật. Sugita Genpaku một trong những học giả nghiên cứu về tiếng Hòa Lan nói rằng trong việc phiên dịch «ưu điểm cũng có mà khuyết điểm cũng có» Tuy nhiên, «Đề giải thích lời nói Genpaku, ta có thể tiếp...» nếu so sánh với các nước láng giềng như Trung Hoa chẳng hạn thì mãi cho hậu bán thế kỷ 19 vẫn không mấy may tỏ ý quan tâm đến ngành phiên dịch ; do đó điều ta không thể bỏ qua : đó là đặc điểm tinh thần của người Nhật.

2. — Mầm sáng tạo nhỏ bé đó cho đến khi nước Nhật đã phát triển vẫn không có cơ hội để bộc phát mạnh mẽ hơn. Dưới thời Minh Trị, chất sáng tạo của các trường ở Nhật biến thiên đến điểm cực tiểu, bởi vậy ta có thể gọi văn hóa dưới thời này là văn hóa mô phỏng.

Những phần tử tinh hoa nhất của thời bấy giờ (trong cũng như ngoài đại học) cố gắng thu lượm văn hóa từ ngoài vào. Phương pháp nghiên cứu ở đại học đặt căn bản trên công việc phiên dịch ; bậc trung học chú trọng vào ngoại ngữ ; ở bậc tiểu học việc giáo dục chú trọng vào sự huấn luyện kỹ thuật mô tả. Con đường truyền bá văn hóa gồm có hai chiều : từ ngoài vào (mô phỏng) và trên xuống, dựa trên châm ngôn «Học tức là bắt chước» (Manabu wa manebu koto nari). Nói cho đúng ra, chương trình giáo dục này là một sự tuyển chọn có tính cách lịch sử hơn là có căn nguyên từ Dân tộc tính

đi bất dịch của dân tộc Nhật.

Năm 1878 (Minh Trị II), công bộ đại học (sau đổi thành công học bộ) của trường Đông Kinh Đại học được thành lập. Bác sĩ Deiel, người dạy dỗ tại trường này 8 năm, đã khuyên cần phải nỗ lực đi tìm những phát minh mới để sánh vai với các nước Âu châu, «trước hết hãy mô phỏng ngay sau có cơ hội sáng tạo». Không phải tư tưởng trên chỉ có đọng trên câu nói của một ngoại nhân. Bác sĩ Deiel—mà còn là chính sách Đại học Nhật Bản hay nói rộng ra chính sách giáo dục của Nhật Bản. Sự ý lại vào kỹ thuật du nhập đã ảnh hưởng nhiều đến sự phát triển kinh tế, nhưng không thể chối bỏ hoàn toàn sự chọn lựa này và cần phải ghi rõ trong ký ức rằng «mô phỏng tính» theo sự lựa chọn có tính cách lịch sử đã ảnh hưởng theo thời gian. Ta có thể hiểu chữ «CO» của Deiel là khi đã THÀNH THỰC rồi...Cứ theo ý đó, chúng ta đang đứng trên khúc quanh lịch sử của con đường chuyển hướng từ mô phỏng sang sáng tạo. Vấn đề của chúng ta hôm nay chính là làm sao có thể sửa đổi hệ thống văn hóa mô phỏng bắt nguồn từ thời Minh Trị.

Nhật bản không phải là nước duy nhất trên thế giới đã ý lại vào mô phỏng; tại các nước ở Âu châu để đuổi theo kịp các nước tiên tiến khác mô phỏng cũng là một trong những vấn đề có tính cách lịch sử. Cho đến giữa thế kỷ thứ 19, nước Mỹ trên căn bản, vấn đề học hỏi ở các nước tiên tiến khác (giống như Nga sau thời cách mạng) không khác gì Nhật dưới thời Minh Trị. Nhưng ta thử hỏi tại sao hai nước vừa kể trên sau đó đã tiến bộ mạnh mẽ, nếu chỉ xét trên phạm vi khoa học kỹ thuật, Mỹ và Nga đã là hai nước đi tiên phong. Yếu tố khác nhau về tài nguyên, kinh tế, chính trị v.v... giữa Nhật và hai nước kia cũng là những yếu tố quan trọng. Nhưng không phải chỉ có thế, nếu nhìn chính sách giáo dục có tính cách quảng đại hoặc nhìn qua chính sách Đại học của hai nước trên chúng ta thấy những nỗ lực mà Nhật đã làm đặt nhẹ vào phần ý thức.

Giáo dục nước Nga dựa trên kế hoạch hành chính trung ương, còn Mỹ ngược lại chỉ ý lại vào từng trường hay cá nhân một. Trong diễm trường phần này vô tình lại hàm khuynh hướng cộng thông theo quá trình tiến triển Đại học của hai quốc gia này. Ý thức cải tạo từ mô phỏng sang sáng tạo đã thể hiện rõ rệt tại Mỹ vào đầu thế kỷ 20 và tại Nga sau thế chiến thứ nhất. Nếu nghiên cứu kỹ lưỡng những điều kiện xúc tiến công cuộc sáng tạo, rất cuộc ta có thể tóm tắt trong ba yếu tố: ít nhất đã tôn trọng những căn bản, chú trọng đến cạnh tranh một cách công bình, triệt để theo chủ nghĩa thực lực.

Tính cách tôn trọng những căn bản và sáng tạo của Đại học ở Mỹ có thể xem là một thách thức trầm trọng đối với nền giáo dục đại cương và sự khuếch sung ở đại học viện. Nền giáo dục đại cương từ đó có mục đích giảng dạy sinh viên những phương pháp và thái độ căn bản để nghiên cứu chân lý. Chương trình giáo dục đại cương của đại học do tiểu bang Ohio lập dựa trên những kinh nghiệm thực

tế và nhằm mục đích thực dụng để truyền bá những tư tưởng sáng tạo đi từ những cơ sở có tính cách thực dụng và bành trướng sáng tạo tính sau khi đã kiện toàn cơ sở trên phòng phải là con đường độc nhất của các ngành văn khoa thời mà cho cả những ngành về lý công nữa. Trường Công khoa đại học Massachusetts nổi tiếng về truyền thống giảng dạy này. Vấn đề khuếch trương, chính đồn và nâng cao trình độ Đại học viện thì ở Nhật khó mà tưởng tượng nổi. Tại Nhật bản, cho đến ngày nay phần chính của Đại học được xem như nằm trong chương trình bốn năm. Tuy số ghi danh ở đại học viện cũng nhiều, trong khi đó tại Mỹ những đại học chính như Harvard, Princeton, Yale v.v..., nồng cốt của đại học được đặt trong mấy năm Đại học viện. Lối thăm tra luận văn tiến sĩ hoặc bác sĩ được thi hành nghiêm ngặt, hàng năm đào tạo được không biết bao nhiêu là nhà nghiên cứu. Kể riêng về công học thôi, vào năm 1962 số ghi danh ở ban tiến sĩ có 35.000 người và số tốt nghiệp là 8.900, ban bác sĩ số ghi danh và số tốt nghiệp lần lượt là 9.200 và 1.200, nếu so với Nhật bản thì sự sai biệt quá rõ ràng.

Tính cách công bình trong cuộc cạnh tranh nằm trong việc tuyển dụng giáo sư và các nhà nghiên cứu ở đại học. Các giáo sư đại học, cũng giống như trường hợp Nhật bản, không có chế độ được tuyển dụng cho đến chung thân hoặc lên trại từng năm. Trợ thủ, trợ giáo thụ, chuẩn giáo thụ (associate professor) cấp bậc giữa trợ thụ và giáo thụ chỉ được tuyển dụng theo khế ước tạm thời, hết kỳ hạn đó dĩ nhiên khế ước trở nên vô giá trị và phải ký khế ước mới sau khi đã được điều tra lại.

Việc các giáo sư chuyển từ trường này qua trường khác không phải là trường hợp ngoại lệ mà chính là nguyên tắc. Thường thường, những giáo thụ hoặc những nhà nghiên cứu có khả năng bao giờ cũng được rất nhiều trường đại học ưu đãi, mọi đồn nên kết cục số lương của họ còn lớn hơn số lương của Viện trưởng đại học. Điều đặc biệt là ở Mỹ việc tranh đua không có tính cách cá nhân mà chính là sự tranh đua thực lực giữa các đại học và trung tâm nghiên cứu. Những trường được nổi tiếng một thời nào đó dần có muốn giữ hai chức danh môn kia mãi cũng không được. Những năm trước đây, các đại học do tiểu bang California, Michigan, Wisconsin lập thành những đại học nổi tiếng; các trường tư lập đại học cũng cạnh tranh quyết liệt, chẳng hạn như trong công cuộc nghiên cứu về Nhật bản Harvard, Colombia... một thời được xem như là trung tâm nhưng gần đây các đại học Stanford, Princeton, Yale lại nổi bật hẳn.

Nhìn lịch sử đại học của Nga sau thời cách mạng chúng ta thấy có hai thời kỳ phát triển quan trọng rõ rệt. Thời kỳ thứ nhất nằm trong kế hoạch ngũ niên từ năm 1929 nhằm mục đích khuếch trương đại học. Mục phiếu trong giai đoạn này là phổ thông truyền bá và thực dụng. Từ 1930 qua năm 1931 số các trường đại học nhảy vọt từ 152 lên 579, một trong những nguyên do chính là việc thành lập các trường cao đẳng chuyên môn một cách sơ lược;

Chỉ nhìn qua tên trường chúng ta cũng thấy rõ ngành chuyên môn được hạn định trong một lãnh vực hẹp hòi : Trường cơ khí kiến trúc Moscow, trường quân sự hóa học Worochirof, trường nghiên cứu kỹ thuật vô tuyến truyền thanh Taganlog, v.v... Chúng ta có thể nói rằng chính sách giáo dục trong thời kỳ này nhằm trực tiếp đến mục đích thực dụng thôi.

Nhưng sau thế chiến thứ hai, thời kỳ phát triển thứ hai chính thức khởi mào từ năm 1954 và Nga trở nên tương đương với Mỹ. Những ngành chuyên môn vụn vặt có khuynh hướng tổng hợp lại. Trước đó, các ngành chuyên môn được phân ra đến 460, trong đó có 135 ngành lại còn phân ra làm 510 thành thử tổng cộng đến 835 ngành. Sang đến năm 1954, trong khoảng thời gian một năm con số này giảm xuống chỉ còn 280. Hiện giờ, nếu thử đi so sánh số giờ cao đẳng số học trung bình của hai trường Công nghiệp đại học Moscow (MVTU) và cùng khoa đại học Massachusetts của Mỹ chúng ta thấy có sự chênh lệch rõ ràng (MVTU : 388 giờ, Massachusetts : 180 giờ). Đại học viện cũng tương đương với Mỹ, điểm khác biệt là trong việc tổ chức hóa có kế hoạch Nga đã đi trước Mỹ.

Theo kế hoạch Đại học viện của Nga, các Đại học không được ủy thác vô điều kiện. Công cuộc giáo dục và nghiên cứu ở Đại học viện được điều khiển bởi Hàn lâm viện khoa học của Nga. Nhiều nhà bác học Mỹ đã nghiên cứu tương tặc cách tổ chức có kế hoạch này và tán thưởng nhiệt liệt. Alexander Vucinich trong cuốn "The Soviet Academy of Sciences" (1956) đã viết « đó là một tổ chức khéo léo có đầu tiên trong lịch sử. » Chức hiệu Bác sĩ so với Mỹ thì Nga không nhiều bằng, một phần cũng tại hai lối giáo dục khác nhau. Học vị "Candidate" của Nga được xem có trình độ hơi thấp hơn Bác sĩ và trong số này chuyên viên nghiên cứu có trình độ cao cũng không phải là ít. Năm 1955, ở Mỹ có 4400 người đỗ Bác sĩ và Nga 8400 người đỗ Candidate. Tại Nga, sinh viên và giáo sư cạnh tranh mãnh liệt. Sau khi vào được đại học rồi, năng lực sinh viên vẫn còn được chú trọng ; trong kỳ thi có 50 môn nếu rớt trên 3 môn thì tự nhiên sinh viên đó xem như phải ra khỏi trường. Nga cũng có khuynh hướng giống Nhật là giáo sư đại học thường được tổng sự tại chính trường mình đã xuất thân. Tuy nhiên, vào năm 1954 theo chương cải cách mới tất cả giáo sư đại học phải giải chức từng năm một. Sự thật thì hầu hết vẫn giữ nguyên chức tại nhiệm sở cũ; nhưng trên lý thuyết thì cần phải qua một kỳ thẩm tra. Nhiều người đã lên tiếng phản đối dữ dội chính sách này nhưng chính phủ Nga tuyên bố lỗi lầm việc cũ « chỉ là một bố trí ngăn cản sự nâng cao trình độ giáo dục và sự tiến bộ của kỹ thuật khoa học ». Trong cuộc bảo đảm đời sống Giáo thụ, Nhật không thể so sánh với Mỹ và Nga. Ở Mỹ mức sống trung bình đã cao nên lương bổng Giáo thụ không trội lên hẳn, còn tại Nga thì Giáo thụ được ưu đãi về mặt lương bổng rõ ràng. Hơn nữa, so với Mỹ và Nga bước tiến của Nhật hãy còn chậm

Không những chỉ tại cứ nhai lại mãi cái mô phỏng không thôi mà kế hoạch sửa đổi toàn diện chính sách đại học không được thực hiện dấu một số người đã nêu lên được vài thành tích sáng tạo.

Trên lãnh vực kỹ thuật, từ cuối thế kỷ 19 trở đi những thành tích sáng tạo chưa hẳn đã là ít. Năm 1897 Miyahara Jiro tìm ra ống đun kiểu Miyahara, năm 1901 Toyoda Sayoshi sáng chế ra máy dệt, năm 1912 Torigata Uichi sáng chế máy vô tuyến điện thoại kiểu TYK, năm 1913 Iguchi Ariya tìm ra ống bơm, Honda Kotaro với thạch cương vĩnh cửu (1917), Yaki Hidetsugi tìm ra giấy trời Yaki (1925) Mishima Tokushichi với thạch cương MK (Theo cuốn Công Nghiệp Kỹ thuật của Yamazaki, tập 4).

Trên lãnh vực lý học, Kitazato Shibasaburo tìm ra vi khuẩn Diphtheria (1884), Nagaoka Hantoro tìm ra mô hình nguyên tử (1903) Takamine Jokichi tìm ra Adrenalin (1900). v.v... Tóm lại những thành tích quan trọng đã được tạo ra 30 năm sau thời Minh Trị duy tân.

Từ thời Minh Trị cho đến ngày nay, trong cuộc xúc tiến những nghiên cứu có tính cách sáng tạo, Trung tâm Nghiên cứu Lý Hóa học sáng lập năm 1917 (Đại Chính 6, tháng 3) do Nakamura Seiji và Takamine Jokichi đã góp phần lớn nhất. Sau đó Okochi Masatoshi làm nghiên cứu trưởng trung tâm này và thời vào kỷ nghệ Nhật Bản một lần gió mới. Kịp đến khi nhà vật lý học có thiên tài Nishina Yoshio nhậm chức Chủ nhiệm nghiên cứu viên thì công cuộc nghiên cứu đã góp phần không biết bao nhiêu vào ngành vật lý của Nhật. Yukawa Hideki, tác giả của lý thuyết Trung hòa tử, và các bạn đồng liêu là Asanaga Shinichiro, Sakada Shoichi, Takeya Mitsuo, Kikuchi Masashi, Kobayashi Minoru v.v... những nhà tiên phong trong ngành vật lý của Nhật hầu hết là những chuyên viên nghiên cứu tại trung tâm của Nishina. Lịch sử văn hóa Nhật Bản với chủ lưu là mô phỏng đã thừa kế được những nghiên cứu có tính cách sáng tạo từ Takamine Jokichi đến Yukawa.

Nói một cách tổng quát chúng ta không khỏi lấy làm lạ tại sao lại có những thành tích sáng tạo rực rỡ về Lý học trong truyền thống mô phỏng của văn hóa Nhật Bản. Thật ra, trong khi đọc những tài liệu nghiên cứu về Lý học, trên căn bản, những điều kiện dễ xúc tiến đến những nghiên cứu có tính cách sáng tạo Nhật không khác Mỹ hay Nga. Không khí nghiên cứu Lý học rất tự do. Khác với những buổi thuyết trình rất tiêu cực tại Đại học Nhật Bản giữa Giáo thụ, Trợ Giáo thụ, Trợ thủ (tại các ngành Lý công sẽ có hai trợ thủ) trong đó lần lượt từng người tự đưa ra một vấn đề chuyên môn hạn chế trong phạm vi nhỏ để trao đổi kiến thức với bên ngoài. Tại phòng nghiên cứu Lý học đó là một công việc cộng đồng. Chính Nishina Yoshio đã bắt buộc phương pháp làm việc này tại trung tâm thí nghiệm của một nhà Bác học thời danh Đan Mạch. Từ kinh nghiệm này mỗi tuần tại phòng thí nghiệm Lý học lại có một buổi

(xem tiếp trang 32)

THỬ TÌM ĐƯỜNG LỐI CẢI CÁCH GIÁO DỤC **ĐẠI HỌC NHẬT-BẢN**

HAJIME TOYAMA

Sau nhiều năm làm giáo sư tại đại học, tôi cảm thấy đau đầu vô cùng mỗi khi mùa thi nhập học đến. Đọc hàng ngàn bài thi xong, hai mắt như quờn lên là chuyện đã khổ rồi, nhưng cái không thể chịu được là nỗi khổ lao kia chẳng đem lại kết quả tốt đẹp nào cả ; không những thế, tôi lại còn nghi ngờ vì biết đâu nó sẽ đưa đến một vài hậu quả có hại không chừng. Lần từng bài thi một, hình ảnh học thi chỉ tử của Sinh viên hiện ra mồn một trước mắt tôi. Nếu buông lời hỏi « *Tại sao muốn vào đại học đến thế* », câu trả lời của thí sinh thì giống như lời của một kẻ đang leo Hy Mã Lạp Sơn « *Tại vì ở đó có đại học...* »

Thế rồi nghi vấn « bao nhiêu năng lực mà thí sinh đã bỏ ra để viết ngàn đó bài thi liệu sau này có tạo nên được gì không » đến với tôi, và câu trả lời luôn luôn hướng về phủ định, hay nói cho có vẻ toán học — ngành chuyên môn của tôi — có thể trả lời hẳn bằng chữ « không ».

Trong kỳ thi nhập học, những sinh viên đầu không có óc sáng kiến nhưng óc dụng tâm và đề ý tránh những sai lầm có ưu thế hơn những sinh viên giàu sáng kiến nhưng trong bài thi hay vấp những sai lầm. Thật thế, trong khoảng thời gian thi đã ấn định, những thí sinh trong trường hợp đưa ra trước bao giờ cũng có lợi hơn cả. Nhưng nếu cứ học

chuyên bài đề thi đậu thì cái sở trường thiên phú của những thí sinh đưa ra trong trường hợp sau không có cơ hội phát triển và rốt cuộc khô héo dần. Có đại học đã điều tra giữa số sinh viên thi vào trường đậu liền (geneki) và số sinh viên phải rớt một vài keo trước khi vào trường (ronin) bên nào học khá hơn ; kết quả cho biết những geneki học khá hơn những ronin. Tôi cũng nghĩ như vậy.

Kỳ thi nhập học với những khuyết điểm có thể thấy dễ dàng như vậy nhưng điều rất mỉa mai đó là khuyết điểm chung của tất cả mọi trường hiện nay. Mọi việc có thể gọi là quan liêu nếu việc đó chỉ cần có dụng tâm thôi mà xem thường sự thiếu sót của trí tưởng tượng và óc sáng kiến. Bởi vậy, nói giáo dục đại học Nhật Bản, hay nói rộng ra giáo dục quốc dân toàn diện, đang hướng đến mục đích đào tạo những mẫu người quan liêu cũng không phải là quá đáng.

Việc chứng minh sức tưởng tượng và sáng tạo của người Nhật nghèo là khó, tuy nhiên ta có thể đưa ra một vài ví dụ cụ thể để làm bằng cứ.

De Gaulle thường phê bình các vị thủ tướng Nhật là « *những kẻ bán transistor* ». Chúng ta không biết tại sao De Gaulle nói như vậy, có lẽ De Gaulle muốn ám chỉ những vị thủ tướng

Nhật rất nghèo nàn những sáng kiến chính trị chẳng? Thủ tướng bị phê bình như vậy, dù không phải là đảng viên của đảng ủng hộ chính phủ, chúng ta người Nhật Bản cũng không lấy làm sung sướng gì.

Nếu chỉ đem chuyện của các chính trị gia lên bàn đề mở xê thì thiết tưởng hãy còn thiếu sót. Sau đây tôi xin bàn trong phạm vi ngành toán học, chuyên môn của tôi.

Gần đây, nền toán học của Nhật phát triển mạnh mẽ, học giới của ngoại quốc khen ngợi cũng nhiều. Chúng ta hãy hãnh diện điều này. Song những lời chỉ trích chua cay cũng không phải không có. Một học giả ngoại quốc có nói « những toán học gia Nhật Bản giải những bài toán của người khác (ngoại quốc) đặt ra giỏi nhưng tự đặt lấy đề toán thì rất tồi ». Khi nghe lời chỉ trích này tôi rất bức tức nhưng không khỏi nghĩ nó cũng đúng một phần nào. Nguyên nhân chẳng phải tại người Nhật thiếu óc sáng tạo hay sao?

Kurushima, nhà toán học có thiên tài thời Edo đã nói « trong toán học, việc đặt đề là khó nhưng giải lại dễ, bởi lẽ việc đặt đề cần óc sáng tạo ». Như vậy, Nhật Bản kể từ thời Minh Trị cho đến ngày nay không để ra được một toán học gia nào có óc sáng tạo đề đổi lối suy tưởng về toán học như trên.

Nếu nói người Nhật từ khi mới sinh ra bộ óc toán học học đã nghèo nàn thì cũng chịu đi; nhưng tôi, tôi không thể nghĩ và cũng không muốn nghĩ như vậy. Tôi cho rằng phương pháp giáo dục từ thời Minh Trị trở đi phải gánh trách nhiệm đó và tin rằng việc cải cách giáo dục để đào tạo những người Nhật có óc sáng tạo không phải là bất khả.

Đến đây, vấn đề tôi muốn được bàn đến là cần phải sửa đổi ngành giáo dục Đại học Nhật Bản theo đường lối nào?

Dĩ nhiên nếu chỉ giới hạn trong phạm vi đại học thì chúng ta sẽ không đi đến kết luận được, trường hợp thi nhập học đưa ra ở trên là một bằng cớ.

Chúng ta cũng phải hiểu rằng giáo dục đại học cũng là một phần của quốc dân giáo dục kể từ bậc tiểu học; hơn nữa nhờ vậy chúng ta mới có thể bàn vấn đề một cách cụ thể. Chúng ta sẽ không bàn một cách tổng quát nhưng chúng ta chọn thời điểm là hiện đại bởi lẽ ngày nay thế giới đang rất mực quan tâm đến vấn đề giáo dục.

Theo sự phát triển của khoa học sau đệ nhị thế chiến đề thỏa mãn nhu cầu cải cách về giáo

dục kỹ thuật khoa học, những đề án đã lần lượt ra đời. Công cuộc vận động cải cách gây ảnh hưởng toàn diện đến ngành giáo dục. Trên thế giới, vai trò của giáo dục ngày càng trở nên quan trọng nên bây giờ chính là thời cơ để cải tạo ngành giáo dục của chúng ta.

Nền giáo dục quốc dân bao gồm cả giáo dục đại học có những khuyết điểm nào? Một cách vắn tắt, chúng ta có thể đưa ra hai loại khuyết điểm: « thô phóng » và « hoạch nhất ».

Chữ « thô phóng » không được quen dùng cho lắm, nói thô phóng đi từ chữ « nông nghiệp thô phóng » thì tưởng độc giả dễ hiểu hơn. Những giờ học từ tiểu học cho đến đại học nhiều quá mức nhưng nội dung thật nghèo nàn, giống như một vùng đất canh tác to rộng mà số thu hoạch chẳng được bao nhiêu (nông nghiệp thô phóng).

Nông nghiệp thô phóng có thể tập trung hóa để tăng năng suất bằng cách cải cách đất đai, hạt giống, trừ sâu bọ, bón phân v.v... Nền giáo dục cũng giống như vậy. Nền giáo dục có thể cải tạo bằng cách tập trung hóa, chú trọng vào những hoạt động có tính cách tự động của học sinh, đồng thời đa dạng hóa những cá tính vốn tồn tại sẵn để sửa đổi lối giáo dục có tính cách hoạch nhất. Nói một cách cụ thể, trước hết phải giảm số giờ học. Với trình độ hiện tại, số giờ học có thể giảm bớt phân nửa. Độc giả có thể nghĩ rằng sửa đổi vậy có vẻ táo bạo quá, nhưng tôi dám nói phương sách này có thể thực hiện được bằng cách triệt để thi hành tiêu chuẩn: giảm bớt môn học và hợp lý hóa phương pháp giáo dục.

Giờ học giảm bớt phân nửa, thầy giáo chỉ dạy buổi sáng còn buổi chiều cho học sinh làm những hoạt động tự phát. Nguyên tắc trên nếu được áp dụng từ tiểu học cho đến đại học thì hậu quả sẽ ra thế nào?

TIN BUỒN

Ban giảng huấn và toàn thể sinh viên Y khoa Sài Gòn vô cùng mến tiếc và thương xót về cái chết của: Cố Y sĩ Trung úy NGUYỄN VĂN NHƯT

Cụ nội trú các Bệnh viện Saigon đã anh dũng đền nợ nước tại chiến trường Dầu Tiếng ngày 27-11-1965. Trong dịp đau đớn này, Tòa soạn Tỉnh Thương xin phân ưu cùng tang quyến và Tổ quốc Việt Nam về sự thiệt thòi lớn lao ấy và cầu xin hương hồn người quá cố được mãn nguyện ở cõi đời bên kia.

Tòa Soạn TỈNH THƯƠNG

Hiện nay, từ cấp tiểu học trở đi, học đầy cả sáng lẫn chiều. Tôi không biết liệu học sinh có thể tiêu hóa được những bài học không? Thật ra sức chú ý của học sinh trong một ngày chỉ có được khoảng hai, ba giờ ban sáng thôi. Nếu nhét đầy giờ học như vậy đầu óc của học sinh sẽ chú ý vào đâu? Về nhà, bài tập làm ở nhà lại như núi. Thật là một lối giáo dục nhồi sọ đáng sợ.

Giáo dục hiện đại đúng là lối giáo dục nhồi sọ; nhưng nghe vậy có người sẽ phản đối. Tại sao? Bởi lẽ thời hậu chiến cải cách giáo dục đã mang chiêu bài «bài xích lối giáo dục nhồi sọ» rồi. Người ta có thể tin nền giáo dục thời hậu chiến mang nhiều khuyết điểm khác chứ khuyết điểm «nhồi sọ» thì không còn nữa vì chiêu bài trên đã làm họ bị mê hoặc. Cải cách được cái lạc hậu của giáo dục thời tiền chiến — lối giáo dục bắt học sinh phải thuộc lòng những niên đại và danh hiệu của các Thiên Hoàng — là công trình của giáo dục thời hậu chiến, nhưng sau đó một giáo dục khác lại được tái hiện: lối giáo dục cổ nhét vào đầu học sinh những tri thức không có giá trị là bao cả. Chúng ta tưởng trong giờ thể dục học sinh sẽ được tập luyện để thân thể cường tráng, sự thật đó chỉ là giờ bắt học sinh học thuộc lòng những qui luật thể thao.

Trong những năm thuộc chương trình giáo dục đại cương ở đại học, sinh viên phải bị nhồi sọ những giờ học có chiều rộng chứ không có chiều sâu; thậm chí cả những điều mà ví thử nếu để rảnh rang sinh viên sẽ thu thập được. Giờ học tăng lên một cách cầu thả. Giờ ngoại ngữ thứ hai ở bậc đại học rộng và học rất cạn. Sau khi vào đại học sinh viên mới chậm trễ bắt tay với thứ ngoại ngữ mới mẻ này nhưng số giờ học thì chẳng thấm vào đâu cả. Cần phải chọn một trong hai giải pháp sau để chấm dứt tình trạng này: thêm giờ học và triệt để giảng dạy để sinh viên có thể quán thông được ngôn ngữ đó hoặc giả quyết định bỏ hẳn giờ học trên đi.

Rộng rãi, nông cạn, tham lam là những tính cách của giáo dục thời hậu chiến. Chẳng hạn từ năm thứ nhất tiểu học đã có giờ của hai môn lý khoa và khoa học xã hội. Thật là quá tham lam. Trong phương pháp sư phạm, có những môn cần được giảng dạy sớm và ngược lại. Chúng ta đồng ý những môn như âm nhạc dạy cho trẻ em sớm là điều tốt, môn toán số cũng vậy. Nhưng lý khoa, khoa học xã hội là những môn cần trình độ phán đoán, óc suy nghĩ cao khác với toán số v.v... tuy có trong chương trình năm đầu nhưng chẳng biết dạy gì, có cũng như không.

Phương thức sắp đầy môn học vào chương trình của thời tiền chiến được tiếp tục thi hành sau chiến tranh; bằng chứng là trong phương sách chỉ đạo giáo dục thời hậu chiến có ghi rõ điều đó.

Lần giáo dục thời hậu chiến được tiến triển dựa trên nguyên tắc «hòa bình, tự do và dân chủ». Nhưng khi giảng dạy môn toán học chẳng hạn, dĩ nhiên ta không dùng những nguyên lý có tính cách chính trị như trên mà chỉ suy diễn từ những nguyên lý liên quan đến tri thức căn bản của con người. Nguyên lý nhận thức luận của giáo dục cải cách thời hậu chiến là nguyên lý không muốn công nhận «cấu tạo tính» cần thiết của trật tự và hệ thống tri thức.

Không cho rằng tri thức có một cấu tạo tập thể mà cứ bo bo cho nó có một cấu tạo trên bình diện thì việc áp dụng phương pháp giảng dạy với đầy môn học là điều tất nhiên.

Nếu giả thuyết lý luận cho rằng tri thức có một cấu tạo tập thể giống như thượng tầng kiến trúc là đúng, tự nhiên chúng ta có được một phương pháp giáo dục khác, và cổ nhiên điều thực hiện không còn nằm trong vòng bất khả.

Khi càng leo lên trên một vật cao, chúng ta càng có thể nhìn thấy rộng; chúng ta có thể nhìn xem bên dưới có những gì. Tri thức cũng giống như thế. Nếu tri thức chúng ta cao, ta có thể hiểu được những tri thức phức tạp mà chúng ta chưa từng học bao giờ. Câu cách ngôn «nghe một biết mười» nói lên tri thông minh của con người, cũng có thể hiểu theo nghĩa của tri thức luôn. Đó là một cách khác, có cái một để hiểu thành mười. Theo những nút trong cấu tạo thể của tri thức, có cái 1 để biết 10 đó, tương tự có cái 1 để biết thành 100 hay 1000 điều khác. Để tập trung sự giảng dạy về những nút đó, tôi tin rằng nếu giảm số lượng giờ học thì có thể làm tăng được «chất» (hiệu theo nghĩa năng suất) của giáo dục.

Trong khi giảng dạy toán số, ta có thể ví nguyên tắc chọn hàng đơn vị như một cái nút nói trên. Cho đến bây giờ, nguyên tắc này chỉ được dạy cho trẻ em từ năm thứ hai tiểu học trở đi và trẻ em năm thứ nhất bị xem như không đủ sức để hiểu nguyên tắc này. Nếu tập trung giờ giảng dạy và triệt để làm cho học sinh hiểu rõ, chẳng cần dạy thêm những tri thức phức tạp khác, trẻ em năm thứ nhất cũng có thể dư hiểu nguyên tắc trên. Đó bất quá chỉ là ví dụ chứng minh có thể giảm giờ học và môn toán số có thể dạy cho trẻ em sớm hơn. Do đó chúng ta có thể nghĩ ra nhiều ý tưởng tương tự với đề nghị trên, như đề nghị đưa giờ căn bản về đại số của bậc trung học đệ nhất cấp vào bậc tiểu học. Khám phá xong những nút, then chốt trên ta có thể làm tăng suất để sửa đổi ngành giáo dục thô phóng. Dĩ nhiên chẳng những về toán số không thôi, các môn học khác cũng có được những trường hợp tương tự.

Trong sự cải cách này, trước hết chúng ta phải đã khai những nguyên tắc đã có từ trước đến giờ.

Không nói độc giả chắc cũng đã rõ chính Dewy là người đưa lên chiến bài này trước tiên. Ngoài ra, vì không phải là triết gia nên tôi không thể biết được chân ý của Dewy có đến mức độ nào cũng như những người đi sau Dewy có tự ý bẻ lái sang đường khác không.

Gần đây tại Mỹ cũng có phong trào vận động cải cách giáo dục dựa trên lập trường khẳng định sự tồn tại cấu tạo tính của tri thức. Theo cuốn « Quá trình giáo dục » (nhà sách Iwanami) thì kết quả của một hội nghị tổ chức bởi các tâm lý gia của Mỹ vẫn là chủ trương cấu tạo hóa phương pháp giáo dục để làm tăng hiệu quả. Việc đáng làm chúng ta chú ý là ở Nga cũng phát sinh tư tưởng tương tự. Giữa hai nước mà chế độ chính trị khác nhau như vậy tuy không thể đi đến trình độ đồng nhất hẳn nhưng chúng ta phải công nhận có những điểm tương tự và cộng thông trên phương pháp suy tưởng đo.

Trước đây tôi có trình bày cần phải tập trung hóa và đa dạng hóa nền giáo dục. Có thể độc giả sẽ cho đề nghị trên mâu thuẫn. Thật ra, tập trung hóa và đa dạng hóa đã không mâu thuẫn mà lại còn bổ túc cho nhau nữa. Chẳng hạn tập trung giờ học vào buổi sáng, học sinh có thể phát triển (đa dạng hóa) cá tính nếu dành buổi chiều cho những hoạt động tự phát.

Giáo dục có hai mặt. Một mặt tạo nên sự cộng thông giữa quốc dân, nói theo danh từ giáo dục là lượng cần thiết tối thiểu (minimum essentials). Mặt thứ hai làm phát triển toàn diện năng lực thiên phú của từng cá nhân. Ta thấy tại đây, tập trung hóa và đa dạng hóa đã tương ứng với nhau.

Khi nghe đề nghị chỉ chia giờ học vào buổi sáng thì chắc cũng có người cười mỉa mai. Lại có người sẽ nghĩ nếu đem áp dụng ở tiểu học thì có thể được chứ việc đem áp dụng vào đại học thì chẳng khác giấc mơ của một thằng điên.

Đến đây, chúng ta hãy đưa ra một ví dụ. Thời trước, giờ học của ngành công học nhiều hơn ngành lý khoa rất nhiều. Sinh viên lý khoa nghe xong bài giảng ban sáng, buổi chiều đi xem chớp bóng ra có thể gặp những sinh viên công học đang cầm cùi mang dụng cụ vẽ họa ở trường vẽ. Giờ học nhiều vì nội dung những bài giảng hướng về những ứng dụng sắp đầy như những bảng thống kê hơn là đi về nguyên lý. Như vậy có thể nói giáo dục của ngành « Engineering Science » đang đi gần đến giáo dục của ngành lý học. Đây chính là điểm tập trung nổi bật trong giáo dục đại học.

Ở đại học trường hợp có thể đa dạng hóa rất nhiều đến nỗi có người không khỏi nói đại học không phải đã đa dạng hóa đó rồi sao. Điều tôi muốn nhấn mạnh ở đây là cần phải triệt để đa dạng mới được.

Trở lại trường hợp thi nhập học đưa ra ở đầu bài, loại sinh viên thi vào một đại học nào đó hầu như đã định sẵn. Nguyên nhân vì có sự khác nhau về tính cách giữa các đại học. Lý luận đến đây hãy còn đúng. Nhưng nếu nói đề san bằng cách biệt cần phải hoạch nhất hóa các đại học và lý luận gian. Ngược lại, cần phải triệt để đa dạng hóa để mỗi đại học mang một đặc sắc riêng; không thể so sánh giữa các đại học được nữa nên sai biệt do đó cũng không tồn tại nữa. Ta thử đưa một ví dụ rất cực đoan Hai trường Đại học Âm nhạc và Đại học Y khoa nguyên ta đã không nghĩ nó có thể so sánh với nhau được cũng như ta không hề nghĩ đến sự sai biệt. Sai biệt sở dĩ có bởi sự tạo nên những yếu tố để có thể đưa đến so sánh và nguyên nhân không phải là đa dạng hóa mà chính là hoạch nhất hóa.

Đề đa dạng hóa đại học một cách triệt để có lẽ chúng ta không nên dùng danh từ « đại học » nữa. Dân Nhật chúng ta vốn có khuynh hướng « yếu » trước chữ « đại ». Ngày trước thì có « đại thần », « đại tướng » cộng thêm với « đại học » thành « ba cái đại » tượng trưng cho tư tưởng con nhái muốn hành con bò (Jidai shiso) của người Nhật. Sau khi bại chiến, danh từ « đại tướng » đã mất theo cùng đế quốc « Đại Nhật Bản ». Ví thử nếu đổi đại thần (daijin) ra « trưởng quan » (chokan) không chừng có thể làm giảm phần nào bệnh hoạn quan của các đại thần cũng như nếu đổi đại học sang danh từ khác thì không khi trường thì biết đâu sẽ được « hòa hoãn » hơn !

Cho đến đây chúng tôi đã trình bày khái lược về tập trung hóa và đa dạng hóa, dĩ nhiên vấn đề trình bày mất ít nhiều cụ thể tính nhưng tôi tin tưởng hậu quả tốt đẹp ngay ở sự đề xướng vấn đề.

Không dám tin tưởng rằng công cuộc cải cách Quốc dân giáo dục có thể tiến hành một cách dễ dàng — đặc biệt trong giai đoạn hiện tại tư tưởng quan liêu đang bành trướng trong giáo dục giới — nhưng tôi hy vọng ít ra cũng thành công trong nền giáo dục đại học bởi lẽ tại đại học tương đối chế độ quan liêu còn chưa đứng vững, nhất là tại những đại học tư mà số sinh viên đang còn ít thì hậu quả sẽ tốt đẹp vô cùng.

Một khi cải cách giáo dục tất nhiên phải cải cách từ dưới lên trên, ĐI TỪ CẤP TIỂU HỌC RỒI ĐẾN TRUNG HỌC đệ nhất cấp, đệ nhị cấp. Nhưng hiện trạng tại Nhật là chế độ quan liêu đang thống trị từ trên xuống dưới đến nỗi các vị giáo sư không có đủ quyền chọn một cuốn sách giáo khoa mà bìa hơi khác màu chút ít ! Do đó, việc cắt mầm ung nhọt từ dưới là chuyện không phải dễ. Với tình trạng này, nếu đưa ra khỏi bàn đá đề cắt mầm ung nhọt kia ngay từ Đại học biết đâu chúng ta lại sẽ tìm ra hướng đi ?

HAJIME TOYAMA
(Hải Văn dịch - Quê Hương 9)

SINHVIÊN và ĐẠIHỌC

● SINHVIÊN và ĐẠIHỌC ★ SINHVIÊN và ĐẠIHỌC ★ SINHVIÊN và ĐẠIHỌC ★ SINHVIÊN và ĐẠIHỌC ★

● TRONG 6 NĂM QUA, CÁC NHÂN VẬT CẦM ĐẦU WUS VIỆT NAM ĐÃ LÀM GÌ ?

Im lặng trước sự hư đốn vẫn thường được coi như một sự khuyến khích, nếu không muốn nói là đồng lõa, hưởng hờ là một sự im lặng trong 6 năm dài, thời gian đánh dấu tuổi đời của Wus VN kể từ ngày du nhập vào đất nước này. Âm thầm đến bí ẩn, mãi tới ngày hôm nay tổ chức tương trợ đại học quốc tế này vẫn là cái tên quá xa lạ với bất cứ một sinh viên nào dù đã mài đũa quần trên chiếc giảng đường suốt cả một khóa học kéo dài 5,7 năm. Ngay cả đến những bộ mặt Sinh Viên ham hoạt động, thật khó đối với họ khi một người nào muốn hỏi họ những nhân vật nào đã nắm tổ chức Wus V.N. trong vòng 6 năm nay và những người đó đã làm được những gì ?

Sự khó khăn ấy thật dễ hiểu vì tổ chức Wus V.N. tuy nhận được trợ cấp của Wus quốc tế đều đặn nhưng vẫn không muốn sinh hoạt, họ thích âm thầm chia sẻ với nhau hơn là đồ mớ hôi phụng sự sinh viên.

Từ GS Nguyễn quang Trinh, Nguyễn đình Hưng qua Đỗ Bá Khê, chỉ đến giáo sư Nguyễn đình Hòa hay mới rồi đây đến ông thầy cái... Phan Tấn Chức vẫn không biết Wus đã hoạt động ra sao trước và sau ngày mình nhảy vào chức vị lãnh đạo Wus. Tệ hại hơn nữa là muốn tìm một văn kiện gì bất kể là thuộc loại nào, các ông ấy vẫn không thể tài nào mà tìm thấy được vì có cái gì đâu mà tìm. Có ghi có chép, có làm mới lưu trữ lại, đằng này chỉ dùng mồn để mà nhớ, quên rằng cái mồn chỉ dùng để mà ăn, mà dớp. Sự kiện trên hoàn toàn đúng sự thật và đã được Giáo sư Hòa xác nhận công khai. Ngoài ra một khi có một nhân vật Wus quốc tế nào muốn sang thăm viếng Wus Việt Nam (chắc vị này chỉ nghĩ Wus V.N. trong tưởng tượng) thì phải chịu khó đánh đến 5 cái điện cho các bộ giáo dục, nội vụ thông tin, viện Đại học, tổ chức Sinh viên để nhờ kiểm dùm địa chỉ Wus VN. Đến nơi chắc cũng không tài nào gặp được ngài Tổng thư ký từ Trần văn Ngô, Đoàn hữu Khánh qua Đỗ phan Hạnh nhất là xừ sau này chuyên môn đi nhờ ngoại quốc. Năm kia, xừ đã đi «tua đũa mộng» hết gần nửa năm, vừa rồi lại mò sang Mỹ gạ gẫm.

Bằng tất cả thiện chí, chúng tôi muốn tất cả các nhân vật mà chúng tôi vừa hân hạnh kể tên trên

đây hãy thẳng thắn trình bày trên cột báo này tất cả những số tiền mà quý vị đã tiêu xài hay những gì mà quý vị thực hiện trong vòng 6 năm qua để chúng tôi những người sinh viên — có thể yên tâm đến việc tìm hiểu sự thật của một quá khứ đầy tai tiếng mà chính quý vị là những kếp hay đào chính, trước khi chúng tôi nhân danh một cơ quan ngôn luận của sinh viên phanh phui sự việc ra ánh sáng.

Chúng tôi nghĩ rằng giữa những người đại học, không nên làm người đối diện phải mất cơ hội để trình bày sự thật.

Chúng tôi xin nhảu nhục chờ đợi.

● CÂU CHUYỆN WUS VIỆT NAM NIÊN KHÓA 65-66.

Trong mục này số trước, chúng tôi đã trình bày các diễn biến liên quan đến vấn đề chính danh của một văn phòng quản trị Wus Việt Nam ở niên khóa 1965-66 này. Vấn đề sẽ không bàn cãi đến nếu tình trạng như hiện giờ không xảy ra. Cho tới giờ phút này, những kẻ trách kia vẫn mãi mê muội trong ý tưởng là có thể vận dụng mọi đòn phép để làm biến mất các chứng tích hồng minh trở nên chính nghĩa mặc dầu sự việc đã rõ như ban ngày.

Để dư luận sinh viên có thêm những dữ kiện hòng phê phán, hôm nay chúng tôi xin đăng tải nguyên văn các văn kiện mà chúng tôi đã nhận được của văn phòng Wus trung ương đặt tại Genève. Sự việc mãi đến hôm nay mới công bố các văn thư dưới đây chứng tỏ chúng tôi đã luôn luôn đặt vấn đề đoàn kết trên tất cả mọi hành động của mình.

Đây là nguyên văn bằng Pháp ngữ văn thư thứ nhất mà chúng tôi đã nhận được. Thư đề ngày 1/9/1965 và số 26/331B.

WORLD UNIVERSITY SERVICE

HEADQUARTERS :

13, RUE CALVIN
1204 GENEVA (SWIT-
ZERLAND

CABLE ADDRESS :

INTERSTUD, GENEVA
TÉLÉPHONE 247354
CHÈQUES POSTAUX :

12.3872

Genève, le 1er septembre 1965.

Monsieur Ngo The Vinh,
c/o Tỉnh Thương,
103 Duong Nguyen Binh Khiem,
Saigon, Vietnam,
Cher Monsieur,

Reference : 26/331B

Le Ministre de l'Education du Gouvernement

vietnamien, M. le Professeur Tran Ngoc Ninh, m'informe que, pour le moment, vous êtes chargé des affaires de l'EUM. M. Don Emmerson m'a également fait part des entretiens qu'il a eus avec vous en soulignant notamment l'intérêt que vous témoignez envers l'EUM, ses buts et activités. Au nom de notre organisation, je voudrais vous dire combien le Secrétariat international est heureux de pouvoir compter sur votre collaboration et espère vivement qu'un programme intéressant et constructif pourra être mené à bien au Vietnam.

Le Secrétariat international espère recevoir sous peu des informations sur la composition du nouveau Comité directeur de l'EUM, ainsi que sur ses projets pour l'année à venir. J'espère que la reprise des activités de l'EUM coïncidera avec le début de l'année universitaire, soit au mois de septembre, et qu'il sera possible d'utiliser la Maison de l'EUM comme centre de travail.

C'est avec plaisir que je recevrai des rapports sur la Maison de l'EUM et j'aimerais savoir à quel moment le Secrétariat de l'EUM du Vietnam s'installera dans ces nouveaux locaux et à partir de quelle date le courrier devra être adressé à cette Maison.

Je désire vous assurer une fois encore de notre appui total dans vos efforts.

Dans l'attente de vos nouvelles, je vous prie d'agréer, cher Monsieur, mes meilleures salutations.

ENTR.AIDE UNIVERSITAIRE MONDIALE

Hans Dall
Secrétaire Général

Bức thư thứ hai đề ngày 28-9-1965 số 26/33/C,
nguyên văn bằng anh ngữ :

WORLD UNIVERSITY SERVICE

HEADQUARTERS : 13, RUE CALVIN
1204 GENEVA (Switzerland)
CABLE ADDRESS : INTERSTUD, GENEVA
TELEPHONE 247354
CHÈQUES POSTAUX : 12-3872
28th September, 1965
Reference : 26/33/C

Mr. Ngo-The-Vinh,
c/o Tỉnh Thuong,
103 Duong Nguyen Binh Khiem,
SAIGON, VIETNAM
Dear Mr. Vinh,

I have just returned to Geneva after my three month visit to Asia and have learned that you are responsible for the time being for Vietnam WUS activities. I join the General Secretary, Mr. Hans Dall, in informing you that we look forward with pleasure to working with you.

I hope that Professor Hoa has informed you of the discussions that I had with him when I was in Saigon in the second week of July. The main trend of our discussions was that the Vietnam WUS house located at Hong Thap Tu Street should form the main focus of activities for Vietnam WUS. We felt that the Vietnam WUS house should consist of a health clinic, a book store and lending library, a reading room, a duplication section, an employment bureau and the WUS office. These projects were to be established one after another rather than all at the same time. Vietnam WUS was supposed to consult the Medical Faculty and let us have a list of the most needed equipment for establishing the health clinic ; also at our request Japan WUS sent to Professor Hoa a number of publication listing the names and prices of Asian editions of foreign

textbooks. Vietnam WUS was supposed to let us know which of these books was required for its lending library. As soon as we receive the list of equipment and the list of books from you we shall be pleased to ask the Japanese WUS Committee of purchase these items in Tokyo and have them shipped to you. During my discussions with Professor Hoa it was also agreed that a part of the funds that we hold for Vietnam, which is a little over 2.500, may be used for repairing the Vietnam WUS house and to purchase furniture and office equipment. I wonder if you could let us know whether such funds are required and if so we would appreciate receiving an estimate of the costs involved.

We also look forward to hearing from you about the composition of the new WUS Committee and the names and addresses of the office bearers.

With best wishes.

Yours sincerely,

WORD UNIVERSITY SERVICE
S. Chi thampanathan
Associate Secretary

Khi cho công bố các văn kiện trên, chúng tôi chỉ có một mục đích là mời các bạn sinh viên và các người có trách nhiệm xét đoán sự việc để cùng nhau tìm một lối thoát tránh viễn ảnh của sự tranh chấp làm nguy hại đến thanh danh tập thể sinh viên chúng ta.

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH THSV, VIỆT NAM TẠI BALE

Tổng hội sinh viên VN tại Paris đã bầu lại ban chấp hành cho niên khóa 1965-1966. Được biết rằng THSV này đã được thành lập từ hồi năm ngoái và đây là ban chấp hành thứ nhì.

Sau đây là danh sách ban chấp hành mới :

Chủ tịch : Nguyễn gia Kiểng (Tr. Centrale)

Tổng thư ký : Võ văn Thành (khoa học)

Thủ quỹ : Trần khắc Cần (Khoa học)

TB. Nội vụ : Phạm thiện Tú (Tr. Bách Khoa)

T.B Kế hoạch : Vũ thiện Hận (Tr. Bách Khoa)

T.B Ngoại vụ : Nguyễn ngọc Danh (Tr. Centrale)

TB. Tài chánh : Trương vĩnh Tấn (Tr. Sup. de Commerce)

T.B Xã hội : Phan ngọc Khải (Tr. Centrale)

TB. Văn hóa : Nguyễn như Hải (Tr. Y Khoa)

TB Văn nghệ : Vũ Hồng Phan (Khoa học)

T.B. Thể thao : Huỳnh hữu Thanh (Tr. Sup. Aéro)

TB. Báo chí : Anh Hoàng minh Trí (Văn khoa)

Trong bức thư viết cho chúng tôi sinh viên Việt Nam tại Paris cho biết tuy xa quê hương nhưng vẫn theo dõi tình hình xứ nhà và chỉ mong thành tài để về miền Nam giúp xứ sở.

● BAN CHẤP HÀNH T.H. S.V SAIGON NIÊN KHÓA 65-66 NÊN BẦU THEO LỐI NÀO ?

Đại học Saigon đang bước lần vào mùa khai giảng, các phân khoa, học viện và trường cao đẳng ở đây đã thấy lại cái cảnh rộn rịp, đông người của những buổi sáng có giờ học. Giữa bao điều muốn nói, câu chuyện « làm sao tiến đến một Tổng Hội Sinh Viên đặc lực » vẫn được đa số chú ý trong nghĩ ngợi. Trước hai bộ mặt khác biệt của hai nhiệm kỳ Tổng Hội sau ngày Cách mạng, người ta có lý do để băng khuông đến phương thức cho sự thành hình của Tổ chức Đại Diện Sinh - Viên ở niên khóa này. Kể dễ dãi sẽ lấy trung bình cộng của hai lần đầu để có giải đáp cho lần thứ ba này, nhưng họ đã vấp phải lỗi lầm là đã đóng khung cho một vấn đề tuy vĩnh cửu trên giá trị nhưng thực lại sự uyển chuyển theo thời thế. Phương thức đã từng ra có thể dùng cho năm qua, nhưng lại quá lỗi thời ở niên học này. Thí dụ cụ thể nhất là lối bầu gián tiếp và thu hẹp cho ra đời ban chấp hành Tổng Hội S.V. Saigon niên khóa 64-65 vừa qua. Vào lúc đó, giữa bao nhiêu âm mưu muốn triệt để lợi dụng nhãn hiệu THSV để mưu cầu tư lợi cho cá nhân hoặc đoàn thể xuất phát từ đảng phái, tôn giáo, chính quyền, ngoại bang, những người sinh viên chân chính trong một phút nào đó đã gạt đầu đồng ý (dĩ nhiên là miễn cưỡng) tiến hành lối bầu cử trên hồng làm chậm lại sự đổ vỡ tan tành của tổ chức đại diện Sinh viên cũng như ngăn chặn được cơ hội buông xuôi dễ dãi của một vài bộ mặt Sinh viên quen biết bỏ mặc giá trị trường cửu của tinh thần Đại học trong tổ chức « THSV » chạy theo cái hư danh của tiền tài và địa vị hão. Trong hoàn cảnh đặc biệt trên, chúng ta có thể chấp nhận sự ra đời một ban chấp hành kiểu đó dù rằng chúng ta đã tự mình dày xéo lên trên những mục tiêu mà tuổi trẻ đeo đuổi: tinh thần dân chủ trong mọi sinh hoạt. Người ta chỉ có thể tha thứ cho mỗi lần một mà thôi, và ngay chúng ta cũng không bao giờ dám nghĩ đến một sự tái phạm vì như thế còn gì để đề tin tưởng nơi những người được mệnh danh nhân tố sống của Đất nước.

Nói rõ ra là hình thức bầu cử gián tiếp của 14 chủ tịch phân khoa, học viện và cao đẳng để thành lập một ban chấp hành T.H như năm vừa qua không còn được chấp nhận nữa dù có biện minh đến đâu. Lý do đơn giản nhất là Tổng Hội để sinh theo lối này không được một sinh viên nào tán đồng nhiệt thành cả chứ đừng nói đến một thiểu số hậu thuẫn như số phiếu của BCH nhiệm kỳ thứ nhất. Và lại trên bình diện quốc tế, một TH được tấn phong bởi 14 người tạm gọi là đại diện (nhưng kỹ thực chỉ đại diện để quay roneo... bài vở) sẽ không được xem như chính thức đại diện cho quần chúng sinh viên nước đó, thành thử tuy có mặt nhưng vẫn bị phủ nhận oan uổng và chua cay. Đó là trường hợp đã xảy ra giữa CIE (Conférence

internationale des Etudiants) với ban chấp hành TH năm vừa qua.

Không được sinh viên chú ý, bị các tổ chức SV quốc tế hoài nghi, ban chấp hành TH năm vừa qua chỉ làm công việc trái độn (phải gọi đó là 1 công việc bất đắc dĩ) chuyển tiếp, sinh hoạt ngặt nghèo, bị giới hạn trên mọi bình diện. Ấu đó cũng là bộ mặt của kinh nghiệm.

Niên khóa này thi ngoại cảnh đã khác hẳn. Chính quyền đã không ~~phải~~ phiêu lưu như tướng Khánh, ~~đang~~ ra xa, tập thể chúng ta sẽ sinh hoạt thành thoi. Chúng ta hãy tận dụng cơ hội này để đặt lại nền tảng, làm lại cái nếp cho việc hình thành tổ chức của chúng ta bằng cách dứt khoát về lẽ lối bầu cử ban chấp hành TH. Chắc chắn mọi người đều đồng ý là phải có một bầu cử trực tiếp để tập thể sinh viên trực tiếp, chọn lựa người đại diện mình.

Lối bầu trực tiếp, liên danh của nhiệm kỳ đầu vẫn còn hấp dẫn lắm vì không sai ở nguyên tắc và hơn nữa có thể tổ chức sâu rộng và về đảng Sinh viên chúng ta nghĩ sao ?

● TRẠI HUẤN LUYỆN CHÍ NGUYỄN ĐỢT V.

Trại huấn luyện đợt V của Đoàn Thanh Niên Chí Nguyên Việt Nam mở tại Trung Tâm huấn luyện hợp tác xã Gia Định kéo dài một tháng bắt đầu từ 28-10 vừa chấm dứt.

Số trại tham dự là 60 và cuối cùng 48 trại sinh được nhận làm chí nguyện viên.

Lần này, các Chí Nguyên Viên được gởi đến công tác tại các trung tâm định cư của đồng bào tỵ nạn tại tỉnh Bình Định và Quảng Nam.

Chương trình và thời gian huấn luyện được chia làm 2 phần. Phần lý thuyết tổng quát về chủ trương, tinh thần và phương thức hoạt động của Đoàn đặc biệt chú trọng đến vấn đề đồng bào tỵ nạn. Phần chuyên môn phân làm 4 ban: giáo dục, y tế, xã hội, canh mục. (Các trại sinh được phân ban tùy ý thích và khả năng chuyên môn).

Giảng viên phần lớn là sinh viên các phân khoa trong Ban Chấp Hành của Đoàn và một số chuyên môn các nhà sở có liên quan đến hoạt động của Đoàn.

Như vậy là bắt đầu tháng 12-1965, Đoàn gồm cả thảy 110 Chí nguyện viên phân làm 17 toán và 5 ban. Vùng hoạt động dài hạn tại 5 tỉnh Vĩnh Long, Ninh Thuận, Khánh Hòa Bình Định và Quảng Nam.

Vì vấn đề đồng bào tỵ nạn ngày một trở nên khẩn thiết, Đoàn định cố gắng hướng một phần hoạt động của mình vào các trung tâm định cư đặc biệt là các tỉnh thuộc miền Trung. Trong tương lai, nếu có phương tiện, Đoàn dự định mở những trại huấn luyện đặc biệt để góp phần cùng đồng bào xây dựng cuộc sống mới tại các vùng định cư.

THẾ GIỚI CHÚNG TÔI

THỀ GIỚI Y KHOA ★ THỀ GIỚI Y KHOA ★ THỀ GIỚI Y KHOA ★ THỀ GIỚI Y KHOA

Ai buồn hơn ai ?

● ĐỎ TRẦN

Tôi đến bệnh viện Đò Thành vào đầu niên học mới. Các sinh viên năm thứ 6 cũ vừa chấm dứt nhiệm kỳ làm việc để sửa soạn thi ra trường. Trong số những người này có Trang Châu. Tôi vốn có duyên với anh chàng thi sĩ này từ lâu nên vừa mới đến đã được Châu nhường cho căn phòng cũ của anh ở trên lầu 3 bệnh viện. Căn phòng của Châu là một căn phòng đẹp và tương đối tiện nghi hơn những căn khác trên khu lầu 3 này. Phòng có 2 cửa sổ lớn nhìn xuống đường Lê Lợi, rất thuận tiện cho các bạn tôi đứng đó chiều chiều nhìn xuống phố quan sát các tà áo màu xuối ngược.

Trong các bạn mới đổi tới nhà thương này với tôi, có cả anh chủ nhiệm. Phòng của Vy lại ở ngay cạnh phòng tôi. Chiều nào, tổng thư ký tòa soạn cũng lên đó ngồi soạn bài vở. Thành ra không hẹn mà nên, mấy người trong ban biên tập Tỉnh Thương lại đụng độ nhau ở đây. Công việc nhà thương đối với chúng tôi khá bận vì cách bốn ngày chúng tôi lại phải trực một ngày. Tuy vậy vì ăn ở luôn trong bệnh viện nên chúng tôi đỡ mất thì giờ đi về và có dịp gặp nhau luôn.

Tôi vốn đã không viết gì từ bao nhiêu số Tỉnh Thương liên tiếp ; tuy tên tôi vẫn luôn luôn kèm theo mục «thế giới chúng tôi».

Tôi thường tâm sự với Mộng Lâm là muốn mai danh ẩn tích trên giang hồ một ít lâu. Lâm cũng đồng ý với tôi và anh cũng có ý muốn tuyệt tích giang hồ một thời gian vì anh cảm thấy viết nhiều « đã chẳng ăn cái giải gì mà lại còn mang tiếng thêm nữa ». Giọng văn chanh chua của mình chỉ làm nhiều người thân ghét. Tuy nói vậy nhưng Lâm vẫn phải viết đều vì mỗi số đòi hỏi đến ba bốn chuyện ngắn nên trưởng ban phải lo cho đủ. Hơn nữa các « fans » của Lâm cũng nhiều lắm khiến Lâm khó mà gác bút được.

Với tôi thì dễ dàng hơn. Các bạn Y Sinh Vũ Nghiêm, Quốc Xuân đã liên tiếp viết thay tôi. Đến số này thì tôi không thể « né » được nữa.

Một buổi chiều đẹp trời, chủ nhiệm đã gặp

các trưởng ban tại phòng anh để bàn định về bài vở cho số kỷ niệm đệ nhị chu niên của nguyệt san. Dĩ nhiên là tôi phải có mặt. Và tôi đã bị các anh em trong tòa soạn hùa nhau « đốt » tôi tới hơi là. Rã rời cánh hoa. Tôi chỉ biết cười xòa xin ! Nhưng Châu và Vinh đảo dễ lắm. Các bạn đó khó chịu cho tôi xin lỗi xuống mà bắt tôi phải tái x giang hồ trong số tới. Như sợ tôi sẽ thoái th nữa, Trang Châu đã vội hứa hẹn với tôi « sẽ một châu Olympia » khi số 24 phát hành. Tôi c từ chối vào đầu được ? Không phải là ham ch Olympia của Châu (thành thật mà nói thì cũng l ham một chút thôi), nhưng đứng ra tôi cảm th khó mà từ chối nữa. Nhưng viết gì bây giờ ? đã đặt câu hỏi đó và các bạn tôi đã cùng trả l « thì viết về cái đảng Đò Thành này đi » ! Và tôi xin viết về thế giới chúng tôi thu hẹp tr phạm vi bệnh viện Đò Thành này.

Kể ra thì cái đảng « Đò thành » này phức lắm. Có rất nhiều thành phần : bay bướm chơi có, e dè rút rút có, chân chỉ hạt bột trong đó có một vài người rất « chi », vừa làm vừa viết văn, vừa học, vừa có bằng « nhầy dù ». Nhưng thôi tôi chẳng dám nói nhiều khéo lại tiếng là khen mèo dài đuôi. Vì có nhiều thành như thế nên tôi chợt có ý tưởng ngộ nghĩnh thử tìm hiểu và giới thiệu các môn phái đó.

Người đầu tiên mà tôi tìm hiểu là một chàng có vẻ thật thà chăm chỉ nhất. Anh rủ đến độ mấy cô y tá làm ở phòng mổ thường là « ông thầy ấy nhỏ nhẹ e dè như con gái ». Kể ra anh cũng rất thật, nhưng mấy cô Lý vì ở phòng mổ cũng chẳng hiền gì lắm. Do đó mà thường hay đỏ mặt và ú ớ mỗi lần bị mấy cô đùa. Chàng « con gái » này rất thích sang phòng để tâm sự vật và để đọc báo. Anh ta rất s chuyện kiếm hiệp « nhất dương chỉ » của Kim đang đăng trên các nhật báo. Nhân vật trong truyện mà anh ta thích nhất là Đoàn Dự. Được hỏi anh cười và giải thích tại Đoàn Dự là mẫu

thình thưng —

Mê con gái đến độ coi người yêu như thần thánh. Anh bảo anh cũng vậy. Thì ra, tuy e dè rút lui, nhưng anh cũng đã ấp ủ hình ảnh một người con gái mà anh tôn thờ như Đoàn Dự tôn thờ Vương ngọc Yến vậy. Nhưng mối tình của anh là một «secret love». Vương cô nương của anh là một người con gái «nhà cao cửa rộng, kín cổng cao tường» nên nàng có vẻ lạnh lùng lắm. Anh biết si mê nàng từ lâu, nhưng nàng lại chẳng biết đến anh. Anh tâm sự là chiều nào anh cũng lượn qua nhà nàng để nhìn nàng ngồi trên balcon ngọc bài. Dầu nàng không nhìn anh, nhưng có như vậy khi về anh mới thấy thoải mái. Hôm nào phải về bệnh viện không đi qua nhà nàng được, hôm ấy anh sẽ cảm thấy ngày dài lê thê, đúng như câu tục ngữ thường nói «bất nhật bất kiến như tam thu». Tôi thường hỏi anh sao không vào thẳng nhà nàng chơi, anh than ầm lên là «hỏa lực phòng không mạnh quá!». «Hỏa lực» mà anh muốn ám chỉ đây là ông già nàng. Anh tâm sự là trông ông già lắm lì và oai quá nên anh không dám đến nhà; ông cụ dám đuổi lắm! Tôi thường khuyến khích anh là «Việc gì mà sợ, F6 mà sợ hỏa lực phòng không à?» Ở đây tôi xin phép mở một dấu ngoặc nói về những tiếng lóng thông dụng trong giới chúng tôi. F6 mà tôi nói đó để chỉ một sinh viên năm thứ 6. Năm thứ nhất chúng tôi gọi là F1, năm thứ 5 gọi là F5. Khi mà một người nào đó đến thăm một người bạn gái chúng tôi sẽ dùng danh từ «đi bay». Khi được khuyến khích, anh chàng rút rút kia đã cười lớn và than thở với tôi «mày đừng tưởng F6 bay nhanh và mạnh đâu nhé! Hỏa lực phòng không nhà nàng thuộc loại mạnh lắm. Minh mà y thấp dám bị hạ lắm».

— Đại khái vì những ngại với ngần đó nên bây giờ anh ta vẫn chưa quen được với Vương cô nương. Có một chi tiết khá ngộ là vì cứ y lảng vảng ở trước nhà nàng mà có một lần bị cảnh binh gác tư dinh một mỹ kiều ở gần nhà nàng gọi lại hỏi giấy vì nghi anh ta có ý định phá hoại. Tuy chưa quen được với nàng, nhưng anh lại rất tự tin. Anh chẳng bao giờ có mặc cảm trước những «admirateurs» của nàng. Có một hôm tôi hỏi anh ta «mày không sợ phi cơ địch lên hênh chiếu sao?» Anh cười đáp: «Tao không sợ phi cơ địch. Hoặc nếu có thì chỉ là những loại rẻ rúng, không mạnh bằng F6 đâu». Tôi không bắt anh, nhưng tôi nghĩ là anh ta quá chủ quan. Tự tin như vậy, nhưng khi gặp mặt nàng anh không dám nói một lời, dù là hỏi thăm. Đã có lần anh được một người giới thiệu với nàng ở trường học, nhưng rồi anh ấp úng thế nào để có thể bỏ đi mất. Khi về phòng, anh cứ thở vắn than dài là khổ. Và cứ mỗi lần như vậy là anh lại nhắc nguyên văn câu than của Đoàn Dự trong truyện

nhất dương chỉ: «Ôi, nàng không biết đến ta! Nàng không biết đến ta!»

oOo

Tôi vừa viết về anh chàng thổ thổ, bây giờ tôi xin giới thiệu đến một môn phái khác. Môn phái này gồm những anh chàng chẳng nhát mà cũng chẳng bạo; nhưng lại ít may mắn trong tình cảm.

Môn phái này không coi con gái như thần tượng, và cũng không tôn thờ Vương cô nương như môn phái anh chàng mà tôi vừa nói đến. Những chàng phi công của môn phái này cũng chịu khó bay lắm. Họ không sợ hỏa lực phòng không, nhưng lại dụng nhiều phi cơ địch ghènh chiến. Đại diện cho môn phái này phải kể đến Linh. Linh có quen với một Vương cô nương. Nhà nàng thì lại chẳng kín cổng cao tường gì nên có rất nhiều bạn trai tới thăm. Linh cũng chỉ là một. Anh tâm sự là mỗi lần đến chơi với nàng, thế nào cũng đụng độ với một hai phi cơ địch, mà toàn là loại «dư» cả. Tay nào non tay lá là bị hạ ngay. Thế rồi, vì hốt hoảng trước những cảnh đó, nên có một lần Linh quyết định sẽ bay thật thấp. Và anh đã tỏ tình với nàng. Kết quả của cuộc bay thấp xuống đó là phi cơ anh đã gần bị nổ. Nàng không từ chối mà cũng không chấp thuận tình anh. Nàng chỉ hứa hẹn là «còn quá sớm, tương lai em chưa hiểu thế nào, nhưng bây giờ thì em vẫn coi anh như anh trai vậy.» Câu trả lời đó đã làm Linh thất vọng tuy anh vẫn còn một chút hy vọng mong manh. Anh vẫn đến thăm nàng đều đều để nhìn nàng khơi khơi nói cười với những người bạn trai khác. Nàng vẫn còn «libre». Và cứ mỗi lần đến thăm nàng về, tôi lại thấy anh buồn hơn lúc đi. Thỉnh thoảng, các bạn gọi mỗi sáu của anh thì anh chỉ cười: «Ôi, nàng không để ý đến ta! biết làm sao được?». Phải, biết làm sao được khi nàng quen anh, biết anh, nhưng nàng chưa chọn lựa anh.

oOo

Môn phái thứ ba mà tôi muốn nói đến lẽ là môn phái «hùng» nhất; và chiếm đa số các đảng viên của cái đảng đó thành. Môn phái này gồm những phi công bay rất «bạo». Họ quan niệm là làm quen với các vương cô nương dễ như lấy đồ trong túi vậy. Và mỗi người trong môn phái «quen thân» với ít ra cũng vài ba Vương cô nương. Đại diện cho môn phái này là bác sĩ Bá một tay giải phẫu trẻ trung và bay bướm. Bá học ở bên Pháp về, anh đã từng có cái dĩ vãng «dây lưng» trong những năm học tập ở bên Pha-lang-sa, cho đến bây giờ, anh vẫn giữ tác phong rất trẻ: đi mô-tô huy bay và huyết sáo miệng cả ngày. Những lúc anh vào phòng mổ là mọi người sẽ không tránh được cười vì những câu chuyện vui của anh. Các cô là cứ cười tít lên mỗi lần anh khôi hài. Anh vẫn thường tỏ ra luyến tiếc

cuộc sống nội trú của anh hồi còn ở bên Pháp. Nếu các bạn đã xem phim «des internes» chắc cũng hình dung ra được phần nào nếp sống dĩ vãng của anh. Sau đó, là mấy anh chàng nữa mà tôi chẳng nói tên nhưng chắc các bạn cũng đoán ra. Những chàng này quen toàn với người đẹp cỡ hoa hậu và á hậu chứ chẳng vừa. Điều đó cũng chẳng lạ vì những chàng trai này đa số đều đa tài, đa nghệ cả. Ấn chơi giỏi đấu hót giỏi mà học cũng chẳng kém ai. Họ có thể vừa đi nhây ở Olympia về vào nửa đêm đó, nhưng nếu nhà thương có việc gì cần, họ cũng không ngần ngại mà bắt tay vào việc ngay. Cứ nhìn bề ngoài thì môn phái này có vẻ sung sướng và thành công hơn nhất. Tuy vậy, các bạn cũng đừng tưởng là họ không có những phiền não đâu nhé.

Có một anh chàng rất « beau » vì quen nhiều có quá cũng khổ. Gặp cô nào anh cũng buông lời bay bướm. Thế rồi không hiểu nhầm lẫn giữa «đời» và «đạo» thế nào, cô nào cũng tưởng là anh ta yêu mình. Một buổi chiều mà có tới bốn, năm cô đến tìm. Cũng may là anh ta đi vắng chứ ở nhà không hiểu anh sẽ giải quyết ra sao. Khi về nghe tin như vậy, anh hoảng quá và đã phải dẫn các bạn là lần sau, cô nào đến tìm thì nói dối họ là anh đã đổi đi nơi khác rồi. Đi chơi với cô này thì sợ cô khác bắt gặp nên lúc nào cũng nơm nớp.

Anh đã tâm sự là có một cô anh đã cố «nê» mà không hiểu sao, anh đòi tới đầu cò ta cũng biết và tới thăm anh. Anh thường thở than với c bạn : « Moa hoảng quá, mình sắp làm fiancaille rồi mà em cứ đeo mình hoài. Fiancée của moa mà biết thì hốc hác. Thật là khổ ghê đi. « Và anh ta còn khôi hài. Ôi, nàng cứ để ý đến ta ».

oOo

Bây giờ hẳn các bạn đã thấy qua bộ mặt của mấy môn phái chính trong cái túi áo trắng ở Đò Thành rồi. Tôi chỉ dám nói sơ sơ cho vui vầy thôi, chứ nếp sống thực thì tôi chẳng dám kể nhiều về chi tiết, lại mang tiếng là « vạch áo cho người xem lưng »

Ba môn phái, người nào cũng than khổ. Nhiều lúc tôi vẫn thắc mắc giữa ba hạng : « Ôi ! nàng không bao giờ biết đến ta ? » « Ôi, nàng không ý đến ta ! » và « Ôi, nàng cứ để ý đến ta ! » thì ai là người khổ sở và buồn hơn hết. Tôi nghĩ rằng kết luận hợp lý nhất sẽ là kết luận :

« TA BUỒN NHƯ NHAU ».

Bệnh viện Sài Gòn

Tháng 11-65

ĐỖ TRẦN

Đại Học Nhật Bản TỪ MÔ PHÒNG ĐẾN SÁNG TẠO

(tiếp theo trang 22)

hội họp để thảo luận và tường trình công việc nghiên cứu mà đặt trọng tâm vào động cơ đề thúc đẩy công cuộc nghiên cứu. Cùng quá trình nghiên cứu, những tư tưởng mới mẻ được phát sinh, tách dần những thành kiến và chờ đón thành quả là đặc điểm của công việc nghiên cứu Lý học. Người ta nói rằng lý thuyết trung hòa tử của Giáo sư Yukawa Hideki được khai sinh cũng là nhờ hoàn cảnh thích hợp này.

Hơn nữa, việc nghiên cứu Lý học không bị ngăn cản bởi căn rễ học phiệt đã đóng gốc trong nền Đại học Nhật - Bản. Đề tạo điều kiện cho những phát minh thì phải lấy công việc nghiên cứu Lý học làm trọng ; nhưng chủ lưu này đã không chi phối được chính sách của Đại học Nhật Bản.

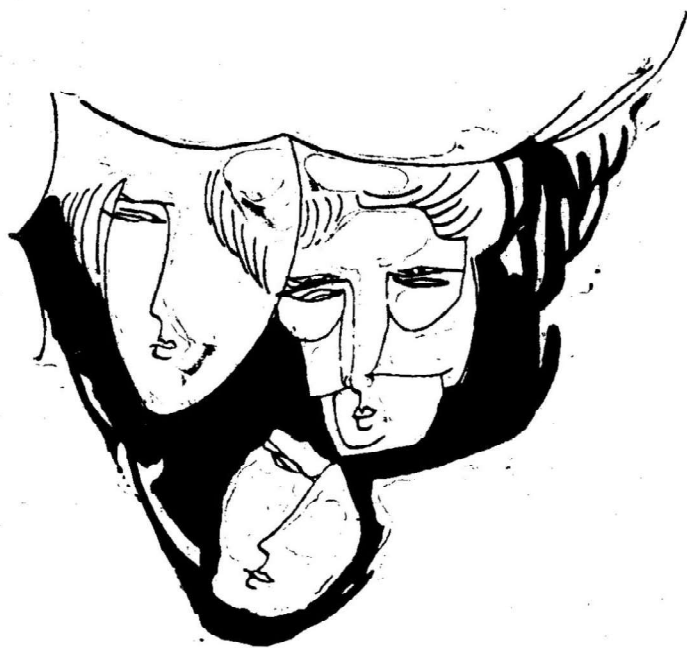
Tình hình sau thế chiến thứ hai thì ra sao ? Từ năm 1950 trở đi, những lỗ hổng gây nên bởi chiến tranh được lấp dần ; kinh điển vi điện tử, Parametron, Vinylon, máy diesel NEC v.v... làm thế giới phải chú ý mãnh liệt tới Nhật. Thế rồi lần lượt trung tâm nghiên cứu hạch nguyên tử, trung tâm nghiên cứu vật tính, trung tâm nghiên cứu Plasm

Nagoya, v.v... được thiết lập nhưng tổ chức Đại học Nhật Bản thì chưa thể nói đã đi từ mô phỏng sang sáng tạo. Cho đến bây giờ ngay cả Đại học viện của những Đại học quốc lập vẫn chưa có những cơ quan độc lập với 4 năm ở dưới. Trung tâm nghiên cứu không lệ thuộc vào Đại học cũng rất ít. Văn chế độ thảo luận cũ rích, trong nội bộ của Đại học vẫn chưa tạo được điều kiện để cạnh tranh một cách công bình tự do.

Chưa hết, tiếng chuông kêu gọi chấn hưng khoa học kỹ thuật tuy to nhưng về nội dung tài chính thì đó chỉ là tiếng chuông vang lên giữa khoảng không không hơn không kém. Chính phủ chỉ dặt thò vào túi 25% phí tổn toàn diện cho việc nghiên cứu khoa học còn hầu hết phải ý lại vào các xí nghiệp cho nên những nghiên cứu căn bản không được thực hiện hoàn hảo. Trong khi đó, tại các quốc gia có kỹ nghệ chính như Mỹ chính phủ phụ đảm vào khoảng 65%, Anh 67%, Tây Đức 55% (thống kê 1962). Điều chúng ta phải nhớ rõ là tại một nước mà những nghiên cứu có tính cách sáng tạo đang còn yếu như Nhật mà nền Đại học về tổ chức cũng như tài chính vẫn chưa có thể những điều kiện tối thiểu để đi đến sáng tạo.

MICHIO NAGAI

(Hải Vân — Hội Báo)



ĐÊM MẮT LƯỚI

NGÔ THÈ VINH

Đêm thu về những khoảng tối. Buổi mai lạnh ngoài bên khung cửa. Những hạt sương mỏng man trên lớp da khô mỗi. Thở tỉnh dậy, miệng nhạt đắng. Hồn thêm khát những ngum khói. Bao thuốc trông trơn, Thở vò nát trong tay ném mạnh xuống. Năm giấy dính cứng trên khay sơn còn ướt. Màu sắc hỗn loạn như một đồng bản. Chân nắn, lạnh nhạt. Hồn nằm xoài mình trở lại.

Dải màn cửa trắng nõn—như cánh tay con gái—vắt qua cành hoa đỏ thắm. Thở nằm yên, đôi mắt xa lạ với bức tranh. Bỏ cục ngang. Hồn vẫn thích loại tranh có bố cục ngang như thế. Mỗi mệ, bắt mẩn, cảm cúi làm việc giữa những tiếng động cơ sè tai, giữa tiếng ray rút âm-oàng, Thở cố giữ bình thần để có thể đứng lâu trước giá vẽ. Một đêm vật vã, chỉ để lại những tảng màu thế kia sao. Bức tranh thật rậm mắt. Những khoảng trống bị lấp đầy, mắt đi chiều sâu. Cả màu sắc cũng thế nữa. Hồn từ bỏ những màu quý óng chuốt, để chỉ dùng màu và màu vàng bản của đất.

Thở có thói quen vẽ tranh lớn, ưa tạo những khoảng trống thoải mái. Và chưa lần nào hẳn cảm thấy bối rối, bất lực trước khung vải như hiện giờ. Thở muốn trở dậy. Một sức mạnh từ ngực đè sâu hẳn xuống chiếu. Hồn vuôn tay làm một cử chỉ bôi xóa. Bàn tay lạnh, những ngón gầy khô co quắp. Hồn nghĩ tới cuộc sống lẫn lút của những ngày còn

lại, giữa những thương mến lẫn khinh bỉ, cảm giác bỗng nhiên thật cay đắng.

Chúng tôi chỉ được tới khi chiến trường đã thu dọn. Qua mấy phút « briefing » của viên sĩ quan chỉ huy, chúng tôi được lên trực thăng tới quan sát trận địa. Nhờ cuốn sổ tay ghi chú, không bỏ sót một chi tiết. Lại vẫn những con số súng ống-tịch thu, những xác chết được bày ra như chiến lợi phẩm. Ngay dưới chân Thở, xác một Việt Cộng chết lạnh lặn—thật hiếm—bên mình còn đeo theo nắm bắp rang chưa kịp nhai nốt.

— Mà Thở ném cọ sang nghiệp báo hồi nào ?

Đạm nhận ra Thở trước. Hồn kéo Thở ra xa đám đông :

— Đây toàn tội chính qui. Chốc nữa tôi đưa cậu về quân y viện ; có bất ngờ dành cho nhà báo họa sĩ ở đó...

Đa Đạm đen cháy, râu cứng mọc lồm chồm. Mới ra y sĩ trông hẳn già đi nhiều năm. Lối nói cũng thay đổi ; ngôn ngữ thô và thẳng tuột. Ở hẳn toát ra một vẻ gì thu hút.

Gã thiếu niên mười tám tuổi, mặt mặt nhiều máu còn xanh xao. Ánh mắt chưa hết vẻ kinh ngạc ngơ ngác.

— Em mới ngoài Bắc vào. Đi xuyên rừng cả tháng qua đường Lào, cũng không biết được tới đâu. Bữa qua, được lệnh vào tiếp thu Pleiku — vừa được giải phóng — Mới tới men rừng, tụi em bị Biệt động quân phục kích tàn sát, thất lạc gần hết. Riêng em bị đạn vô bụng còn sót lại, bị bắt vào đây.

Thứ nghĩ tới hình ảnh đứa bé bảy tuổi ở vào mười năm trước và hiện tại nó hôm nay.

— Quê em ở Hưng Yên, vào bộ đội mới hai năm. Em tưởng đâu trong này chỉ có đế quốc Mỹ ; khi vào đây em gặp toàn người mình không à. Bảo tiếp thu gì mà đánh dữ quá, em khổ còn biết xoay sao nữa.

Nỗi hoảng kinh khiến mắt nó tối sầm. Nó ngã xuống và còn sống sót để biết mình bị lừa dối. Các bạn nó thì gục ngã luôn, ôm theo nỗi bàng hoàng của cái chết không biết tại sao. Ai cũng tin cuồng nhiệt vào những điều không hay biết gì của mình.

Những vòng hoa xếp dài. Người đàn ông chăm chú gài những bông sen trên vòng hoa có đốm rắng. Trời ngợp nắng, oi bức. Mây ướt đầm nước mưa. Bên kia những thùng sắt trắng, người quân cảnh Mỹ ấn bóng súng ngang hông, chăm chăm ngó gác.

Trời đổ mưa rào rạt trên đường nhựa từ cuối phố. Đoàn xe quẹo vội nơi bùng binh chạy về phía thị sảnh. Điệu nhạc hành quân từ chiếc loa phóng thanh vang vang : « Lễ ra mắt 200 thanh niên tình nguyện nhập ngũ ». Những khẩu hiệu trắng đỏ lóe loẹt ; trên xe ngồn ngang những thanh niên và cả gia quyến. « Những chàng trai anh dũng », tiếng hát vẫn khàn đục, kéo dài. Dưới hiên trú mưa, đứa bé gái thức tay khiêu khích mấy gã lính Mỹ.

Tri tưởng của con người vốn gầy guộc, ngay như đó là của nghệ sĩ. Sáng tạo không thể có từ một khoảng trống không. Khởi từ cuộc sống, từ thiên nhiên người nghệ sĩ sáng tác. Thiên nhiên không toàn hảo cũng như vẻ đẹp người con gái dưới mắt họa sĩ. Giữa hai nét sai hẳn tìm được một nét đúng, đó chính là nghệ thuật, là khuôn mặt hào nháng của tình yêu mà tài năng được lộ vẻ lên đó.

Một tiếng nói tan vào nước mưa :

— Thời đại này phải là khung cảnh của những tác phẩm lớn. Chỉ thiếu tâm hồn thực sự lớn để nói lên những cái đó. Nghệ sĩ không thể chỉ là nhân chứng mà hẳn phải có tâm thức của một tiên tri.

— Tôi đang nghĩ tới nỗi bất lực của hội họa, tôi bỏ vẽ cũng vì vậy. Viết mà không xong, tôi quay

sang đi buồn. Phải sống thực đời mình để khỏi bao giờ phải tra hỏi.

Tôi nghĩ hẳn nhân danh cái gì để chống đối mình, dả kích hàng ngũ mình như thế. Chống đối lên đến tận cùng có giải quyết được gì chăng. Chống đối cũng là một hành động xây dựng. Tôi bắt đầu nghi ngờ ngôn ngữ trên. Hình như thẩm trang Việt Nam không thể giải quyết bằng lý luận đó. Cả lý luận trên bàn hội nghị. Nhân danh lương tâm thế giới, tám nhân vật được giải thưởng Nobel đòi hòa bình ở Việt Nam. Giả thử họ đòi được hòa bình, những sự kiện gì sẽ xảy ra. Ngưng bắn dân Việt có sung sướng hơn không hay để rồi lại tiếp tục đấu tranh dưới nhiều hình thức đã man khác. Để rồi lại vẫn lý luận, vẫn kêu đòi và ép buộc. Hẳn cũng vậy thôi. Hẳn phải nhận cuộc chiến hiện tại, hẳn thấy cuộc kháng chiến 45 là đẹp thần thánh. Phải nhận hay không, cuộc chiến vẫn tồn tại. Đẹp hay không kháng chiến vẫn nguyên bản chất. Hẳn kêu gào hòa bình. Tôi không đồng ý lập trường của hẳn. Lý trí và sự luận bảo tôi như vậy. Nếu như hẳn có thể tích cực hơn. Tích cực không phải để phải nhận hay phẩm bình cuộc chiến. Nói nhỏ hay la hét cũng vậy thôi. Không phải bằng cách đó mà có thể chấm dứt nội chiến. Hẳn chán ghét chiến tranh, tôi cũng vậy. Mọi người đang ở vào một thế kẹt. Tìm một ngõ thoát không phải cách làm nản lòng những người khác.

oOo

Tôi nhớ hôm gặp Thứ ở Pleiku, thế mà đã hơn ba tháng. Chưa có một chữ.

Tôi mới đổi về Quảng Trị. Ngay đêm đã phải hành quân trực thăng vận lên Ba Lòng. Vậy mà không thấy tướng nào bảo mình có số vất vả.

Đêm nay đóng quân trên đồi, trong rai không khí lạnh của rừng núi, ngồi trong lều mình đã nghĩ nhiều đến bạn hữu, đến tương. Tự nhiên thấy xao xuyến.

Hành quân đã năm hôm, không một đọng độ nào. Ban ngày nóng bức như thiêu đốt. Tối đến luôn luôn sợ pháo kích, cùng những lo âu hồi hộp lúc di chuyển. Bây giờ không còn gì nữa, tan tành những mơ mộng tuổi nhỏ. Ra khỏi lều, nhìn lên trời, trời tối nay đầy sao. Một vài vì sao di chuyển đều đều. Không, những vẻ tinh đó. Tuổi thơ sau này có lẽ sẽ không còn cây đa với trăng cuối, nghĩ mà thương cho tương lai chúng nó.

Đã lâu, ít có dịp về Saigon để thấy cái chói lòa của thành phố. Đêm nay, lại vẫn mấy vì sao run run. Mình nhớ về những thế giới quen thuộc mà xa lạ ; trong đó có những con người đang sống yên, trên những cái chết cũng thật yên ổn.

Tôi tự hỏi, chiến tranh thù hận hiện giờ có nghĩa lý gì trong ba chục năm sau, hay đó chỉ là cơ hội để mỗi nhân tính tiến xa tới mức cùng cực của nó. Cái xứ sở mình thật tội. Hôm phải chứng kiến đám người tị nạn từ Ba Lòng về, mình đã ứa nước mắt. Ở tuổi hai mươi sáu, đã từng nhúng tay giết người, đốt nhà, vậy mà mình cũng có thể khóc. Màu thuẫn không thể hiểu được. Tất cả những gì cùng cực nhất đều qui tụ ở đó. Tất cả đều bệnh hoạn, rách rưới. Vậy mà họ vẫn thân nhiên và sống.

Dân tị nạn kéo về ngày một đông vì không chịu nổi pháo kích, bom Mỹ và đói khổ. Cả binh sĩ Việt Cộng cũng buông súng trở về. Mỗi ngày tụi nó chỉ được phát hai lon bắp rang để nhai cả ngày. Không làm gì có cơm ở đây. Một Việt Cộng ốm đau tới gặp mình, móc trong túi ra một « nạm tai » mà nó đã xẻo ở xác đồng bạn sau khi hạ sát để tẩu thoát và lập công qui chánh. Bí thảm và cùng quẫn.

Lại báo động. Thôi dừng ở đây. Có gì ăm cùng kể cho nghe với. Tình cảm lúc này thật dần bà, tự

nhiên thỷa nhờ Saigon ghé gớm, nghen ngào mấy hôm nay.

Lúc này thì tôi chán vẽ, chán viết. Tôi cũng không còn mấy tha thiết với nghề báo, và lại có muốn viết bây giờ cũng chẳng nói được gì. Tôi chưa có một dự định nào cho tương lai ngoài chuyện bỏ đi buồn. Buồn than, có lẽ vậy. Tôi không hiểu sao lại đi chọn thứ đó. Còn Đạm, nhằn nại lẫn lộn giữa cuộc chiến, nó vẫn còn những giây phút để nghĩ tới vệ tinh, cây da và chú cò của tuổi nhỏ. Có lẽ nó vẫn là đứa sung sướng.

Từ trên cao màu vàng khỏa xuống vách. Mảng gương chiếu hắt trở lại một khung sáng ảm. Phía chiếc dương cầm, tượng Beeth vẫn gục xuống dầm chiêu. Yên tĩnh như ngưng đọng trên vàng trăn. Nhìn thân thể mình trong gương, nổi ham muốn trở dậy. Mỗi thớ thịt đều tê mủi, tâm hồn cũng tê mủi, tôi không còn muốn làm thêm một cử động nào nữa.

NGÔ THẾ VINH

BỨC TƯỜNG NGANG MẮT

Có bao giờ người đã cảm thấy bức tường trước mắt cứ cao dần, cao dần ? Từng viên gạch được đặt lên. Mỗi viên gạch tượng trưng cho một vấp ngã. Mỗi viên gạch là một điều tính toán .. Những viên gạch vẫn bề bề đều nhau, cứ không trát, không chà bùi xoa, chúng vẫn cứng chặt dựng sừng sững trước mặt mình.

● NGUYỄN-VINH-ĐỨC

(Ngọn nước nguyên thủy)

Tôi nghĩ đến bài thơ của Baudelaire : « Alchimie de la douleur ».

« Par toi je change l'or en fer
Et le paradis en enfer ;
Dans le suaire des nuages
Je découvre un cadavre cher,
Et sur les célestes rivages
Je bâtis de grands sarcophages. »

Sở dĩ tôi nhớ những câu thơ cuối này bởi đau khổ đã thay đổi tất cả có khả năng như chiếc dù: thân, cái gậy phù thủy hay những nhà ảo thuật.

Con người từ ngàn xưa không biết đau và khổ. Quả táo của ông A-dông và bà Èva, ý nghĩ niết bàn biểu hiện sự đi tìm niềm đau khổ. Nếu ai hỏi tội nghiệt tác của nhân loại là gì, tôi sẽ không ngần ngại trả lời cùng R. LERICHE là thuốc ASPIRINE. Nhưng con người càng tiến về văn minh cơ giới bao nhiêu càng thấy mức độ chịu đựng sự đau khổ càng xuống thấp bấy nhiêu. Càng sống rảnh rang, nhàn cư bậc nhiều càng bất lực trước khổ thống bấy nhiêu. Có thể nói đó là một giá cả hoa hồng mà người phải trả một khi đạt tới trình độ văn minh cơ giới tốt bậc. Một di sản chất chiu như một thừa đất hương hỏa.

Đau và khổ nay đã đi sâu vào thói quen thường ngày cùng cuộc sống dư dật. Đau và khổ đã trở thành những thần tượng tà ma như Hà Bá ở sông, Thổ Thần ở đất... Con người sợ chúng và một khi đã cảm thấy sự hiện diện hay sự vấp vấp của chúng con người « mới » đã vội lấy những « miếng bùa » hay « nước tắn nhang » của thời đại mới, đó là những viên thuốc hồng, thuốc xanh gọi là thuốc chỉ thống (analésique) đem lại sự dịu vơi đau khổ...

Tôi còn đi xa hơn nữa trong ý nghĩ. Tôi muốn so sánh niềm đau nỗi khổ và phản ứng của hai người bệnh gặp ngày hôm nay : một bác thợ mộc và một giáo sư y khoa. Sự so sánh này chắc chắn không hoàn toàn có đầy đủ giá trị. Nhưng cũng là một hiện sinh của ý nghĩ và kinh nghiệm sống. Một người luôn luôn quên vơi đau và khổ của những người bệnh và có đầy đủ thâm quyền cùng khả năng đem lại sự thư thái và dịu xoa của những người bệnh ấy. Một người suốt ngày làm lung lay chân tay, sống bình dị và có thể đã ngấm ngấm khổ đau. Phản ứng của hai người khác hẳn. Làm li và bình thần. Hốt hoảng và rên la. Biết làm sao để độ được lòng người ?

Trạng thái kinh ngất và gần như thuy-mê thera vào đó sự hiểu biết tường tận về Y-học của ông đã nói lên hùng hồn ý nghĩa nỗi đau đớn. Hiên nhiên ông hiểu hơn ai hết bệnh tình ông nguy cấp, Tôi nói bằng tiếng pháp với ông để biểu tỏ rõ ràng hơn, thứ nhất tôi không muốn các nhân viên bệnh viện hiểu lầm phản ứng hoảng hốt tự nhiên của giáo sư và thứ nhì ông hay nói tiếng pháp. Tôi lại đem những lời của chính ông đã giảng dạy chúng tôi đề « an ủi » và trấn thần người bệnh đặc kỳ này.

Hai giáo sư Trần và Đặng đã đến. Công việc của tôi cũng gần hết. Tôi trình bày bệnh trạng và những điều đã săn sóc cho giáo sư. Trong chiếc phòng gần máy điều hòa không khí này chỉ có tiếng rên la của giáo sư Bùi. Hai giáo sư Trần và Đặng rõ ràng cũng đã hiểu sự hoảng hốt của Giáo sư Bùi...

Kích ngất gần như tan tóa rồi nhưng bệnh nhân cũng hoảng hốt rên la cầu khẩn như hồi mới đến tuy bớt đi nhiều. Cửa phòng mở đã mở rộng. Xe lăn ca có gắn một chiếc gậy sắt treo lủng lẳng một chai máu và một chai nước biển. Tiếng rên la của bệnh nhân lớn hơn. Giáo sư Trần và Đặng đang rửa tay và hàn vờ nhau về bệnh trạng của Giáo sư Bùi. Tôi phải sang phòng bên để khâu vết thương trên má của cậu quý tử của Giáo sư Bùi. Thăng bé hụ bầm, khỏe như trâu luôn luôn vùng vẫy và khóc rống. Vết thương khá sâu nhưng không đụng tới xương. Sau khi buộc chân tay để nó không vùng vẫy được tôi bắt đầu chích thuốc tê. Nó kêu oai oai gọi ba má. Tôi nói chuyện với nó hẹn cho nó ăn kẹo, cho tiểu... cực cứng cổ khác. Nghe đến tiền chú bé nín một lúc, nhưng lại khóc ỉ ỉ. Tôi tự bảo phải hết sức cẩn thận mới được. Cậu bé này lớn lên vết sẹo trên má sẽ khổ lắm nhiều lắm. Bởi vậy cần phải khâu những mũi nhỏ và sát để làm sao vết sẹo không thấy hay ít ra lờ mờ thôi. Nếu không suốt đời nó oán cái ông « trò của ba » nó đã tạo một vết sẹo thiếu thẩm mỹ để cậu ta bị « complexe » với các cô. Mỗi mũi khâu, phải đồ ngon đồ ngọt và đem trở hết sức bình sinh của tôi ra... Nhưng sau đó vết thương đã khép kín và mấy mũi tơ (soie) thật mỏng trông cũng ửng ửng y lắm.

Tôi sang phòng mổ Giáo sư Bùi. Hai thầy tôi đang quần những miếng băng tẩm thạch cao để bó những chỗ gãy. Tôi vẫn tự hỏi mãi về phản ứng của Giáo sư Bùi trước sự đau đớn vật chất

Giáo sư Trần bắt đầu quán những miếng băng làm thạch cao nhúng vào nước rồi bó chỗ xương gãy mở toang ở chân Giáo sư Bùi. Công việc ông sắp xong. Ông dặn tôi nếu Giáo sư Bùi còn rên la thì cho ông thêm một ống *Phénergan* hay *gardénal* nữa. Nhớ cho truyền thêm chai nước muối và nước ngọt nữa từ giờ đến sáng mai.

... Chiếc mặc nạ đánh thuốc mê vừa cởi ra, Giáo sư Bùi đã lại rên la. Hai giáo sư Trần và Đặng đã cời găng và bước ra phòng mổ. Chỉ còn tôi và mấy cô y tá cùng Giáo sư Bùi rên rĩ trên bàn mổ. Ông cứ luôn mồm đòi cời miếng thạch cao đã cứng bao quanh chỗ chân bị gãy. Ông nói cứ cời ra để ngày mai làm lại vì... đau nhức quá. Hơn ai hết, ông đã hiểu rằng những miếng băng thạch cao quấn bó quanh này là thân hộ mệnh để chỗ xương gãy lành lặn và không bị nhiễm trùng. Nhưng Giáo sư Bùi chỉ là một bệnh nhân... như những bệnh nhân khác...

Tôi bước ra phòng mổ. Mấy chai nước ngọt còn để trên bàn. Tôi cầm một chai và hút một hơi đã cạn. Rồi lững thững đi hút một điếu *Capstan*, hít những hơi dài như chưa bao giờ được hút. Tôi qua các trại để xem lại một lần nữa tình trạng các bệnh nhân mới vào hồi chiều. Họ đều ngủ yên duy chỉ có ông thợ mộc còn ngồi tựa lưng như có ý định thức suy tưởng hành động đã «đắc đo» của mình. Tôi dặn cô y tá cho ông uống một viên thuốc ngủ. Cô phải dỗ mãi và tôi cũng nhìn ông như khuyên ông thợ mộc «tự-thiền» mới chịu uống.

Tôi có thể xuống phòng gác được rồi. Giấy hành lang vắng lặng vang bước tôi đi. Nhìn đồng hồ đeo tay đã quá nửa đêm. Vừa đặt mình xuống tôi đã thiếp lúc nào không hay.

3 GIỜ ĐÊM

Quả thật buổi gác hôm nay đầy sóng gió. Chính vì vậy ý nghĩ bức tường ngang mắt mới đến với tôi. Tiếng gõ cửa của rên rập.

Mỗi lần gác, nếu có «bệnh» người y công lại gõ vào cửa phòng gác. Xem đồng hồ, đúng ba giờ đêm. Tôi vừa chớp mắt được đúng 45 phút. Hai phút sau tôi đã mở cửa đi ra nghĩ rằng chắc có ông nào lên cơn suyễn hay bị tháo dạ vì ăn cao lâu chệt ở Chợ lớn. Nhưng sự thật khác hẳn. Từng chiếc băng ca cứ lần lượt khiêng đến. Tiếng rên rĩ khóc lóc nổi lên như lệnh vỡ. Cô y tá nói với tôi :

— Thưa ông thầy có tai nạn xe lửa.

Chưa bao giờ tôi gặp cảnh tượng hỗn loạn và «đặc biệt» như lúc này. Phòng khám bệnh đã đầy chật. Hơn hai mươi chiếc băng ca nằm thành hai hàng trong phòng chờ đợi rộng lớn. Tiếng rên la vẫn đều đều. Các bệnh nhân run cầm cập. Các ông y công khiêng băng ca gọi nhau ới ới. Xe cứu thương rú còi liên hồi. Tôi không còn ngái ngủ nữa. Hiên nhiên có thể vì công cuộc cứu chạy như một cuộc hành quân. Tôi là người chỉ huy. Không

hiều lúc đó tôi bình tĩnh và sáng suốt vô cùng. Trong trường hợp này việc khó khăn nhất là việc lựa chọn và cứu chữa những bệnh nhân khẩn cấp nhất.

Tôi bảo hai cô y tá, một cô chích cho mỗi người 1 ống *Phénergan* và 1 ống *Dolosal* còn một cô theo tôi đi lựa chọn. Quay lại mấy người y công tôi bảo đi gọi ngay các y sĩ thường trực và các bạn tôi nội trú ở trên lầu ba, còn một người đi tìm ngay chăn đắp cho họ. Hai ông y công lững theo tôi để khiêng những bệnh nhân khẩn cấp lên lầu một.

Các bệnh nhân hầu hết là những người lao động hoặc buôn bán đang chờ ở ga chính Saigon. Một vài người đã chết : một đứa bé trạc tám tuổi, một ông già râu tóc bạc trắng, một người đàn bà đứng tuổi sọ vỡ óc và máu tung tóc đầy mặt... Họ rên la và cứ gọi bác sĩ luôn mồm. Tôi cho khiêng ngay hai trường hợp bất tỉnh nhân sự bị chấn động não (*traumatisme crânien*) vì có vết thương ở đầu. Tôi ghi ngay truyền một chai dung dịch muối trộn với những thứ thuốc cần thiết.

Lúc bấy giờ các anh y sĩ thường trực và các bạn tôi đã xuống. Cả ông y tá trưởng dáng cao lênh khênh và có mái tóc hoa râm rất điệu nữa.

Có ba trường hợp phải đem lên phòng mổ. Một ông đứng tuổi bị gãy xương mở (*Fracture ouverte*), hai người bàn chân bị rập nát. Người bị gãy xương mở phải rửa và cắt những chỗ thịt xương gãy. Còn hai người kia phải cưa bàn chân đi. Trong khi lựa chọn, tôi thấy nghèn nghẹn ở cổ họng và một luồng khí lạnh như điện cứ luôn chạy từ lưng lên gáy. Tôi để ý đến một bà cụ, 76 tuổi tóc bạc phơ bị gãy tay và chân. Bà cụ run cầm cập, hai hàm răng đập vào nhau và từ cổ họng thoát ra những tiếng rên như bị tắc ứ. Tôi ghi vào phiếu trị liệu : truyền 500 cc dung dịch đường và những thứ thuốc chống kích ngất và trợ tim. Ngoài ra còn phải buộc chặt hai chỗ xương gãy không cho cử động nữa để ngày mai bó lại. Tôi không chắc bà cụ qua khỏi. Ngoài ba ngón tay trái bị rập bà cụ không thể nào chống chọi được với trạng thái kích ngất này. Những vết nhan nhoe chẳng chịt trên khuôn mặt bà cụ thêm vào sự đau đớn đã biến bộ mặt cụ thành một bức họa thương đau và ghê rợn.

Công việc cứu cấp đã tạm xong. Các bệnh nhân đã lần lượt được khiêng đi khâu vết thương, lên phòng mổ hai chuyển đến trại bệnh. Tôi trở lại phòng gác uống với một ly nước lạnh rồi chạy ngay lên phòng mổ phụ các y sĩ giải phẫu trực. Anh Thảo anh Bá và các bạn tôi đang rửa tay, đôi mắt đỏ vẻ còn ngái ngủ, tôi cũng vội cời áo rồi đội mũ, đeo mặt nạ vải đi bottles mổ quần chiếc *tablier* cao xu xong đi rửa tay. Trong hai phòng mổ các cô y tá đang sửa soạn dụng cụ và bệnh nhân.

Đây là lần thứ hai tôi làm một cao thiết đoạn

bàn chân (amputation du pied). Các giai đoạn giải phẫu tôi đã nắm lần. Khi mũi khâu cuối cùng vừa xong, ngẩng lên chiếc đồng hồ treo tường trong phòng mổ tôi thấy đã 8 giờ 15 sáng. Lúc đó tôi mới cảm thấy mệt mỏi. Chân tay rã rời và hơi nhức đầu. Gần như một «đêm không ngủ» và một «đêm dài nhất».

Cởi găng tay, mặt nạ, chiếc áo blouse mổ và đôi bottes vải tôi mở cửa đi xem lại một lần chót các bệnh nhân đã cho nhập viện. Giáo sư Bùi đã thiếp ngủ nhưng thỉnh thoảng theo lời cô y tá vẫn rên rĩ. Ông thợ mộc nhắm nghiền đôi mắt nằm co ro nghiêng về phía tay trái. Người bệnh làm tôi lo nghĩ nhất là bà cụ già 76 tuổi. Bà cụ rên rĩ không ngừng, mặt nhợt nhạt. Tôi dặn cô y tá nhớ trình bày kỹ càng với bác sĩ đi khám *visite* buổi sáng.

Bước xuống phòng gác, gần phòng nhận bệnh và chờ đợi tiếng ông Quang trong máy phóng thanh chỉ dẫn bệnh nhân đến khám bệnh vẫn đều đều. Phòng chờ đợi đã chật ních. Tôi có quyền ngủ. Cầm vội chiếc cặp và chiếc *Transistor* phát thanh tôi lên phòng ở lầu ba sau khi đã ăn ba quả trứng à la coque uống một ly cà phê sữa đầy.

o o o

Em có nhớ không, buổi hẹn chiều đó anh đến chậm và anh đã phải tạ tội bằng cách tả lại thật tỉ mỉ bữa gác sáng gió ngày hôm qua. Báo hôm đó cũng đăng một đầu xe lửa phóng như bay vào nhà ga chính ở Saigon vào hồi 3 giờ sáng. Đôi mắt em luôn luôn mở rộng. Em nhớ chưa? Buổi đó anh còn nói với em là cụ già 76 tuổi đã làm anh cảm xúc nhất. Hôm nay, đúng hai tháng sau anh lại thấy bà cụ khi đi *visite* buổi chiều ở trại dân bà. Anh đã quên bằng bà cụ, một phần vì công việc thường ngày quá bận rộn và một phần cũng vì ngày hôm sau anh đôi sang trại dân ông nên ít có dịp sang trại dân bà. Đời sống y khoa như vậy đó em ạ. Lần khi ta vẫn thường thắc mắc không biết người bệnh mà mình đã hết lòng chữa chạy và đã ra bệnh viện rồi ra sao? Sống hay chết? Khỏi cần nói, em cũng biết, anh mừng như những lúc gặp em sau những ngày bù đầu thi cử vậy. Anh mừng khi thấy bà cụ còn sống. Bà cụ đến nằm vì chỗ xương gầy khó lành. Để hiểu lắm em ạ, bà cụ nghèo lấy đầu thịt cá mà ăn, lấy tiền đầu mà mua thuốc giúp xương gầy chóng lành. Hơn nữa người già cả xương gầy khó lành lắm. Da dẻ cụ khá hồng hào. Chắc bà cụ còn nhớ anh vì đôi mắt cũ sáng hẳn lên và cứ chấp hai tay như vái tạ anh...

Em,

Hồi nhỏ, anh còn nhớ đi hương đạo ngày ngày ghi trong sổ tay những điều thiện và xấu đã làm... Bữa nay anh muốn ghi nhiều, nhiều lắm. Điều thiện thứ nhất là anh đã đưa biếu những mẫu thuốc biếu cần thiết cho bà cụ. Thuốc đó đắt lắm. Bà cụ lại

vái tạ, anh bảo thế nào cũng không chịu bỏ cái «lễ phép» khách sáo xưa người ta thường gọi là làm «tôn thờ» vì anh còn trẻ quá!

Điều thiện thứ hai của anh là đã làm em vui lại và làm lành với anh. Có đúng không?

Anh muốn nói với em nhiều về chức nghiệp y học mà anh đang theo đuổi. Còn bốn tháng nữa anh ra trường rồi em ạ. Trong hoàn cảnh đất nước hiện nay, anh sẽ vào hành nghề trong quân ngũ làm y sĩ trung úy. Anh nói với em nhiều lần, chắc em phải nhớ, cuộc sống anh sẽ rất chật vật. Lương tháng đủ sống nếu độc thân và phải chịu chi nếu lập gia đình. Nghề nào cũng vậy, em nhỉ, phải đổi cuộc sống bằng mồ hôi. Nhất là nghề y sĩ quân y của anh. Không những phải mồ hôi mà còn phải luôn luôn tế nhị, đắn đo cứ phải làm khổ con tim hoài và cũng phải lục đi lục lại lương tâm em ạ. Bốn tháng nữa, anh sẽ ra trường. Luận án anh chưa làm xong cũng vì thích hoạt động «xã hội» công tác nông thôn. Bốn tháng nữa anh sẽ ở một «nẻo đường đất nước» và chắc chắn xa Saigon. Các bạn anh nói đến hiện tượng «ống» «pít-tông» hay «thâm thấu». Pít-tông thì em hiểu rồi. Còn ống nghĩa là «*tuyau*» và thâm thấu là «*osmose*». Đó là những mỹ-từ để gọi hiện tượng lo lốt, chạy chọt thế lực để ở gần «mặt trời». Mặt Trời tức là kinh đô ánh sáng Saigon đẩy em ạ. Một kinh đô hoa lệ phè phỡn như những hòn đảo nhỏ giữa bể, nông thôn nghèo nàn rộng lớn ở Việt Nam. Vậy anh sẽ dễ mặc được phân phối bổ nhiệm đến đâu thì anh đi đó. Đất nước này ở nẻo đường nào cũng chờ đón bóng dáng «người áo trắng» mặc kaki xanh hay vàng có hai hoa mai trên cổ và chữ thập đỏ trên cầu vai đấy!

Anh sẽ là một y sĩ đồng quê, đi khắp nẻo đường đất nước để biết rõ nước mình và đồng bào. Những điều trên anh thường nói với em, thỉnh thoảng anh thấy em cười, có khi em khuyến khích anh nhưng có khi anh thấy em thoáng buồn, có lẽ... thôi đừng có lẽ nữa em nhỉ. Anh cũng luôn luôn tự nhủ: «Hãy làm đi đừng nói nhiều». Tương lai sẽ trả lời.

Em,

Hôm nọ, chúng mình gặp bác sĩ Thanh. Ông luôn luôn khoe thời «vàng son» lúc ra trường của ông. Nào là «phi cao đẳng bất thành phu phụ» nào là «lòng xuân phơi phới». Nào là bà cụ đã xây nhà sẵn để ông Đốc mở phòng mạch. Nào là sắp sửa trâu cau đi «*tiểu đặng khoa*». Nào là một tháng ở Sầm Sơn... Nhưng ông Đốc bây giờ khác xa em nhỉ.

Bốn tháng nữa anh sẽ ra trường...

NGUYỄN VINH ĐỨC

(Đăng sau ý nghĩ)

Tình thương — Số 24

ĐIỆU RU CHIẾN SỰ

● cho những thằng bạn

1

bắt đầu tuổi nám khói đen
với thân bò sát với kèn xua quân
với tai canh bước tử thần
với tư thế mới cần phân diệt vọng

2

với cây nói hãy úa mồm
với chim nói hãy tránh tầm đạn bay
với người nói tuổi hôm nay
có tôi đỏ máu vui vầy chiến tranh

3

với em lời nói dễ dàng
lời ru nước mắt thôi dành mai sau
với tay nắm ngón héo sâu
giùm anh bá súng cầm đầu lưỡi lê

4

với quê hương cũng xong bề
tôi nằm mừng bạn hữu về yên vui
tôi chán cồn biển cát vùi
với đầu gát núi vùng trời lưu vong

5

nghe đêm ru nhịp súng đồng
điệu ca dao mới đau lòng quê hương

10-65

PHẠM NGỌC LÂN

mưa bão

trót đem bán đứng linh hồn
cho con tàu chạy biển buồn giữa khơi
lang thang hết phố chợ đời
mưa trương tư đại với chơi với sầu
nhìn em vượt khỏi tay nhau
lời cô đơn với cái đầu ngàn ngơ
nghe xa lạ lắm bây giờ
trời xô mưa bão lên bờ mắt xanh
hai mươi một tuổi phôi trần
tối hoang vu cả phiên tình với em
đoạn đường kỷ niệm nghiêng nghiêng
giam tù ước mộng bên triền núi cao
làm thân phù phiếm lao xao
rồi than khóc để mình lau mắt mình.

PHAN HUY MỘNG
(vùng tôi)

lời mẹ

khi đất mẹ vẫy bàn tay bé nhỏ
anh vâng lời ôm khấu súng lên vai
dù tình yêu ngàn sao trời thương nhớ
anh sẽ ru buồn tìm ngủ muộn đời
thương đất mẹ ngày đêm hao nước mắt
khóc thương dòng máu đỏ thấm trên môi
anh vội bỏ màn sao trời vắng vặc
chạy theo lời réo gọi mẹ Việt Nam
mấy năm rồi xứ sở mình mòn mỏi
ôm chiến tranh và máu đỏ hận thù
«người ơi người hỡi linh hồn cần cỗi
đi mẹ già mái tóc bạc thiên thu»
anh cúi hôn bãi cát vàng sa mạc
nghe thom tho từng ý nghĩ mơ hồ
hiện thân này mẹ già đang thêm khát
dòng thanh bình màu nước mát tự do

THẾ LỘC NGUYỆT TIẾN
(mây hàn giang—đà nẵng)

VÙNG CÔNG PHÁ

CỬA BÃO

● TRẦN YÊN THẢO

Thanh lúc đó đang đứng giữa hai cánh cửa. Âm thầm và kín như mối tình đầu của một người con gái... Anh nhất định bỏ đi thật sao. Em không thể nào ngờ được gần mười năm rồi, những gì xảy ra ở cái thành phố chật chội, uế oải, khốn khó này em vẫn nhớ hết. Nơi anh hằng nói yêu hết thầy những cái vừa tủi nhục, vừa thấm thiết. Những buổi sáng mặt trời mọc bên kia cánh đồng đẹp như mùa xuân. Những cơn mưa mở mùa có gió thổi lại từ phía ruộng lúa. Những đêm nhiều sao, cây me trước nhà in đen trên một vùng trời xám. Cây me anh thường ví như một người đàn bà chết, ở vậy suốt đời không biết nó có và đứng đây tự hỏi nào. Rồi những mùa đông thật dài, thật chậm. Âm thanh rời rạc vọng từ phía bên bắc vào thành phố. Những cảnh đời đã đến, đã đi. Kỷ niệm tuổi nhỏ chôn vùi đâu đây như một giấc mơ vừa đi qua. Em vẫn nhớ hết... Đêm tối xà xuống, mặt mừng tựa cái chuông chụp kín một phần không gian biệt lập. Tiếng máy phát điện và ánh đèn vàng mờ phía bên xe đồ hắt lại, mờ mờ, đứt quãng trong cái sinh hoạt một nhịp, bờ phờ của thị trấn báo hiệu bằng vài loạt động cơ nhỏ nổ chậm rồi yên. Bóng Thanh bây giờ chỉ còn là một vệt đen, mong manh chắn giữa vùng nhá nhem của khung cửa. Vệt đen nhỏ dần, mờ dần cho đến khi chìm hẳn vào đêm tối. Tiếng Thanh cũng trở nên phảng phất như một thứ âm thanh vọng từ thế giới thật xa xôi nào đó... Rồi súng nổ và lửa cháy và những chết và cái những cái đi thân nhiên. Những ai thân thích ở cái thành phố này cũng là lượt chết, lần lượt bỏ đi rồi mất tích. Những tuổi trẻ có liên hệ tới một phần biến dịch ở đây đều cũng bị phân tán, rời rã và trường thành trong cùng một căn phòng hẻo lánh, còm cõi với nó. Thành phố đã mang những cảnh tượng thật mật

mờ, thật buồn thảm của một ngày đông tận. Cái sinh hoạt xô bồ, vội vã tạm bợ mỗi lần có quân đội về trấn đóng. Cái im lặng đến ghê rợn, những đêm có tiếng đại bác vọng về từ chiến trường lân cận. Thời khắc đi qua chậm chạp, nặng nề, ngọt ngào như những hăm trú ẩn đào ngay trong nhà. Thỉnh thoảng khóc trẻ thơ hàng xóm khua lên đêm tối quằn quại như những rên xiết nổi theo âm vang của tiếng đại bác. «Thời chiến cái không khí thường trực như vậy là tất nhiên». Câu anh vẫn thường nói không biết đề ủi an, đề xoa dịu hận hận ngộ hay chỉ đề gián tiếp mặc nhận tình thế. Nhưng em nhớ một cách chắc chắn là anh đã nói từ khi tiếng súng đầu tiên nổ ở quê hương này... Thành phố đi vào khuya bằng những âm thanh lẻ tẻ. Bóng đèn an toàn chớp đều đặn trên đỉnh cột cao bên phi trường—có vài chiếc trực thăng vận lên xuống, tiếng động cơ nổ rền, gầm gừ di chuyển trên không rồi bỏ lại đêm đen yên tĩnh. Một chiếc xe đồ về muộn chạy qua con lộ trước nhà. Chiếc xe buồn ngủ vật vờ nằm lăn trên mặt nhựa trải trải qua một chỗ ánh sáng đèn đường dề dỗi những khung xe trống rỗng. Hàng hóa được phủ một lớp vải bít bùng như con rùa nằm im trên mũi xe. Chiếc xe một mõi đi qua âm thanh mất hút phía bên bắc, còn những đám bụi tan dần trong ánh đèn mờ ủa. Nhà cửa bên kia đường đã ngủ yên. Những đồng cát, những chiếc xích lô nằm bất động như những cơ thể bệnh hoạn. Thanh bỏ khung cửa bước vào chỗ ánh đèn đầu. Căn nhà được soi bằng một thứ ánh sáng chập chờn leo loét. Nàng ngồi xuống ghé nhìn rất chăm chú vào một mảng lưới nhện mắc trên khe vách gỗ. Nàng nhỏ bé thu mình trong lòng ghé và tiếng nói mơ hồ tỏa trong không gian mập mờ của căn nhà nhỏ... Rồi mình yêu nhau. Những cuộc tình

hời buổi này bao giờ cũng nặng trĩu cảnh ngộ bi đát. Cũng như đi tìm một phần an ủi rất nhỏ trong cái bi thương rất lớn của cuộc đời. Cũng như giúp nhau sống trên cái quần quai khốn khó của thời buổi. Có những khoảnh khắc êm êm như giấc ngủ buổi chiều mà cũng gặp một những đốm xót của một cuộc tình nặng nề tính chất biên giới. Ở đây anh hằng nó một cách không đắn đo là yêu hết thầy những cái vừa tui nhục vừa thắm thiết. Làm sao em tưởng tượng nổi một niềm cô độc thật dài. Làm sao cái thành phố cũ kỹ sai oằn kỷ niệm—vừa cỗi cằn, vừa xanh mát này có thể nhân lành thêm một mát mát nào nữa. Anh nhất định bỏ đi thật sao. Em không thể nào ngờ được... Tiếng Thanh vẫn khác ngoài mơ hồ cho tới lúc thành phố ngủ hẳn.

Bước ra khỏi quán nước, Sơn đi vào phía thành phố, bỏ sau lưng cuộc sinh hoạt hối hả, cấu xé của bến Bắc sắp hết buổi chiều. Mấy chiếc tàu chìm ngoài khơi còn Rừng đưa phần trên khỏi mặt nước mặt mờ sau một làn hơi mỏng như những gợn đá. Buổi chiều còn vài tia nắng rất bên kia bến, có gió thổi từ phía mặt sông đem theo một ít hơi nước mát rượi, dễ chịu. Xe đò, xe hàng hóa nhận còi rượt nhau từng tạt đường tranh chỗ đậu trước khi xuống Bắc. Sơn ném mẫu thuốc trong tay rồi nhỏ, một bãi nước bọt, có chất nhựa đắng khét hòa tan trong đó... Tôi có một ở đời này như một vô tri thừa thừa. Thừa thừa đến chưa xót gần như không phải đề thụ hưởng những ân huệ mà lẽ ra cuộc đời phải đem cho tôi. Tôi cố gắng đến một môi nhập vào những chỗ đông người để được biết là mình có mặt, để được người khác đọc tên mình dù là đọc bằng một hắt hủi. Nhưng cái tên thật xa lạ. Xa lạ với tôi từ bản chất lẫn phong độ. Thành thử tôi đến đó như một cuộc tình ái vô duyên và đi cũng âm thầm tẻ nhạt như một tiếng động nhỏ lao vụt trong không rồi mất. Tuổi nhỏ của tôi không có lấy một kỷ niệm đáng vồ về, đáng hành diện với nhiều người đề ra cùng tôi một thế hệ. Tôi bài hoại. Tôi lì lợm. Tôi cay đắng. Tôi là cái gì không thuộc về cái đời này mà cũng hoàn toàn của cái đời này. Tôi muốn nhìn tận mặt tôi. Muốn soi mình trong một thứ ý thức có an bài, có nỗi lo. Một môi trường sinh hoạt ít ra cũng có kẻ gọi đúng tên mình. Tôi nghe quanh quất đâu đây những âm thanh vang động từ hằng bao nhiêu thế hệ, những người sống rất vình cừu trong lòng cái chết ngay khi còn vật và giữa cuộc đời. Đêm tối quanh đâu vẫn thì thầm một thứ ngôn ngữ không hề mang dấu hiệu bình yên. Một thứ ngôn ngữ bằng tim và óc — không phải bằng tin yêu nồng nhiệt — Không phải, bằng một trạng thái nào đó, có đam mê, có thần nhiên, có chán nản. Tiếng của một người cha già nua bệnh hoạn suốt chết giữa một đêm chiến tranh hai năm bốn chín ở ngoài Bắc. Sơn ơi. «Tao chết đây Sơn. Tao chết đây Sơn». Ngọn đèn dầu lạc chập chờn soi trên khuôn mặt già cỗi, rần reo của ông cộng với

những xanh xao bệnh tật và nỗi đống xót é chề về thời thế. Căn nhà quạnh quẽ, còn lại một mình tôi và người cha. Cơ thể gầy đét mỗi như như sợi giây bất động trên phản gỗ. Kết quả một đời người đọng lại trên mỗi khớp xương lõm khuyết của ông. Đêm đen xà xuống, bên ngoài mịt mùng và thắm hút. Mọi người đã tản cư bỏ lại xóm làng im vắng, thắm u, khủng khiếp. Cái khủng khiếp của một cuộc tàn phá đã xảy ra, sắp xảy ra. Đêm tối không mang một dấu hiệu sinh hoạt nào ngoài tiếng rơi của vài cành cây mục ngoài vườn, tiếng chót ru và tiếng sùng du kích nổ lẻ tẻ trong các lối xóm. «Sơn ơi, tao chết đây. Ở nhà còn một bộ ngựa tư đó. Mày chỉ cần đào một cái lỗ ngoài vườn đủ để ghép bốn tám ván. Mày khóc đấy à. Sơn. Mày khóc đấy à. Tại sao mày khóc được hả Sơn? Đêm tối chìm xuống và tiếp tục cảnh tượng khủng khiếp mịt mùng của nó. Tại sao mày khóc được hả Sơn. Tại sao con khóc được hả thầy. Tại sao tôi khóc được. Sơn vào vào tới trung tâm thành phố thì đêm tối bắt đầu: Đài phát thanh địa phương đang đọc bản thông tin buổi tối. Những trận đánh lớn mới nhất ở cao nguyên và miền trung. Anh theo con đường bờ sông. Tiếng mái chèo khua lục đục trên dòng nước. Tiếng máy nổ ngoài khơi. Tiếng sóng vỗ vào chân cừ. Tiếng nhạc rồi rồi đưa lại từ một quán ăn đầu đó. Sơn cứ ời một mình trong cảm giác nhen nhúm rất tình cò, rẻ vào con phố có nhiều ánh đèn anh cúi xuống một sạp thuốc châm nhò điều thuốc trên đóm lửa của dây nhàn thơm rồi dọc theo hàng hiên của một rạp hát... Tôi lao đảo trong những cơn óc mù của lịch sử, những biến đổi dồn dập không ngơi nghỉ như những nhát dao chém tới tấp xuống da thịt bên ngọt và lãnh đạm. Những vết dao đâm xé nát bấy cơ thể không còn chỗ cho một con ruồi đậu. Tột như nhuyền. Tôi tan nát. Tôi sống trên bản thân tôi như trên lớp men chua của một trái cây đang thối rữa. Trái cây rơi từ cành cao xuống mương lầy không biết bao lâu rồi. Nó vẫn sống trên môi trường bản thủ bằng ván mốc, bằng nước cống, bằng vị trũng. Nó sống trên môi trường đang tàn rữa. Tôi gặp những cảnh ngộ rơi rớt nước mắt. Những rạn gãy rất phù phiếm của bằng hữu. Đám bằng hữu vừa đủ đếm đầu ngón tay. Đứa thất chí, thất nghiệp đến tá túc vào hoàn cảnh bản chật của một người thân thích. Đứa bất mãn tình thế trốn vượt biên giới, bị bắt và sống lay lắt trong một nhà giam miền rừng núi xa xôi. Đứa đi xa rồi chết vô thừa nhận, Trong khoảnh khắc tôi nghĩ tới Thế. Một buổi trưa nó đến trong lúc tôi đang nằm trên sàn gát dở thức, dở ngủ. Tiếng Thế đầm ầm vang lên cán gát hẹp... «Nỗi buồn giờ đã lớn khôn. Đường niên kỷ cũng phủ hồn xanh xao». Rồi nó đi và chết sau lần gặp mặt đó. Tôi tàn rữa. Tôi chơi vơi như chiếc thuyền bị đánh đắm mù khơi. Tôi hiện hữu rất vô tri không tiếc nhớ, không thù hận — không còn sinh lực để thù hận chớ không phải không thù hận,.. Sơn đứng lại

trên đoạn đường rộng ít ánh sáng khi một đoàn G.M. C chở đầy lính vượt qua. Những họng súng, những tay áo Kaki lăm lăm hai bên hông xe. Những vật đèn pha tua tua ghim xuống mặt đường láng bóng. Đoàn xe tiến về phía ngọai ô, những ngọn cỏ trên lề còn chao động trong trớn gió của nó cùng những vang động nhỏ rớt trên mặt đường. Sơn dụi mắt bước đi trong cảm giác xốn xang của một viên sỏi lộn cợn trong da. Hồn sỏi di động làm nhói buốt một phần cơ thể. Những đường máu bị nghiền lối lưu thông nên lại trong lồng ngực. Té liệt như một niềm u uất, đau đây. Đoàn xe đã đỗ lính phía bên kia cầu sắt và trở lại khua lên mặt đường những âm thanh trống rỗng. Sơn cúi đầu nghe những lao xao lay động tri nhớ... Tôi muốn nói với bóng đêm một điều gì đó. Những tiếng súng ầm ỉ trong lòng người trong lòng đất. Những cuộc tàn phá không bao giờ dứt.

Những thực tại đốt cháy thân xác rất thản nhiên. Những màu tình ái vật vờ trong đời. Tôi muốn nói với bóng đêm như một câu chuyện có tính cách tâm sự. Một thứ tâm sự bị cắt đứt trong tâm tư lâu rồi. Đã cháy ngấm, đã rỉ sét. Không biết từ lâu tôi đã đem hết thầy thương yêu nhiệt tình đến cho con người hay chỉ cho cái khốn khó của hoàn cảnh. Tôi phải nói với bóng đêm như một trận tình hiếm hai thời khắc. « Sơn ơi. Tao chết đây sơn. Mày khóc đấy à. Tại sao mày khóc được hả sơn. » Tiếng thanh ngắt mỗi trong không gian tối tăm, mờ mịt. « Anh nhất định bỏ đi thật sao. Em không thể nào ngờ được ». Tại sao mày khóc được ư sơn. Tại sao con khóc được thấy. Thanh ơi. Tại sao anh khóc được. Tôi ngoài người trong những khoảng cách hao hụt bình yên. Tôi gục ngã trước hạnh phúc ở đời. Tôi là cái gì không thuộc về cõi đời này nữa mà cũng hoàn toàn cõi đời... Sơn đánh một que diêm soi đường đi vào ngõ hẻm.

Sơn trao chén cho thanh sỏi cơm, ngồi nhìn mông lung ngoài mặt đường hực nắng. Những giông người và người và se cộ xuôi ngược không ngắt. Quán cơm bên kia đường đông nghẹt hầu hết là quân nhân. Anh quay đón chén cơm từ tay Thanh.

— Làm sao anh phải là cái gì được. Chừng này tuổi trên đầu với mười mấy năm làm việc. Trong túi chẳng bao giờ dư lấy một nghìn bạc để dành, đừng nói tới việc gì khác. Anh bất lực. Anh là một thứ gì vất đi rồi.

— Sao lúc nào anh cũng cứ đùa được.

— Như vậy có thể là đùa được sao? Sự thật mọi cái ở đời này đều đáng khôi hài nhưng anh chưa bao giờ đùa với nó cả. Anh chỉ là cái gì tầm thường và biết được mình tầm thường. Vậy thôi.

Thanh đã ăn xong. Ngồi gập thức ăn bỏ vào chén Sơn.

— Đành rằng ai cũng tầm thường. Nhưng ít nhất phải biết mình là cái gì ở đời này. Em không tin một ai có thể vô tình tới mức đó.

— Thế em muốn anh phải là cái gì?

— Với em, anh chỉ cần là Sơn. Đủ rồi.

Sơn hồ chén xuống. Nhặt một que tăm kẻ những vòng tròn bằng nước canh đổ trên bàn... Những đường tròn này cũng không khép được tôi đâu. Đừng bắt tôi phải nhận một cái tên làm ký hiệu. Nó không giống được tôi. Nó cách biệt với tôi. Nó lẫn trốn tôi như con thú bị tên mất hút trong rừng. Không biết từ bao lâu rồi... Sơn ngẩng lên nhìn Thanh — cười.

— Em có vẻ muốn lấy chồng lắm sao?

— Không, em không muốn lấy chồng. Nhưng em là đàn bà. Dù ở một trạng thái tâm lý nào em cũng chỉ là đàn bà. Em cần phải nương tựa để sống. Em muốn lấy anh.

Sự im lặng nghe lao xao trong đầu những cảm giác thật tinh. Ở bàn bên cạnh mấy sĩ quan sư đoàn bảy đã bắt đầu ăn. Đang trao đổi câu chuyện hành quân và kích địch ở mấy vùng lân cận. Sơn uống hết chỗ còn lại của ly trà đá rồi cầm nón đưa cho Thanh. Hai người bước xuống hàng hiên. Câu chuyện sau lưng vẫn ồn ào.

— Em còn nhớ một kỷ niệm nào ngày mình mới yêu nhau không?

— Có, một lần về khuya, khi vào ngõ hẻm, anh chỉ một vệt đèn pha bên phi trường và nói vệt ánh sáng mang hình ảnh của những yêu nhau lên hư không. Em bất bình nhưng không cãi.

— Sao hồi đó em không cãi?

— Em cũng không biết tại sao. Thanh ngập ngừng... Một lần nữa giận nhau, em bỏ ra ngoài hiên đứng tới khuya, sương xuống ướt cả áo. Lần đó em cảm hết mấy ngày. Sơn dìu Thanh đi trong buổi trưa cháy nắng của thành phố.

oOo

Thanh yêu.

Cái con lại sau cùng là anh vẫn yêu em. Nhưng anh không thể vô dụng với những đứa con đứa cháu chúng ta sắp được đẻ ra. Anh đã chịu bất hạnh đời những thế hệ trước mình và không có quyền trút những thứ đó lại cho thế hệ sau. Anh cũng không thể đang tay nhìn đại bác rớt trên mái nhà để thụ hưởng một thứ bình yên tử nhục nào đó. Và anh vẫn yêu em, yêu em hơn bao giờ hết — Sơn.

Rồi không biết Sơn đã đi lúc nào. Những bạn thân, bạn sơ những người biết mặt, những người biết mặt, những ai đã hơn một lần chào hỏi và cả Thanh cũng không còn gặp anh trong cái thành phố này nữa.

Mỹ Tho 4-65.

TRẦN YÊN THẢO

(1) *Thơ Duy Thương.*

CHO MƯỢN

tặng XH-TDT



tôi cho mấy người mượn
con đường độc nhất về quê nội
để thử những quả mìn mới

tôi cho mấy người mượn
những nhà hàng phở xá đông đúc
để thử lựu đạn plastic

tôi cho mấy người mượn
cửa nhà, vườn tược, ruộng nương
để thử sức tàn phá của bom

tôi cho mấy người mượn
tuổi trẻ căng đầy nhựa sống
làm bia thử vũ khí cá nhân

tôi cho mấy người mượn
ông già, bà lão, con nít, thiếu niên
để thử các chánh sách chấn dân, cai trị

tôi cho mấy người mượn
khối óc linh hồn
để thử thuốc nhuộm đen nhuộm đỏ

tôi cho mấy người mượn hết rồi đó
xin dành lại cho tôi
những nỗi căm hờn
và tấm lòng độ lượng rất đông phương

ĐỖ NGHE

nỗi loạn trong hồn

còn lại bàn tay vuốt mặt đời
còn lại bàn tay vuốt mặt anh
còn lại bàn tay vuốt mặt em
đón đau đã nhiều, túi hồ đã chán

lớn khôn như loài nai, lớn khôn
như loài cú
đêm mọc cánh thật dài trên quê hương
xin người người nằm xuống, xin
người người đứng lên
xin em giặc ngủ đây trẻ thơ

này bạn bè bốn ngàn năm văn hiến
hà nội saigon
mưa trên mái nhà, mưa trên
cuộc chiến
TRẦN TÍCH DUYÊN
(phanrang)



một người

★ của SỸ

Hai chúng tôi ngồi yên lặng bên nhau trong một quán cà phê nhỏ. Quân ngả đầu lên thành ghế, mơ màng nhìn làn khói thuốc. Bóng chúng tôi gầy gục trên một góc tường. Ngoài kia trời vẫn mưa. Những hạt mưa bay lớt phớt, lấp lánh trong ánh đèn xuyên thủng màn đêm. Mặt đường bóng loáng. Những vũng nước đọng không ngớt run rẩy. Từng vòng tròn nhỏ, từng vòng tròn nhỏ to dần rồi tan biến. Trời mưa, quán vắng. Cô thu ngân gục đầu trên quầy hàng, hai cánh tay trắng nuốt đuôi thẳng. Những ngón tay búp măng dài và thon. Đầu óc tôi trống rỗng hoang mang. Tôi quay nhìn Quân. Những vòng khói thuốc tan dần trong không khí. Nét mặt Quân vẫn bình thản. Tôi thắc mắc không hiểu Quân đang theo đuổi một ý nghĩ gì. Chắc hẳn ý nghĩ làm Quân say sưa lắm. Có lẽ Quân nghĩ tới ngày mai ra đi, lo lắng cho cuộc sống gian lao sắp sửa đến thân vào ? Không phải, Quân vẫn bình thản. Hay là đầu óc Quân cũng trống rỗng như tôi. Chắc không thể được vì ngày mai Quân đã đi rồi đầu sao tôi thấy cũng cần phải phá tan bầu không khí im lặng này, một cái im lặng ngọt ngọt, khó thở. Tôi cầm bình nước sôi, rót vào tách cà phê.

— Quân à, cà phê được rồi, uống đi.

Quân dụi mắt thuốc vào thành bàn, thông thả lấy một ít đường :

— Mình thích uống cà phê thật đặc. Ở quán này, cà phê có một hương vị đặc biệt, béo ngậy, uống vào say say. Mình không nghiện cà phê và mỗi lần uống khó ngủ, nhưng thỉnh thoảng mình không thể dừng được trước ham muốn được ngắm nhìn một bàn tay trắng, nuốt, trịnh trọng đến bên mình rót nước sôi một lúc vào hai tách. Hừ mình muốn uống cả bàn tay, uống cả thuật pha cà phê ở đây.

Hai chúng tôi nâng ly, một luồng hơi nóng, một hương vị đắng đắng, ngát ngát tràn vào cổ họng. Chợt tôi có một cảm nghĩ ngộ nghĩnh rằng chiếc quán nhỏ này với cô thu ngân gục đầu buồn bã là một người tình muôn thuở của Quân và ly cà phê này là ly rượu tổng biệt. Tôi nhớ tới mấy câu thơ của Phan Văn Dật.

Ngày mai chàng lên đường

Thân gió bụi tuyết sương

Tối nay còn với thiếp

Xin cạm chén quỳnh tương

Tôi tò mò nhìn Quân. Nét mặt Quân vẫn bình thản không thay đổi. Tôi không thể hiểu được Quân buồn hay là vui. Có lẽ Quân cũng đang buồn như tôi. Nhưng thật sự tôi có buồn không ? Tôi cũng không hiểu nữa. Đầu óc tôi trống rỗng.

Ngoài kia trời mưa to. Những giọt mưa lớn đổ trên, mái tôn rào rào. Từng giòng nước từ mái hiên rớt xuống đất văng tung toé. Ngoài đường không còn bóng xe. Ngọn đèn trong phòng sáng hẳn. Cô thu ngân ngóc đầu dậy, hai tay che miệng, cặp mắt nhắm lại một hồi, nét mặt dài ra. Quân quay nhìn trời mưa như quán vắng, nét mặt thoáng và dăm chiêu.

Bỗng Quân đứng dậy, tiến đến quầy hàng :

— Ông về à. trời mưa to lắm, ướt hết. Còn sớm mà.

— Không sao, chúng tôi có áo mưa. Vả lại trời đã khuya rồi, chắc cô đã buồn ngủ lắm.

— Đâu có, tôi thức khuya quen rồi,

— Tôi thích đi trong trời mưa. Quân mỉm cười hóm hỉnh. Phải có những người đi trong mưa gió để có những người được an nghỉ chớ. Thôi, chúc cô ngủ ngon.

— Không dám, hai ông về.

Tôi muốn phản đối Quân, phản đối cái, quyết định lạ lùng này nhưng không hiểu tại sao tôi không thể diễn tả được ý nghĩ. Tôi khoác vội chiếc áo mưa và riu riu theo Quân.

Chiếc xe máy dầu rò máy. Ánh đèn quét một vệt dài trên con đường sũng nước. Xe lao nhanh, những giọt mưa hắt mạnh vào mặt tôi rất bỗng. Tôi ghé sát tay Quân hét :

— Coi chừng, đường trơn.

— Không sao. Nước mưa bắt đầu thấm ướt áo mình rồi.... Ha... Ha... Ha... lạnh...

Tiếng cười, tan loãng, lạc đi trong mưa gió. Tôi ngồi sát vào Quân cho đỡ lạnh. Trong ánh đèn mờ mờ của những cột điện bên đường, nét mặt Quân dần lại, hai tay ghì chặt lấy tay lái. Tôi không biết có phải vì mưa lạnh khiến Quân phải vận sức chống đỡ hay không nhưng có một điều chắc chắn là tôi đã đọc được trong cử chỉ, trong nụ cười nửa miệng trên môi, một cảm giác thích thú, những giây phút rung cảm mãnh liệt nhất của Quân mà tôi chưa bao giờ tìm thấy.

oOo

Quân đã đi rồi. Quân đã bình thân chấp nhận mọi sự biến đổi không một lời than. Cuộc chia tay của chúng tôi thật là đơn giản. Tình bạn qua bao năm trời làm chúng tôi không sao nói lên được một lời nào lúc tiễn biệt ngoài mấy câu đối thoại vu vơ. Nhưng buổi tiễn đưa đã khắc sâu vào tâm hồn tôi

một kỷ niệm, một cảnh tượng sống động. Tôi không sao quên được hình ảnh nét mặt của Quân và tiếng cười lạc lõng trong đêm mưa hôm nào vẫn còn vang dội. Tôi vẫn không sao hiểu nổi những gì đã gây cho Quân một niềm hứng khởi hay đó chỉ là một sắc thái, một hình thức bộc lộ tính bốc đồng đam mê, ham say những cảm giác mạnh của tuổi trẻ.

Quân đã đi rồi. Tôi vẫn kéo dài cuộc sống sinh viên. Chiến cuộc lan rộng. Cuộc khủng hoảng chính trị trở nên trầm trọng. Các sinh viên hợp thành từng nhóm, người ủng hộ, người đả đảo, hò hét vang trời. Tôi muốn vùi đầu vào chồng sách để quên hết hiện trạng xã hội, nhưng đêm đêm, tiếng máy bay vang dội, tiếng súng trận gào thét làm những hàng chữ quay cuồng trên trang giấy. Nhiều lúc tôi tự hỏi học để làm gì trong tình cảnh hiện tại, và cũng có nhiều lúc tôi tự tìm được dễ dàng câu giải đáp : Học để khỏi phải đi lính, để khỏi phải động viên, để được kéo dài cuộc sống an nhàn nơi hậu tuyến. Sự học đối với tôi mất hẳn tính chất cao quý của nó, học không phải để trao dồi kiến thức mà là đủ để đợi, đủ nắm được mảnh bằng. Những giờ nhàn rỗi tôi thường ngồi trong một tủu quán ven sông, ngắm nhìn dòng nước gợn sóng hay những con tàu nhỏ, sáng bạc trong ánh đèn pha. Tôi có cảm tưởng mình là một con thuyền lênh đênh, lạc lõng giữa lòng biển khơi, không định hướng.

Tôi nghĩ tới cuộc sống của Quân giờ này, cuộc sống mà tôi vẫn sợ hãi vì cho là đầy sóng gió. Tôi nghĩ tới những lời của Quân trong một bức thư.
« Mình đi lính không phải là mình yêu thương gì đời



lửa sầu

Tình thương — Số 24

Lửa sầu bốc cháy tâm tư

Chiều trông đờc lạnh nghiêng mù xuống vai

■

Tôi đi từng bước lạc loài
Thờ hơi thờ gió u hoài tiếng chim
Tăm — tay — tuổi — nhớ — đôi miền
Đâu hui con lộ ôm niềm bi thương
Tiếp thu trò dậy trong hồn
Bâng khuâng lá chơ nổi buồn xa bay
Nửa khuya nhận bóng mình gầy
Ơi xa xót đã nuôi đầy cô đơn

●

Lửa sầu bốc cháy quê hương

Thôi em, nay đủ trăm buồn trong anh

TRẦN DZA LỮ

lĩnh-mê đi chỉ để tìm một niềm yên tĩnh trong tâm hồn. Mình đi lĩnh để thoát được mặc cảm là sống an nhàn trong khi những người khác đang tranh đấu. Mình muốn dự phần vào cuộc tranh đấu chung của dân tộc và không muốn trốn tránh bổn phận của những người trai thời đại. Mình chán ghét cuộc chiến tranh hiện tại nhưng mình vẫn phải chiến đấu vì mọi người quanh mình đều chiến đấu. Và nếu ai có hỏi lại sao mình không xin hoãn dịch dù có đầy đủ điều kiện, mình sẽ cười và trả lời rằng mình đi lĩnh vì mọi người quanh mình đều đi lĩnh. Thế Thôi ! »

Tôi cũng muốn thoát khỏi mặc cảm đó, muốn thoát khỏi những giờ phút trống rỗng, không lý tưởng những buổi tối âm thầm trong quán vắng hay trong góc tối của những phòng trà nhìn thiên hạ quay cuồng trong sóng nhạc. Tôi thù ghét tính rút rút, do dự nhưng không hiểu sao nó vẫn thắng, nó vẫn làm tôi phải suy nghĩ, vẫn làm tôi phải khổ sở trong một cuộc chiến đấu âm thầm và bền bỉ trong tâm hồn. Cuộc chiến tranh này không lý tưởng hay tôi không lý tưởng ? Tôi cũng không hiểu nữa. Tôi rơi vào một khoảng không rộng lớn.

Giờ đây không biết Quân đang làm gì nhỉ. Có thể là Quân đang sống an nhàn trong một tiền đồn hẻo lánh. Mồ hôi Quân ướt đầm chiếc áo chiến binh vì sức nóng gay gắt hát trên mái tôn của căn chòi nhỏ. Quân đang bình thản, ngủ ngon hay đang say sưa theo dõi một nhân vật trong tiểu thuyết. Có thể là Quân đang cầm súng đứng trên một ngọn đồi. Ánh mắt đang mơ màng nhìn về phía làng mạc xa xa nơi có những mái tranh đang vương khói và cả một cánh đồng ngát hương lúa chín. Cũng có thể là Quân đang theo bước hành quân. Quân áo ướt sũng những nước, Quân đang hăm hở cất bước... Những bước chân nặng nề âm vang trong cảnh tĩnh mịch của khu rừng vắng. Quân chợt cười vang. Ôi, tiếng cười một tiếng cười thích thú say mê, một tiếng cười ngạo nghễ như chế giễu, như cười cợt. Tôi... Tôi muốn trốn tránh nó tôi ghét tiếng cười đó nhưng nó vẫn không buông tha tôi, nó vẫn ám ảnh tôi mỗi khi tôi đến, tiếng súng trện từ xa vọng lại.

Quân đến tìm tôi một buổi tối trong bệnh viện. Tôi đang xem xét vết thương trên mặt của một em gái nhỏ.

— A... Quân... Về bao giờ thế ?... Chờ mình một lát mình khâu cho em bé này mất độ mấy phút thôi. Tôi cười với người y tá.

— Ông làm ơn cho tôi loại chỉ nhỏ, soie đen đi. Nó là con gái, nếu bị sẹo, sau này khỏi cậu buồn.

— Em nằm im nhé — Tôi nói với đứa bé — đừng rầy, đừng khóc, chịu khó đau một chút, nếu không bị sẹo xấu lắm.

Quân lặng lẽ đứng bên xem tôi làm việc. Đứa nhỏ nằm im, mặt chỉ hơi nhăn lại sau mỗi đường kim.

Tôi xoa đầu nó :

— Đẹp lắm rồi, không bị sẹo đâu, về đi.

Đứa bé vòng tay lại, chào tôi lễ phép. Tôi nói với người y tá nhờ anh bạn cùng gác làm hộ trong chốc lát.

Tôi và Quân lại tìm đến quán cà phê hôm nào. Vẫn khung cảnh cũ, vẫn chiếc bàn cũ, vẫn Quân trầm lặng như lạc lõng trong hư vô. Sương gió đã làm Quân đen đi nhiều nhưng cũng làm nét mặt Quân thêm già dặn, ánh mắt thêm cương nghị. Tôi không thể diễn tả được niềm vui khi gặp lại Quân. Tôi muốn Quân kể cho tôi nghe cuộc sống của Quân, những cuộc phiêu lưu, những lúc băng rừng vượt suối. Tôi muốn nói với Quân vạn lời nhưng sợ rằng lời nói của tôi sẽ làm tan đi nét mặt Quân hiện tại. Tôi muốn giữ mãi, hình ảnh êm đềm cùng nét mặt trầm tĩnh của Quân hôm nay

Hương cà phê bốc lên thơm ngát. Quân nâng ly :

— Mình đã tạo được một tâm hồn thư thái không còn lo nghĩ, không sầu tư, song có lẽ cậu là người tìm được ý nghĩa cho cuộc sống.

Tôi ngơ ngác không hiểu Quân định nói gì. Tôi nhìn về kiểu hừng của Quân với cả lòng kính phục say mê, tôi khao khát tìm một niềm yên tĩnh trong tâm tư. Còn cuộc sống của tôi, một cuộc sống bình thản, tầm thường lại được Quân nhìn theo một khía cạnh khác ! Có thể nào như thế được chăng ? Tôi không hiểu Quân đã nghĩ gì khi nói xong câu đó.

Hai chúng tôi đi bên nhau trên con đường vắng. Ánh sáng của ngọn đèn neon lạnh lẽo. Bóng chúng tôi xoắn lấy nhau, lúc mờ, lúc tỏ, lúc thu ngắn lại, lúc dãn dài trên mặt đất. Từng cơn gió thổi nhẹ làm xòa mái tóc Quân. Những bước chân âm thầm vang trong đêm vắng lạnh. Đầu óc tôi đang nóng bừng, đang quay cuồng, đang có cả ngàn giả thuyết và các ý nghĩ, tư tưởng của Quân hiện tại. Quân dừng lại. Bóng chúng tôi chợt chập làm một. Tôi nhìn chiếc bóng của chúng tôi, chiếc bóng vươn dài, in rõ trên con đường mờ sáng. Đột nhiên, tôi có cảm tưởng rằng hai chúng tôi chỉ là một, phải, chỉ là một, một người vừa thoát thân từ bóng tối.

SỸ

Tin mừng

Được tin vào ngày 4-11-1965, anh PHẠM KIM PHÂN SVYK V đã trao nhẫn đính hôn cho chị NGUYỄN THỊ THU S.V. Văn Khoa. Xin thành thật chia mừng cùng anh chị và chúc anh PHÂN được sống mãi mãi hạnh phúc trong mùa THU dịu dàng và đầm ấm ấy.

Tòa soạn TÌNH THƯƠNG

tình thương — Số 24

đáng ngờ mùa thu

Tôi về ngờ theo lời chim én
tôi về ngờ thêm trắng chiều thêm tàn manh áo
nhạc chưa cười môi cho ngọt tả tơi
nhựa đường khai hoa mở chuyển đời
trong tiếng chớm vẫn còn hơi nhớ
buồn đi vắng theo tới triền cô quạnh
buồn lang thang cho hết kiếp thu này
trên sợi tóc mưa ngàn chảy giọt
nắm tay này trao ấm hơi cay
nẻo lạnh về bắt mơ xứ lạ
tình đi khuya trên chiếu lá mềm

Tôi về ngờ vườn len mắc cỏ
tôi về ngờ khói ngọn bắc đèn

Seoul 21-10-65
CAO XUÂN TỬ

nhớ tiếc

Giờ tay lên vẫy ản thời
Còn ai nhặt lá để cài tóc em
Sao trời để khổ anh thêm
Cho môi hôn cũ đi tìm tình nhân
Em như cơn gió xoay vần
Anh hong tóc nắng cho hồng ước mơ
Em đem tuổi nhỏ đại khờ
Để thương nhớ đó phủ mờ tương lai
Anh neo bèn vắng không người
Thuyền xuôi còn vọng những bài phiên ca
Bây giờ tình cũ phôi pha
Tiếng kêu anh, vọng giữa sa mạc buồn

CHU TÂN

tình thương — Số 24



bây giờ

ăn trái cấm ôm đầy niềm hối lỗi
tuổi hoa vàng đời có mấy lần vui
cười gì anh, thời trăng mộng bài ngùi
chân du mục dăng sâu lên đôi mắt
ôi, trời cao vù nhớ thương giăng mắc
giòng sông dài thuyền lạc neo bờ vơ
giờ gian ngân ru giọng hát mong chờ
bóng hình anh in tượng thần trong đá
mùa thu buồn, mùa thu buồn vãi lá
mộ phần tôi vẫn khát lấy tên anh
còn gì đâu, hoa xuân nữ hiền lành
nhớ kỷ niệm anh có buồn không nhỉ ?
tôi bây giờ niềm đau thương quy lụy
ngựa linh hồn, bưng bít những chua cay
học tương tư phủ kín cửa hồn này
cái mặt sầu ngắt ngấy hương cựa niệm
thân xác gầy niềm đau thương suy chuyển
tóc huyền mơ vành nón lá nghiêng nghiêng
chiều tha xa vàng lạnh mắt tru phiên
anh đi rồi ai về thương giấc ngủ
từng đêm sâu mộng phơi làm tóc ủa
hồn trắng khuya van lời lẽ tự tình
anh đi rồi, hãy ở lại — thưa anh
biết mai một ai về thương giấc ngủ.

HƯƠNG PHÙ SA



sản tin

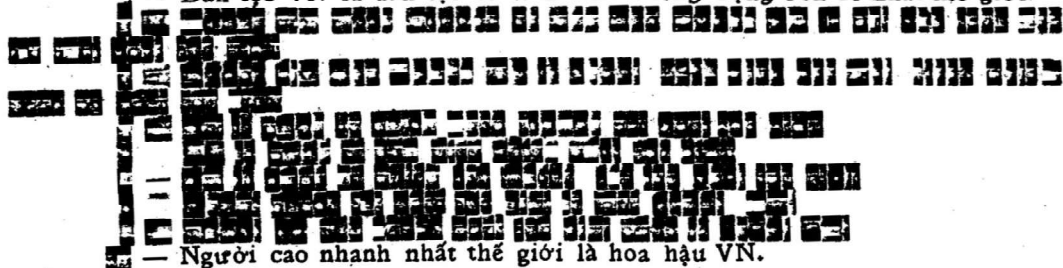
Đến nhà một thằng bạn gặp ông thân sinh hân đang hí hoáy viết bên ngọn đèn cây. Nghe tiếng tôi chào ông cụ ngừng viết bắt tay tôi rồi nói : « Bác có bài thơ cháu xem được thì đăng giùm bác ». Đọc xong tôi cười đáp : « Cháu thì đồng ý nhưng chắc quý ông kiểm duyệt họ sẽ không đồng ý đâu ». Ông cụ có vẻ không tin. Tôi nghĩ muốn làm ông cụ tin chỉ còn cách cho đăng bài thơ của ông cụ :



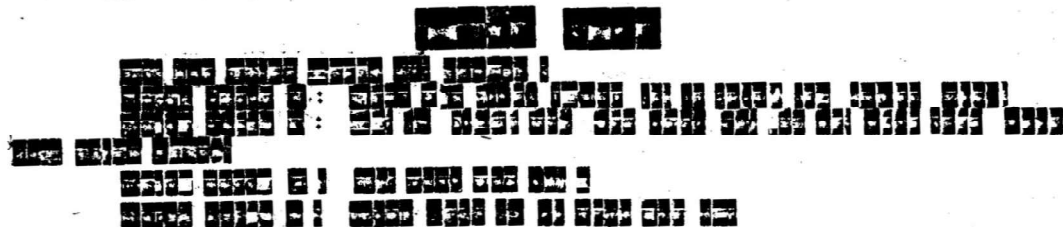
Việt Nam «ten» «năm bơ oan»

Trong một quán nước, một người Việt Nam khoe với người bạn Mỹ rằng : nước Việt Nam chúng tôi có  điểm độc đáo nhất thế giới :

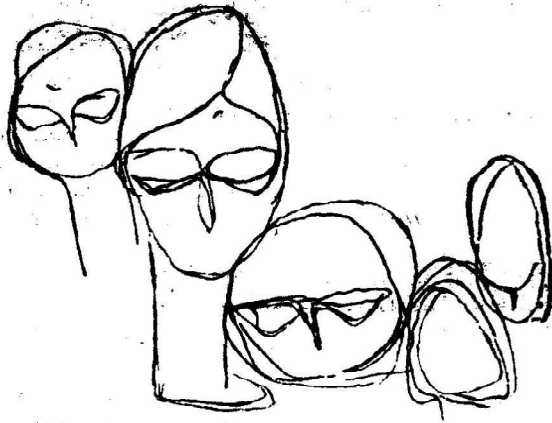
- Chiến cuộc VN là vấn đề thời sự quan trọng nhất thế giới.
- Dân tộc VN là dân tộc có tinh thần chống Cộng bền bỉ nhất thế giới.



- Người cao nhanh nhất thế giới là hoa hậu VN.



CHINH YÊN



Những lá thư từ bệnh viện

Nếu cuộc đời vắng những lá thư màu xanh của anh
tò điếm thì còn nghĩa gì với người em gái ho lao

Bệnh viện vào buổi trưa thật buồn. Mấy cây phượng vĩ đỏ ối rải hoa trên thảm cỏ xanh tươi. Hàng cây bàng lặng đứng yên dưới ánh nắng gay gắt của mặt trời. Vài con chim sẻ ríu rít trên những cành hoa màu tím. Nơi hành lang bệnh viện thấp thoáng tà áo trắng của người nữ y tá vội vã lướt qua, chắc có bệnh cấp cứu. Giờ này chắc mọi người đang tìm quên đi những sự đau đớn bằng giấc ngủ.

Năm mãi không ngủ được, chắc vì phản ứng của thuốc Strepto. chích sáng nay. Duy triền miên suy nghĩ về Trang, người con gái bệnh lao mà anh đã có cảm tình sâu đậm.

Duy và Trang quen nhau trong một khung cảnh bệnh viện dành cho những người bệnh lao. Tuy trong một thời gian quen biết gần gũi, nhưng rồi qua những sự khổ đau của bệnh hoạn, những sự cảm thông khiến hai người thương nhau bằng tình thương của những người thân mến nhất. Trang và Duy cùng sống trong bệnh viện, nhưng vì vết đau quá nhiều nên sau một thời gian chữa, Trang được các vị bác sĩ đề nghị đến bệnh viện Bình Dân để giải phẫu.

Duy hình dung đến khung cảnh thân mật, triu mến, tiếc thương của những người bạn đồng bệnh hôm tiễn Trang sang Bình Dân giải phẫu. Tình người ho lao thật sâu đậm mà anh không ngờ đến. Duy nhớ đến gương mặt trắng xanh đầy nước mắt của Trang khi đi mổ. Nhớ đến đôi mắt buồn vơi vơi, đôi mắt thật hiền lành của Trang. Anh thầm nghĩ cô gái trời cho ho lao được bù trừ bằng đôi mắt đẹp.

Giờ này, chắc Trang đang ngủ yên trong phòng
tình thương — Số 23

mở. Duy muốn trở dậy và qua ngay Bình Dân xem đôi mắt hiền lành của Trang đã sáng lên một tia hy vọng nào chưa. Nhưng Duy hãy còn đang sốt; thoáng một nét lo âu trên mặt anh. Duy tưởng nhớ đến Trang qua những lá thư màu xanh; những lá thư của Trang gửi cho anh trước khi đi giải phẫu, mang tâm trạng một người bệnh viện gửi đến bệnh viện.

Bệnh viện Bình Dân ngày 19 tháng 6...

Anh Duy.

Mới xa bệnh viện Hồng Bàng có hai ngày thôi mà sao em cảm thấy như đã xa từ lâu lắm. Nơi đây, cũng bệnh viện, quanh em cũng là những gương mặt xanh xao bệnh hoạn, những bức tường vôi màu trắng lạnh lùng, nhưng em thấy sợ những bức tường ấy quá, em thấy xa lạ và cảm tưởng như mình bị lạc giữa rừng hoang. Em nhớ đến nhà thương Hồng Bàng, nhớ cô gái của em nằm lặng yên dưới nền trời xanh ngắt, nhớ những mô đất bất động trên ghế đá nơi vườn hoa. Nhớ đến các bạn thân yêu, giờ này anh và các bạn em đang làm gì dưới ánh đèn xanh mờ ảo. Em ở nơi đây một mình với bốn bức tường chỉ có ánh đèn neon trắng bệch. Nhớ đến các bạn nhiều ghê. Em muốn về ngay Hồng Bàng. Kia ngoài kia, một chiếc máy bay trực thăng bay qua, em ước gì nó dừng lại nơi đây cho em được ghé thăm các bạn. Một tí thôi, mà sao máy bay chẳng ngừng. Chỉ có anh mà anh lại ở xa rồi còn mong ước được gì.

Đêm nay, nơi đây có ánh trăng sáng em nhớ đến những lần nơi bệnh viện cùng Thương lặng ngắm những vì sao rớt rồi hai đứa em cảm thấy băng khuâng và lòng rộn lên một niềm mong ước. Em nhớ đến bao lần cùng anh đếm bước trên

đường đất đỏ của bệnh viện. Nơi đây chỉ còn mình em với những đường trái đá xanh bằng phẳng, con đường đá xanh cũng đẹp nhưng chẳng đẹp bằng con đường đất đỏ với hàng cây bàng lãng lý tưởng của em đâu.

Giờ này là 11g đêm rồi người y tá trực nhắc em nên đi ngủ để mai dậy sớm đi thử máu và chích plasma. Em tạm ngưng bút nơi đây. Cùng gửi đến anh niềm nhớ nhung với với của em.

Nơi đây có trăng sáng với một mình em. Anh biết em ước gì không? Em không ước ngày mai lên bàn mổ được may mắn đâu và ước mong đôi mắt anh sáng mãi như vầng trăng kia.

Em của anh.

Hoàng Trang

Bệnh viện Bình Dân ngày...

Anh Duy.

Chiều nay dưới trời mưa tầm tã, các bạn từ Hồng Bàng đến thăm em. Cảm động làm sao những người bạn từ bệnh viện đến thăm một người bệnh nơi bệnh viện. Các bạn dành cho em những lời khuyên chân thành là hãy can đảm chờ một ngày mai tươi sáng. Rồi cũng buổi chiều ấy, vị bác sĩ sẽ giải phẫu cho em đến bên giường khuyên nhủ em với giọng tin tưởng lạc quan. Vị bác sĩ ấy khuyên rằng: « Một thời gian sau khi giải phẫu, vết đau sẽ lành, em sẽ trở về nhà và sẽ đi học, một tương lai tươi sáng đang chờ đón em... »

Em chỉ lặng yên ngồi khóc, chẳng nói được gì. Chỉ ngồi khóc thôi và chẳng biết chờ mong gì, vì đã bao lần chờ mong có bao giờ em được toại nguyện đâu.

Các bạn và Thương ra về dưới trời mưa, các bạn đến thăm inang đến cho em một tình thương hay đã vô tình đem đến cho em niềm cay đắng. Hình ảnh Thương dưới trời mưa tầm tã em thấy phũ phàng làm sao, em ví Thương như một bông hoa vừa hé nở đã bị gió sương dập dùi. Hình ảnh một cô gái trời cho ho lao mang niềm ưu tư tuyệt vọng trên gương mặt tươi tắn kia, em làm sao mà quên được. Cũng thời con gái. Cũng một kiếp người. Thương có khác gì em. Hai đứa em bây giờ mở mắt thăm hiểu ý nghĩa của cuộc đời.

Ngoài trời giờ này vẫn còn đang mưa. Nơi đây chẳng có những vũng nước như ở Hồng Bàng để mấy em làm thuyền giấy thả lênh đênh. Nơi đây chẳng có người em thương mến để em kể chuyện tâm tình và chẳng có anh để em được nghe những bản nhạc của ngày xa xưa. Nơi đây chỉ có những bức tường trắng lạnh lùng, chẳng có cây hoa tím ngọt ngào của em mà chỉ có hàng cây trướng cá xanh rì chẳng dễ thương tí nào cả anh ạ.

Giờ này bệnh viện đã lên đèn, chắc anh đã ăn cơm và đang đếm bước chân trên đường đất đỏ để tìm những vì sao lấp lánh của em ngày xưa.

Dư âm bản nhạc quen thuộc vang lên từ phòng

quang tuyến đẳng xa. Bản nhạc Trà hoa nữ mà anh hằng ưa thích.

Trời hết mưa rồi, em ngưng bút nơi đây. Gửi đến anh dư âm bản nhạc anh ưa thích và những lời cầu chúc tươi đẹp của em.

Em anh

Hoàng Trang

Bệnh viện Bình Dân ngày...

Anh Duy.

Đêm nay nằm mãi không được, em lại viết thư, chắc tại em suy tư nhiều quá. Đừng trách em làm chi hay mang nỗi buồn vào mình để rồi thối mả suy tư nghe anh. Sáng mai em lên bàn mổ rồi, em chẳng biết nên vui hay nên buồn đây. Chắc vui vì từ lâu rồi sống trong niềm khắc khoải của bệnh hoạn em chờ mong có ngày mai, dù ngày mai sáng sủa hay đen tối hơn.

Giờ này em tưởng tượng đến ngày trở về Hồng Bàng gặp lại anh, các bạn thân yêu, được nghe tiếng nhạc huy hoàng của magnetophone nơi đó, nghe tiếng đàn xưa của anh.

Rồi một ngày nào, em được trở về với gia đình, em sẽ ra đi học trở lại. Em sẽ học y khoa, với màu áo trắng trinh nguyên, em anh sẽ ngồi bên giường bệnh nhân với những lời dịu dàng, em sẽ khuyên nhủ họ như lời vị y sĩ đã khuyên em chiều qua.

Giờ này em nghĩ nhiều lắm, nhưng không biết diễn tả ra sao: Nghĩ rằng nếu một mai phải vĩnh viễn xa anh, xa những người thân yêu nhất, chắc anh sẽ thấy trên gương mặt em tỏa sáng một nét buồn, không phải buồn vì còn tiếc cuộc đời đâu, nhưng vì ân hận chưa làm được gì đẹp lòng những người thân yêu.

Thoảng một nét buồn thôi, nhưng anh vẫn thấy trên gương mặt kia một nụ cười tươi, nụ cười tươi vì đã mãn nguyện vì chẳng chờ mong gì.

Đêm nay trời trở lạnh. Lạnh và buồn. Không phải cái lạnh một đêm đông của kẻ không nhà mà là cái lạnh đến tận tâm hồn của một cô gái trời cho ho lao khi nghĩ đến ngày mai.

Ngoài trời đêm nay không có trăng sáng như đêm nào ở Hồng Bàng, mà chỉ có trăng mờ bị mây đen che kín. Có gió lạnh, nhưng gió lạnh thì không hợp với người bệnh lao. Chỉ còn những vì sao sáng. Em gửi đến anh những vì sao sáng kia với lời ước nguyện. Một mai nếu phải vĩnh viễn xa anh thì tình người ho lao vẫn đẹp như những vì sao sáng của em đêm nay.

Em anh.

Hoàng Trang

Trang đã ra đi và không bao giờ trở lại cùng Duy. Nơi đây vẫn còn những cây bàng lãng màu tím. Còn cây phượng vĩ đỏ ối màu hoa. Còn con đường đất đỏ lý tưởng của Trang. Mà chỉ còn mình Duy với niềm nhớ thương với với.

HOÀNG TRANG

nuôi sẹo



CHƯƠNG XI

(tiếp theo)

Nuôi Sẹo nghe lồm biết rằng người làng đã đưa anh tuần bị đâm hôm qua đi nhà thương tỉnh và cụ Tuần buổi sáng đã vào huyện gặp quan Huyện. Nuôi Sẹo nghĩ: « ra Đốc Tít không sợ cụ cụ lớn. Làm giặc như thế mới là giặc chứ ».

Ở hàng bà Ba Mảnh đi ra ga, Nuôi Sẹo vẫn thấy hăng máu. Ra tới đầu ghi, thì gã trở nên giận

TRIỀU - SƠN

dữ lắm. Chẳng giận và tức ai nhưng gã cứ giận và tức lắm. Gã cầm mấy hòn đá ném xuống đường sắt và tà vẹt đến nẩy lửa. Khi gã ra tới sân ga, anh Búng hỏi gã về chuyện Đốc Tít về làng thì gã lồm bồm kể cho y nghe. Anh Búng nói: « Chà Bác Đốc có người vợ thứ năm vừa mới chết mo, nói như gã quen thuộc họ hàng gì với Đốc Tít. Rồi một lát, y thêm như ra tiếng tiếc một cái gì: « Đời này được làm vua, thua làm giặc ». Nuôi sẹo ngẩn ngơ bước lên đầu kho. Gã nhìn về phía cây đa môn xối và bãi ông Đống, nghĩ: « Tại sao đốc Tít lại không lấy luôn cái bà Huyện hay tiêu thư làm vợ có được không? Nhưng mà đốc Tít ở đâu? ». Khi Nuôi Sẹo cầm cái gậy khoan đen khoan vàng sắp đi ra thì bà Bồi dặn gã: « Cu lớn! cho phép mày cứ việc đánh chữ cha chúng nó lên, cứ việc rạch năm vạ có gì đã có cụ lớn ». Nuôi Sẹo định đi lối cửa đông, nhưng chưa ra tới giếng xây, gã đã quay lại bước về phía đường sắt để đi ra lối ga. Trời đã đầy nắng một thứ nắng tươi và ấm. Nhưng Nuôi Sẹo nhìn vào những bụi cây ngải, cây phèn đen, những cây bìm bìm, cây mo tam thể và những thứ cây ít người biết tên ở các bờ rậu hai bên đường sắt tưởng như hơi lạnh của mùa đông còn ăn đầu dây. Gã nghĩ thấy phăng phất mùi đất ẩm lẩn mùi lá thối. Ra tới bơm nước, Nuôi Sẹo đã nghe thấy tiếng đàn tàu « từng từng từng từng từng từng từng... » Gã biết ngay đó là điệu « mình ơi có đi bờ hồ » Gã cũng biết là hôm nay ba cả Luận đi vắng nên cậu Tảo mới dám bỏ đàn ra gảy.

Nuôi-Sẹo dừng ở trước cửa hàng bà cả nhìn vào. Hàng chỉ có một người khách đang ngồi sau cái điều. Ở ngay trước cửa, ba bốn đứa trẻ con phố đứng nhìn vào, một đứa mắt toét nghẹo mãi cổ, cúi gằm mặt như nó lấy mắt để nghe đồn: « mình ơi có đi bờ hồ, cùng ta chén kem kẹo dừa, xin đừng là đừng từ chối. » Tảo ngồi sau chông hàng nghiêng cái đầu tóc bộp rẽ tre, tay gầy tay bầm phím, miệng liên liên hát theo tiếng đồn « trong túi có mười rỗng xanh »....

Nuôi-Sẹo lên đến cửa ga thì nắng đã làm hiện rõ bóng nhà ga tới nửa sân. Mấy người bán hàng đã bày chông hàng ra sân ga. Nhưng giờ tàu còn xa nên khách hàng chẳng có bao nhiêu. Lão phó Tểu đang

NUÔI SẸO • NUÔI SẸO • NUÔI SẸO • NUÔI SẸO • NUÔI SẸO • NUÔI SẸO • NUÔI SẸO • NUÔI SẸO

hý-hoáy hót tót cho một đứa trẻ trước cái bàn và cái gương lớn-dốm vàng của lão để dựa vào tường nhà ga. Hai ba con chó vàng chó đen chạy lờn nhong. Một con lợn thả rong ve vầy dưới di thờ thần, cạnh mấy con gà đang bới đất ở chân bụi gang gần bếp nhà ông xếp ga. Mấy đứa trẻ đang đánh đáo ở đám đất gần đầu kho. Những đứa khác cầm rá và chờ đợi cái xe bò gẹo ở phố sắp chỗ gạo ra xếp vào cái va-gông đen sì đậu ở đầu kho. Những đứa khác nữa đánh đáo vỏ cây ở những cây gỗ lớn nằm ngổn-ngang ở gần bờ gang. Cạnh đó gần cái gốc cây, cây gang bị cửa cụt ngổn cùn cao bằng được gang tay, mấy người ăn mày cời áo để phơi nắng và bắt rận. Cửa ga còn đóng, cảnh phố lúc này im-lặng khác thường. Có tiếng gà cục ta cục tác ở đầu đưa lại. Và vẫn tiếng từng từng từng từng từng. Nuôi-sẻo nghe điệu đàn này nhắc đi nhắc đi nhắc lại mãi nó đã thấy đều đều phát buồn như tiếng xay lúa, tiếng sư gỏ mõ trên chùa. Gã nhìn thấy khói bay trên mấy bếp nhà ông xếp, im lặng và nhẹ lờn vồn mấp mờ. Nuôi-sẻo ngồi vào bậc cửa nhà ga nhìn về phía các hàng cơm, giữa lúc một gia đình lò rền đi tới sân ga. Người chồng đặt gánh một bên cái bệ và một bên cái thùng có thừng con nhỏ dưới một chiếc uốn cong tò vò. Đi sau người chồng, vợ đầu đội cái thùng, người mệt mỏi và đất cát bám vào ống chân. Nuôi-sẻo biết họ đi xa đến đây. Người chồng đặt gánh gánh ở giữa sân ga thì người vợ cũng để thùng bên cạnh cái bệ. Nuôi-sẻo trong thấy thò ra ở giữa miệng thùng một cái chôi xấ, một mảnh dẻ và một mảnh vĩ buồm. Bác Ngoạn gái bán hàng ở gần đây mời: « ông, bà ngồi nghỉ chân uống nước ăn quả. » Hai vợ chồng nhìn nhau không nói, còn đứa con vẫn ngồi trong thúng gạo ngác nhìn chung quanh, từ nhà ga cho đến các hàng cơm. Nuôi-Sẻo thấy đầu nó đầy những mụn nhọt lại có cái trán nhô ra ở phía trên hai con mắt đen sâu như hai cái hố nước cạn và tối. Gã chợt nhớ đến những hôm gã làm phụ với bác Thiệp ở bên đò Sen. Gã vẫn thường thấy những cảnh vợ chồng gánh con, chôi cùn, rê rách đi như thế này. Có những buổi chiều hè, Nuôi-Sẻo bên móng cầu sứt mẻ, cạnh bụi lau mà nhìn họ đi. Nắng chiếu vào những chân mệt mỏi nhưng vẫn cố bước làm tung bụi trên con đường phía bên kia sông. Nuôi-Sẻo lúc ấy ngần ngại, tưởng đến những nơi xa mà gã chỉ nghe tên: Cầm-Phà, Hồng-Gay, Mông-Cái, Hàn-ôi, Hải-Phong, Nam-Kỳ và Tân-Thế Giới.... gia đình họ đã đi khuất rồi mà Nuôi-Sẻo còn ngồi nhìn mãi con đường, con đường trắng ngoằn ngoèo qua cánh đồng, len lỏi vào các bờ tre làng như đưa tới những cảnh trí ước-mơ mấp-mờ ồn-ào, có những buổi hội thâu đêm đến sáng có những cô ăn dầm-dề liên-miên, hết ngày này đến ngày khác....

Nuôi-Sẻo đang ngồi đục mặt thì thấy có người vỗ vào vai. Gã giật mình đánh rơi gậy xuống bậc cửa. Anh Búng đã đứng bên cạnh gã đang nhìn cái

gia đình lò rền kia đi về phía trường học, gia đình đi khuất lối, anh ngồi xuống bên cạnh Nuôi-Sẻo nói: « đất An-Giang này là đất dãi ngoi, người tứ chiến đến đây làm ăn tốt lắm. Đây như những chiếc nón ở đầu nó đến đây ấy thế mà cũng giàu nứt đố đổ vách. Mình cứ ở đây mãi rồi cũng phải có hồi khâm khà. Đời này đất mất cò đậu. Người đâu que dầy cần gì. Nuôi-Sẻo chú ý nghe nhưng chẳng trả lời anh Búng nửa câu, anh Búng nhìn gã chửi: « đéo mẹ nói với mày chán quá, cứ vạch đầu gối ra nói chuyện còn hơn. » Nhưng anh không đứng dậy, ngừng một lát lại rồi ra chuyện thằng Nghiện ra nói, anh nói thằng Nghiện đại đi nghe người khác rồi lại chửi hai Cón: « đéo mẹ thằng này, tao sống thì nó chết, tao chết thì nó sống, chứ không thể đợi trời chung được với nó ». Ngừng một lát, anh lại nói thêm: « tao mà không lấy đầu được thằng này thì tao sống cũng không yên. » Anh giận-dữ lên cao giọng: « mà đéo mẹ hai thằng Bêu lớn, Bêu con chúng nó có bệnh bở nó thì tao lấy đầu luôn thể. Thân thể thì thân thể, tao cứ đòi cái mạng tao lấy cái mạng nó là cùng chứ gì. Như Đon-Hùng-Tín kia ra trận còn sợ gì nữa đâu? Đéo mẹ mày cứ bằng bát thì ông mới sợ. Nuôi-Sẻo nhìn anh Búng tưởng như anh có thể làm những việc ấy ngay bây giờ. Nhưng anh chỉ trừng mắt nhìn thẳng vào mặt gã: « mẹ cấp ông nói với mày mà mày cứ bép xép thì ông cứ chặt mẹ nó ngay cái đầu mày luôn thể cho xong chuyện. Ông chặt bốn cái rồi ông cũng đến chết một mình ông là cùng, vừa nói anh Búng vừa nghiêng bàn tay đập vào cổ Nuôi Sẻo làm gã phải cúi đầu gò cổ lấy gân, đợi cái đập thứ hai, nhưng cái thứ hai không đến, gã xê người gườm gườm đứng dậy. Anh Búng hỏi gã: « mày đi đâu mà đứng dậy, cầm gậy đi đòi nợ sao còn ở đây làm gì? Nuôi Sẻo chợt nhớ là phải đi đòi nợ cho cụ lớn Tuấn. Gã vội vàng đi qua đường sắt, thẳng đường đi về phía ấp Tái.

Khi đi đến cạnh bãi ông Đống, gã dừng chân lại một lát, tay cầm chắc cái gậy tre đục, nhìn quanh quẩn gã chỉ thấy mấy trẻ chăn trâu đang cho trâu ven bãi. Và xa xa gã nghe thấy đưa lại tiếng đàn bà vi veo chửi đứa nào để trâu ăn lúa. Nuôi Sẻo nhìn cái mộ ông Đống lù lù ở đầu bãi. Trên mộ những thoi vàng giáp, đã rửa vì nước mưa chỉ còn khung tre một ít chân hương đỏ nhợt. Nuôi Sẻo lại bước đi.

Nuôi Sẻo đến ấp Tái, vào thẳng nhà cả Chất, con Quán Mâu, đề hỏi nhà tư Khánh. Cả Chầy cho đứa con gái đàn gà đến tận cổng nhà con nợ. Đó là một cái nhà gianh nhỏ một gian hai chái ở mãi đầu ấp. Con bé chỉ Nuôi Sẻo cái cổng mở hấp hé rồi bỏ về. Gã bước vào tới giữa cái sân đất hẹp, nhìn ngang ngửa vẫn không thấy có người nào lên tiếng. Nặng im lặng giải vào một ngọn đồng rom, mấy ngọn bườì lá vàng non lưa thưa lẫn với lá xanh. Một con chó đen nhỏ vừa gầy vừa ghe nằm im như chết ở đầu hè, trong ánh nắng cạnh một chiếc guốc đứt. (còn tiếp)

DƯỚI MẮT THƯỢNG-ĐẾ

HANS KILLIAN

(HINTER UNS STEHT NUR DER HERRGOTT)

● Bản dịch của NGUYỄN-VĨNH-ĐỨC
và NGHIÊM-SỸ-TUẦN

QUYẾT ĐỊNH TO TÁT

Bước vội lên cầu thang, tôi không khỏi không nghĩ đến câu thơ đăng cay của Frederic Hebbel khi nói đến cha ông làm thợ nề : « Sự nghèo khổ đã chiếm chỗ linh hồn »...

o o

Trong phòng mổ, mọi người chỉ chờ có tôi. Trên bàn, trải khăn trắng lên người bệnh nhân chỉ chờ có cái đầu. Những ngọn đèn mổ chiếu thẳng vào chiếc mặt sưng húp. Trong ánh điện, bộ mặt người thợ còn đáng sợ hơn; ánh đèn hình như cắm sâu vào chỗ sưng mủ. Vây mục ở bên thái dương, độ chừng nửa phân vuông, óng ả như tuyết.

Anh sinh viên vừa mang dụng cụ đến, trên một chiếc khay có đèn cồn, hai lọ nước và vài miếng kính thử để hứng mủ rồi đem nhuộm màu để xem dưới kính hiển vi. Cô nữ-y tá phòng mổ như một cái máy biếm soát lại lần cuối các dụng-cụ giải-phẫu. Nào là pince kocher, kéo, dao mổ. Những ống cao su để hút nước cuốn cuộn trong một chiếc bình như những con rắn. Những miếng gạc để cạnh những kim, chỉ và kẹp kim. Những dụng cụ khác còn để trong túi vải. Bây giờ phải quyết định mổ hay lấy mủ đi khám nghiệm. Trong cả hai trường hợp mọi người và dụng cụ đều sẵn sàng cả.

Tin đồn đã bay khắp bệnh viện ; ông thầy đang gặp một trường hợp đặc biệt và hi-hữu, phải quyết định ngay, cánh cửa phòng mổ bỗng mở. Tôi thấy cô bác sĩ Monica đang rón rén bước vào. Nàng mới đi đến đây nhưng đã chiếm trọn cảm tình của mọi người. Không những thủy mị có duyên và vui tính, nàng lại bình tĩnh lạ thường và lương tâm tận tụy thoáng hiện qua đôi mắt đen lầy. Ai cũng trầm trồ khen ngợi khi thấy dáng dong dỏng cao và bộ mặt xương của cô bác sĩ Monica đi *visite*.

—Tôi đến coi một chút được không, anh Kilian ?
Vừa xoa xà phòng rửa kỹ đôi tay, tôi vừa mỉm cười trả lời :

—Ồ ! Hân hạnh ! Hân hạnh ! — Rồi khẽ hất đầu chỉ về phía bàn mổ — Một cas quần dính ở da đầu, nhưng tôi đang phân vân đây.

Tôi lau khô tay rồi cầm khoác một chiếc áo Blouse để mặc cho cô y tá buộc giây đẳng sau lưng mà tiến đến bàn mổ. Monica đang đứng cạnh bàn mổ nhìn bệnh nhân. Đôi tay thọc trong túi áo blouse, nàng ngẫm, về nghĩ ngợi, chỗ vây mục trắng bên thái dương, khác hẳn với chỗ sưng tấy đỏ ở mặt. Nàng có vẻ suy nghĩ nhiều lắm; trong đôi mắt đen lầy hiện vẻ hiền-huân nhân-ái.

Cô y tá đeo đôi găng tay đã khử trùng cho tôi đây là cần thận quá mà thôi bởi, thường thường, không cần phải đeo găng khi lấy mủ. Nhưng có thể là « ị » chùm cầu vồng nguy-hiểm và quý quái nhất trong các loại vi trùng. Tôi quay mặt về Monica và nói :

— Không thể khử trùng bên thái dương được vì cơ thể làm thay đổi cuộc khám nghiệm đi. Tôi có luôn một que platine dưới chỗ vây mục để lấy nước dĩ nhiên đừng làm cho chảy máu !

Cô nữ-y tá đưa tôi chiếc que platine. Tôi đốt trên ngọn lửa đèn cồn. Rồi, khẽ nâng một phía vây mục bằng một chiếc kẹp thật nhỏ tôi khẽ luồn chiếc que platine để hứng nước nhọt chảy ra tôi quẹt vào miếng kính nghiệm để nhuộm màu. Rồi quẩn một miếng sặc nhỏ đem hút vào chỗ mụn để vào một cái lọ cho đem đi cấy vi trùng.

Miếng kính và lọ đựng miếng sặc, tôi giao cho cô y tá đưa ngay đi viện Pasteur khám-nghiệm. Tôi bảo gọi Charles đến :

DƯỚI MẮT THƯỢNG-ĐẾ—DƯỚI MẮT THƯỢNG-ĐẾ—DƯỚI MẮT THƯỢNG-ĐẾ—DƯỚI MẮT THƯỢNG-ĐẾ—

—Anh Charles này, việc này quan trọng lắm. Anh nhẩy lên xe đạp và đem ngay đến viện Pasteur. Anh lên lầu hai gặp B.S Faundler nhé. Anh đưa ngay gói này và chờ đem kết quả về ngay. Tôi đợi anh ở phòng mô này. Để tôi gọi điện thoại cho ông ta. Anh đi ngay đi.

Charles vừa đi khỏi, tôi cũng gọi điện thoại ngay. Tôi muốn báo cho Pfaundler biết việc này thật khẩn cấp.

Chúng tôi quen biết nhau đã lâu. Anh Pfaundler rất dễ thương, tính tình tế nhị và bất thiệp có một bộ mặt rất đẹp trai lại ra vẻ thông thái. Là một nhà khảo cứu cặm cụi suốt ngày với ống nghiệm, canh cấy với không khí an bình và yên tĩnh của các phòng thí nghiệm, Pfaundler không thể chịu được công việc nhộn nhịp gần như quay cuồng và nhất là những khía cạnh bi đát của cuộc sống bệnh viện...

Như mọi lần, điện thoại viện Pasteur ít khi rảnh nên phải đợi hai phút mới bắt được đầu giây giọng nói quen thuộc trầm trầm của Pfaundler.

— Kính anh. Đề trình anh một việc. Tôi vừa cho một nhân viên đem đến anh đề khám nghiệm mụn nhọt của một cas quần đĩnh kỳ lắm. Có một miếng kính để anh nhuộm và xem hộ cùng một miếng gác thăm mũ. Anh cho xét ngay hộ miếng kính nhé. Còn việc cấy vi trùng để làm sau. Tôi lấy ở nhọt bên thái dương phải. Vì có một vảy mục trắng trên nhọt mũ nên tôi không thể thấy màu đỏ đen của mụn. Anh vẫn nghe đều đấy chứ?

— Vâng, anh nói tiếp đi.

— Vì có cái vảy mục trắng trắng này nên tôi không chắc đó là quần đĩnh. Thoạt nhìn thấy có vẻ là *anthrax* lắm nhưng có thể là nhọt bực da đầu với *oedème* bực. Mắt phải nhắm nghiền sưng húp. Bệnh nhân hơi sốt...

— Bệnh nhân ở đâu đến đây?

— Anh Siegel ở Tundelohheim gửi hân đến đây cho tôi. Đây cũng là một chi tiết quan trọng quý giá để xét đoán là *anthrax*. Hân làm thợ nệm trong một hãng đã có nhiều trường hợp *anthrax* lắm...

— Tôi có nghe nhiều lần...

— Thế hả. Hay lắm. Có thể là quần đĩnh đấy. Nhưng tôi muốn quyết định có bằng có cớ, anh Pfaundler ạ. Cần nhất là phải có bằng chứng đó là chùm cầu. Khẩn cấp lắm: bệnh nhân đang nằm trong phòng mô. Vì vậy, nhờ anh gọi tôi khi khám nghiệm xong nhé. Xin lỗi đã làm phiền anh nhưng cần lắm, nhờ anh giúp hộ cho...

— Thôi đừng khách sáo nữa, cụ ơi. Tôi bắt tay vào việc ngay đây.

Tôi đặt ống nghe xuống. Tôi ngại ngùng và lúng lúng. Khi trình bày cùng Pfaundler, tôi lại càng thấy rõ tình trạng bệnh lý và cơn giông tố trong lòng tôi và trong lòng... người bệnh nữa. Trong phòng tiếng thì thầm to nhỏ. Hiên nhiên tin đồn bay nhanh hơn âm thanh — một lần nữa, tôi lại ngạc nhiên trước cơ hành của hệ thống "giao thông" mà tôi gọi là "hệ thống giao thông vô hình" — rồi thì mọi người tập nập đến... xem. Ai ai cũng hiện vẻ khẩn trương đạo mạo trên nét mặt chứng tỏ họ, cũng như tôi, đều hiểu rõ tính chất cấp kỳ quan trọng khi cần phải quyết định. Cô Bác sĩ Monica lại gần tôi và ngược mắt như thăm hỏi. Tôi nhún vai và nói nhỏ.

— Phải chờ cái đã.

Ngồi trên chiếc ghế sắt, trong góc phòng mô, tôi xét thăm lại những trường hợp quần đĩnh đã gặp từ trước đến giờ. Tôi lại nghĩ đến phương pháp trị liệu và nghĩ đến Pollender, người đầu tiên đã tìm ra nguyên nhân gây bệnh của quần đĩnh. Rồi Robert Koch tiếp tục công cuộc khảo cứu của Pollender và đã cấy được một loại nguyên chất của vi trùng đó. Tôi cất tiếng nói với mọi người.

— Nếu vi trùng chứng quần đĩnh, hay là bệnh than là vi sinh thể đầu tiên được tìm thấy bởi nó như những chiếc gậy khá lớn (dĩ nhiên qua kính hiển vi). Ngay cả những kính hiển vi củ kỷ và thô sơ nhất thời ấy cũng đủ để phân biệt kẻ sát nhân này với thứ vi trùng khác được người ta đặt cho các tên mỹ miều là chùm cầu vàng. Ở viện Robert Koch, tôi đã có dịp ngắm những chiếc gậy nhỏ ở đầu có những vỏ bọc (capsule) tròn tròn, hay những chùm len lạp kỳ trên những cành cây giống như những mớ tóc rối nhơ.

Tôi kể tiếp về những biến chứng và đặc tính của bệnh: bệnh than ruột (*charbon intestinal*) là "bệnh của những người đồ rác" hay bệnh than phổi và một nhọt mụn cấp kỳ, một thể quần đĩnh ở da. Quần đĩnh ở da do những lông thú vật nuôi trong nhà mắc bệnh than hay do các da thuộc.

Trong trường hợp này, bệnh nhân chắc bị nhiễm trùng bởi những lông bờm ngựa thừng dùng trong các xướng làm nệm. Nhưng may thay — đến đây, tôi cất cao tiếng giảng cốt để bệnh nhân nghe thấy — da không bị chảy hay thủng thì không ngại gì cả.

Rồi hạ giọng tôi tiếp:

— Trái lại, nếu vi trùng nhập vào máu thì nguy đến tính mạng. Không có một phương pháp nào để chủ trị chứng nhiễm trùng huyết chùm cầu (*septicémie staphylococcique*) còn về nguyên nhân gây bệnh, các bạn chắc còn nhớ những cuộc thí nghiệm kỳ lạ của Besredka về vai trò bí hiểm của da.

Hôm nay, tôi thấy những điều tôi giảng dạy thiếu

hiệt tâm. Để tài rất hấp dẫn nhưng tôi không thể tập trung tinh thần được. Nặng trĩu như một gánh nặng lâu nhân, trong ý tưởng tôi chỉ có một câu hỏi khủng khiếp đang ngự trị : kết quả khám nghiệm vi trùng học là sao ? Nếu, như tôi dự liệu, miếng kính quết mù ấy có chùm cầu vồng Pfaundler không khó khăn và lâu gì là chưa tìm ra. Không thể nói tiếp nữa, tôi đành ngừng tiếng. Đôi mắt lơ đãng nhìn vào khoảng không, chờ đợi ; cơn căng thẳng lo nghĩ này, và sự im lặng toàn diện này càng không thể chịu được.

Bỗng nhiên chuông điện thoại reo vang. Mọi người giật mình. Tôi chưa đứng dậy, Monica đã nhảy lên và cầm ống nghe lên. Vô tình, tôi nín thở. Có phải Pfaundler không ?

Tiếng Monica :

— Không ạ ! Không phải đâu ạ. Tôi không biết, là tôi gọi tổng đài.

Tôi thờ dài. Gọi điện thoại nhằm giữa lúc đang căng thẳng và chờ đợi này ! Monica đi về phía tôi.

— Người ta gọi B.S Heller :

Nàng nói như thể xin lỗi đã làm chúng tôi thất vọng.

Lại chờ đợi. Trong im lặng căng thẳng. Qua cửa sổ tôi thấy những đám mây như những chiếc bánh phồng tôm, nặng trĩu mưa, bay từng đàn nhẹ nhẹ và chậm chạp càng thử thách sự kiên nhẫn của tôi. Pfaundler đến đâu rồi ? — Có lẽ hẳn quên rồi, — tôi không thể để người bệnh nằm hoài trên bàn mổ được ! Khốn nạn, — chắc hẳn còn căng thẳng và lo nghĩ hơn cả tôi.

Tôi tưởng tượng Pfaundler trong phòng thí nghiệm, tôi nhằm thăm những công việc hắn đang làm. Tôi thấy khuôn mặt hắn luôn luôn buồn. Có lẽ hắn đang giờ nghỉ ngơi lên tâm mắt để nhìn vào kính hiển vi. Hắn đã tìm thấy kẻ sát nhân chùm cầu vồng hay không ? Tuy vậy tôi có thể tự an ủi : Pfaundler là người rất có lương tâm, có thể tin tưởng hoàn toàn nơi hắn. Khổ thay, vì có tính cách quyết định quan trọng, hắn phải rất tỉ mỉ, vậy phải làm thật chính xác vì vậy phải chờ vì... lâu ! Người bình tĩnh nhất trong bọn chúng tôi lại là bệnh nhân. Chỉ có một lần, hẳn nhìn tôi như muốn hỏi điều gì. Xong, có lẽ tự hồ thẹn với chính mình vì không đủ kiên nhẫn, hắn quay mặt nhìn vào tường và lại nằm bất động.

Sau cùng, chuông điện thoại lại reo vang. Lần này tôi đến gần ống nghe. Nhưng vì tay còn đeo găng khử trùng, nên tôi nhờ Monica đặt ống nghe sát tai tôi. Ở đầu dây, giọng Pfaundler thật thờ ơ và bình tĩnh lạ thường.

— Kính anh, tôi đã xét rất kỹ càng nhưng không thấy gì cả. — không có gì cả ! Miếng kính sau khi nhuộm thấy có vài chú vi trùng tròn và dài nhưng không có một cô chùm cầu vồng nào.

Muốn chắc hơn, tôi lại quệt miếng gạt vào một miếng kính và lại nhuộm không thấy gì cả kilian ơi !

— Vâng. Vậy không phải là quần đĩnh phải không ? Ý kiến của anh là vậy phải không ?

— Đúng thế.

— Vậy là một nhọt bọc da đầu phải không ?

— Tôi không biết. Cái đó tôi không biết được. Người bệnh của anh, tôi biết làm sao được. Tôi chỉ có thể bảo đảm với anh một điều : sau khi khám nghiệm các tấm kính anh gửi đến cho tôi, đây không phải là một quần đĩnh.

Hắn còn nói thêm vài lời nữa, nhưng giọng nói bỗng nhiên nhẹ hẳn, ngập ngừng, hình như lắp bắp vài câu. Quay đầu lại tôi thấy tay Monica run cầm cập. Mặt nàng tái mét. Tôi khẽ nói với Monica.

— Bác sĩ ơi ! Làm gì mà run vậy.

Rồi nói vào ống điện thoại :

— Cảm ơn ông anh nhé, kính chào đại ca.

Monica đặt ống nghe lên máy điện thoại. Nhưng tôi không thể nào rời máy. Tôi từ chối không thể hiểu được những điều Pfaundler vừa nói với tôi. Đáng lẽ tôi phải mãn nguyện. Pfaundler đã hùng hồn trả lời tôi có lý nghĩa là án chôn của B.S. Siegel nhầm lẫn : không phải là một quần đĩnh. Tuy vậy tôi không cảm thấy mãn nguyện. Trái lại, gánh trách nhiệm hình như còn đè nặng hơn trên đôi vai tôi. Trong khoảng khắc một vài giây, tôi phải suy nghĩ một điều thật khốc độ vô không thể tránh được và sắp sửa xảy ra. Sau cùng, tôi lấy bình tĩnh và quay về phòng mổ.

Tôi báo cho bệnh nhân hay :

— Không phải là quần đĩnh đâu ông ạ ! Ông B.S chuyên khoa về vi trùng học vừa xác nhận với tôi xong, không tìm thấy gì cả.

Rồi, trong im lặng, tôi sửa soạn mở nhọt bọc. Cô y tá đứng cạnh bàn dựng đỡ mổ đang chờ lệnh. Một lần cuối tôi nhìn lại chỗ vẩy mực trắng trắng kỳ dị kia, một vết nhỏ nhoi trong đám thịt sưng đỏ như hoa phượng. Người bệnh, mím chặt đôi môi, quay mặt nhìn tôi không chớp mắt. Tôi nhìn lại người thợ làm nệm và giờ bàn tay phải lên. Đó là 1 hiệu lệnh gần như một nghi thức cổ truyền : Cô y tá đã đưa vào tay tôi con dao mổ giáng điệu rất chính xác và máy móc. Tôi sắp sửa mổ.

Cành tay trái bệnh nhân đặt trên một chiếc giá. Một anh sinh viên buộc dây cao su để làm nổi mẩn lên gân xanh căng phồng. Sau khi bôi cồn lên da, anh cầm chiếc ống tiêm đựng thuốc. Một dung dịch vàng nhạt, thuốc EVIPAN lỏng lánh trong ống. Anh lại dựng ngược ống tiêm và đẩy những bọt không khí qua kim tiêm...

còn nữa

KENNETH WALKER LỊCH SỬ Y HỌC

bản viết văn của hòa hợp nghiên

AMBROISE PARÉ (1510-1590)

(tiếp theo)

Paracelse tin tưởng một cách tuyệt đối vào khoa học mà ông đã được mặc khải. Ông không ngần ngại tuyên bố rằng ông hơn hẳn những y sĩ cổ điển. Ông nói với các Sinh viên tại Đại học Balê:

« Kiến thức của các anh và các tác giả mà các anh đọc không vượt dài hơn bộ râu của tôi, những khuy giầy của tôi còn biết nhiều hơn Galien và Avicenne. Tôi ! Chỉ có tôi. Các anh phải nghe tôi và phải theo tôi. Tôi sẽ không theo Galien, Avicenne, Rhazès, Montagna và Mesues ».

Bài diễn văn khai mạc ấy không có tác dụng gây nên một nếp sống hòa bình ở Đại học Balê. Cho nên chúng ta cũng không ngạc nhiên khi thấy chỉ hai năm sau Paracelse đã rũ bụi thành Balê khỏi gót giầy và tiếp tục cuộc hành trình rong ruổi. Lối sinh hoạt hàn-lâm-viện không thích hợp với ông, và ông cũng chẳng muốn ép mình vào đấy làm gì. Đối với ông cuộc sống là một cuộc hành hương vô tận. Về sau này ông viết :

« Tôi theo đuổi, đi tìm y thuật, nhiều khi nguy hiểm đến tính mạng. Tôi không ngần ngại học hỏi những bọn lang thang, bọn thợ cạo. Kẻ si tình có thể đi thật xa để tìm gặp người yêu ; có nơi nào mà kẻ thêm khát chân lý không tìm đến để gặp thầy học hỏi ? »

Paracelse, con người trộn lẫn thần thánh với ác quỷ có thể làm mẫu đề cho Goethe mô tả Faust. Cuộc đời vô định của ông nổi lại, người ta gặp ông ở Colmar, ở Saint-Gall và cuối cùng ở Zurich. Ở rục rờ. Ở đâu ông cũng được tiếng là đã chữa khỏi bệnh một cách kỳ lạ. Bệnh nhân khâm phục ông, nhưng nhà cầm quyền ghét bỏ và thế nào sao cùng cũng tìm cách đuổi ông ra khỏi tỉnh. Khi đã trở về già ông viết : « Tôi không biết cách làm vừa lòng mọi người, trừ những bệnh nhân tôi chữa trị ».

Đối với chính mình ông cũng ngay thẳng như đối với mọi người, ông cũng tự biết là đa số các bạn đồng nghiệp đổ kỵ ông. Ông chấm dứt cuộc

đời vô định ở Satzbourg, lúc ấy đã một mối đến gần như kiệt lực. Khi xưa lúc thiếu thời ông đã có ý định lập nghiệp ở đây ; năm 1541, tuổi đã ngoài năm mươi, ông trở về và mất ở đó. Như ông đã tiên đoán, hai mươi năm sau thiên hạ mới bắt đầu hiểu những điều ông giảng dạy.

Thật ra với những lý thuyết của ông, hai mươi năm hãy còn là ít quá. Cho đến ngày nay người ta cũng không hiểu bao nhiêu. Theo ông thì y học dựa trên bốn trụ cột : triết lý, thiên văn, hóa học và sự khôn ngoan (Sapientia). Triết học là cửa ngõ đưa vào y học. Thiên văn học và cả khoa chiêm tinh nữa đối với ông cũng cần thiết cho y sĩ. Hóa học cần thiết để hiểu một vài nguyên lý trong vũ trụ, và cũng để pha chế một vài bài thuốc nhưng trên hết cả là sự khôn ngoan (la sapientia) Paracelse tuyên bố :

« Có nhiều không có một chút khôn ngoan nào hết. Không có sự khôn ngoan họ không làm việc gì được và không có ích lợi cho đồng loại. Chỉ có những kẻ khôn ngoan mới có lý trí, không nhầm lẫn mà cũng không ngờ vực. Sự khôn ngoan ấy không có trong sách vở, cũng không có trong ngoại vật ; nó ở ngay nơi chúng ta. Người y sĩ phải tìm sự khôn ngoan ấy trong Thánh Thần ; nếu tìm trong ngoại giới đó sẽ là những y sĩ giả hiệu. Người y sĩ phải hành nghề để phục vụ bệnh nhân chứ không phải làm lợi cho riêng mình.

Thời gian đã trôi qua rất nhiều ; ngày nay chúng ta chỉ có thể xét đoán Paracelse qua các trước tác ông để lại. Nhưng những tập bản thảo di bút của ông rất là hỗn độn và rất khó phân biệt những tài liệu giả mạo. Nhưng dù tác giả của những trước tác, mà người ta vẫn coi là của Paracelse, là những ai đi nữa, nhiều người trong số đó đã tới một trình độ rất cao và phản ánh một tinh thần giống như Hippocrate. Trong những trước tác, Paracelse không tìm cách kích động quần chúng vì chính ông không cần nổi danh. Trong cuốn « Trường

KENNETH WALKER — LỊCH SỬ Y HỌC — KENNETH WALKER — LỊCH SỬ Y HỌC — KENNETH WALKER

Thọ» ông thú nhận một cách minh bạch là đa số không hiểu phương pháp và cách trị liệu của ông. Ông chỉ viết cho những người đã hiểu biết khá. Những châm ngôn sau đây rút từ những tác phẩm mệnh danh là của Paracelse :

— Người y sĩ phải đem ngày lo âu đến người bệnh, phải hết sức suy nghĩ, biện luận để phục vụ người bệnh.

— Những y sĩ hay nhất là những người ít nhầm lẫn nhất. Có người chẳng may đã đầu độc bệnh nhân bằng thủy ngân, có người cho thuốc xổ hoặc rich huyết bệnh nhân cho đến khi chết luôn. Có kẻ đọc sách nhiều quá đến nỗi quên cả những điều thường thức; có kẻ lại nghĩ đến lợi riêng hơn là nghĩ đến sức khỏe của người bệnh.

Người y sĩ phải là người trợ giúp chứ không phải là kẻ đối địch với người thiên nhiên; người y sĩ không thể vì ảnh hưởng sai lầm của mình làm cản trở sự khỏi bệnh.

— Nếu người muốn làm một y sĩ thật sự, người phải suy nghĩ lấy chứ không được hưởng thụ những tư tưởng của người khác.

— Muốn thành một nhà hóa học phải tìm hiểu hóa học của đời sống. Y khoa không những là một khoa học mà còn là một nghệ thuật, bởi vậy không phải làm thuốc cao, thuốc dán, thuốc viên, thuốc hườn mà thôi, mà còn phải chữa trị những hiện tượng về đời sống, mà ta cần phải hiểu rõ trước khi chữa trị theo một chiều hướng nào đó. Một ý chí cương quyết có thể làm khỏi bệnh, sự nghi ngờ đưa đến thất bại. Tính tình của người y sĩ có thể nhiều tác dụng hơn là những bài thuốc.»

Paracelse là một đệ tử của triết học cổ điển theo đó con người là một tiểu vũ trụ trong một đại vũ trụ. Tất cả vũ trụ từ hòn sỏi đá cho đến cả Thượng đế cũng tập trung nơi con người, và con người cũng chịu theo những luật vũ trụ. Paracelse viết :

« Con người đã được sáng tạo và hoàn thành một cách mẫu nhiệm. Đi sâu vào bản chất con người mới thấy nó to lớn vĩ đại, không có gì trong thế gian có thể so sánh kịp. Nơi con người ta lại thấy Thượng đế ngự trị trên thiên đường, Thượng đế toàn quyền mà năng lực tác động chính nơi con người. Chúng ta có thể thấy Trời ở đâu, nếu không phải ở nơi con người? Vì tác động của Trời

từ nơi con người xuất phát, Trời phải ở trong lòng chúng ta. Bởi thế Trời biết những lời ta cầu nguyện trước khi ta đọc lên, vì Thượng đế ở gần linh hồn ta hơn là những lời nói.

Con người sinh ra từ lòng đất, vì vậy nó mang tính chất của đất. Nhưng sau đó, khi được sinh trở lại con người là Thượng đế, và như thế con người có tính cách linh thiêng. Con người trong thiên nhiên được soi sáng bằng ánh sáng của vũ trụ để hiểu bản chất; tương tự như vậy con người được Thánh Thần soi sáng để tìm hiểu Thượng đế. Bởi vì con người không thể hiểu Thượng đế nếu bởi bản chất nó không linh thiêng, cũng như con người không thể hiểu thiên nhiên nếu nó không phải là một phần vũ trụ. Mỗi người chúng ta đều gần bó với nguồn gốc mà một ngày kia chúng ta phải tìm về ».

Paracelse tuyên bố nhiều điều về y học cũng mới mẻ như ý kiến của ông về tôn giáo và triết học :

« Bệnh tật không phải do y sĩ hay thuốc thang gây ra; nhưng người y sĩ có thể làm cho bệnh thêm nặng cũng như có thể chữa khỏi. Thầy nào có thể vượt hơn thiên nhiên? Thiên nhiên khôn ngoan và khiến cho sự vật có ý nghĩa, chính thiên nhiên mới là kẻ cho toa thuốc. Nghệ thuật chữa khỏi bệnh đến từ thiên nhiên chứ không phải do y sĩ mà có. Bởi vậy y sĩ phải lấy thiên nhiên làm khởi điểm với một tinh thần cởi mở.

Lý thuyết và thực hành phải tạo thành một toàn thể không chia cắt được. Mỗi lý thuyết là một tri liệu bằng lý luận.

Thực hành không thể đặt nền tảng trên lý thuyết; Chính lý thuyết nhờ thực hành mà có ».

Sau đây, theo Paracelse, là tính cách của một thủ thuật gia cũ :

« Nói về tính nết trời cho

Một lương tri sáng tỏ

Lòng ham muốn học hỏi, thu thập kinh nghiệm

Một tâm hồn rung cảm, một tinh thần lạc quan

Một cuộc sống đạo đức và bình dị

Nhiều quan tâm đến danh dự hơn là tiền bạc

Nhiều quan tâm đến bệnh nhân hơn là chính mình

Và nhất là, y không lấy một bà vợ mê tín.»

— còn nữa —

Hộp thư tòa soạn

● **TÒA SOẠN ĐÃ NHẬN ĐƯỢC THI PHẨM CỦA CÁC BẠN:** Chu Tân, Trương ngọc Trynh, Triều nghiêm Nguyễn, Nguyễn lệ Tuấn, Thanh hải Sơn Thanh, Cao gioàn Ngệem, Máy viên Xứ, Phạm ngọc Lân, Đỗ Nghê, Yên uyên Sa, Trần thị Gioan, Nguyễn thành Phước, Lang Chung, Trầm tích Duyên.

● **CÔ HẢI HẬU SAIGON:** Anh chủ nhiệm đã nhận được thư của cô — Cảm ơn Cô về những cảm tình dành cho Tinh Thương, các tác phẩm của cô chắc đã bị các trường ban liên hệ gác không đăng. Mong được nhận những truyện ngắn sâu sắc hơn. Thân.

● **BẠN PHỒ SA (Sinh viên Luật Khoa).** Đã được «Vải ý nghĩ về bản tuyên ngôn quốc tế nhân quyền 1948» của anh — Đã chuyển đến trường ban Quản Điểm Xin đa tạ.

● **TRUNG TÂM XAVIER HUÊ** — Chúng tôi nhận được thư của Quý Trung tâm, trong năm thứ của Tinh Thương, chúng tôi cũng sẽ gửi biếu đến Trung tâm các ấn phẩm báo chí, tài liệu của chúng tôi.

Cước phí không là bao (vì chúng tôi đã được giảm giá), nên chẳng đặc thành vấn đề.

● **BAN ĐẠI DIỆN SINH VIÊN LUẬT HUÊ** — Chúng tôi xin tán thành ý kiến của các bạn. Các bạn có thể liên lạc với anh Nguyễn đắc Xuân để mỗi số báo có thể lấy biếu 5 số (kể các số báo cũ) vì phương tiện trên không sợ bị thất lạc và mau chóng. Xin các bạn hãy liên lạc với anh Xuân. Mền nhiều.

TIN MỪNG

Tòa soạn Tinh Thương xin có lời chia vui và chúc mừng hạnh phúc cùng Anh **TRẦN-VÂN-THƯỜNG SVYK VI** nhân ngày lứa đôi của anh với chị **TRẦN-THỊ-LOAN** (Giáo sư II cấp). Toàn thể Sinh viên Y Khoa Saigon xin chúc anh chị muôn thừa nồng cháy.

Tòa soạn **TÌNH THƯƠNG**

TIN MỪNG

Được tin ngày 4-11-1965 chị **NGUYỄN-THỊ-ANH-THU** Sinh viên Y Khoa năm thứ IV đẹp duyên cùng anh **NGUYỄN-ĐẮC-LẬP** Bác sĩ Y Khoa.

Xin thành thực có lời chia vui cùng anh chị và cầu chúc anh chị nhiều hạnh phúc.

NGUYỄN-HỮU-ẤN

TRANG CHẦU

và các bạn

TIN MỪNG

Tòa soạn Tinh Thương hân hoan chia vui cùng **B.S PHAN-GIANG-SANG** nhân ngày hạnh phúc của anh với **Được-sĩ TÔ-KIM-CHAU**

Thành thật chúc anh chị trăm năm mặn nồng.

Tòa soạn **TÌNH THƯƠNG**

ĐÃ PHÁT HÀNH :

CON ĐƯỜNG

Tiểu thuyết mới **NGUYỄN-ĐÌNH-TOÀN**

GIAO ĐIỂM XUẤT BẢN

đã phát hành toàn quốc

GIÓ MÙA

tiểu thuyết mới của **NGÔ THẾ VINH**

bìa **NGHIÊU ĐỀ**

phụ bản **LÂM TRIẾT NGHIÊU ĐỀ**

SÔNG MÃ XUẤT BẢN